

PHƯƠNG ĐÔNG

GIA - ĐÌNH và

★ **ĐÂN SỐ**

**NGUYỆT - SAN
THÁNG 4
NĂM 1974**

Số **34**

Nguyệt San **PHƯƠNG ĐÔNG**

Số 34, tháng 4 năm 1974, Giáp Dần

Chủ Nhiệm, Chủ Bút : HOÀNG-SỸ-QUÝ — Phụ tá : Ds. TRẦN - QUÝ - THÁI
Phó Chủ Bút : LƯU-TRUNG-KHẢO — Cố Vấn : Bs. HOÀNG - VĂN - ĐỨC

NỘI DUNG

1. Những quái thai gọi là đàn bà ngày nay	HOÀNH SƠN	— 213
2. Tình trạng dân số đang ngoài	ĐỖ QUANG CHÍNH	— 217
3. Nhân số lý tưởng của gia đình. . .	ĐỖ ĐÌNH TUÂN	— 223
4. Kế hoạch gia đình	NGUYỄN TẤN CHỨC	— 230
5. Hiện tượng lớn của thời đại	THẠCH TRUNG GIẢ	— 246
6. Gia đình và dân tộc	THÚY SƠN	— 254
7. Nạn nhân mãn và một nước chậm tiến	HỒ HỮU TƯỜNG	— 259
8. Hạn chế sanh nở	BÌNH NGUYỄN LỘC	— 264
9. Tuyên ngôn	PHƯƠNG ĐÔNG	— 267
10. Con cái với gia đình	TOAN ÁNH	— 270
11. Thơ ngỏ và kiến nghị		— 278
12. Thơ..	NHẤT VIỆT THIÊN	— 281
13. Giải Văn-Học Nghệ-Thuật Toàn Quốc 1972 — 1973 (tt)	ĐÀO SĨ CHU	— 232

TIN TỨC — HỘP THƯ — SÁCH BÁO NHẬN ĐƯỢC

BÌA TRƯỚC DO HƯỚNG DƯƠNG TRÌNH BÀY

VIỆT NAM • PHƯƠNG ĐÔNG • THỜI ĐẠI • THẾ GIỚI • ĐẠO GIÁO

BÁO QUÁN ; 161, Yên-Đồ, SAIGON — Đ.T. : 24.592 — H.T. : 2094

Nguyệt san **PHƯƠNG ĐÔNG**

161, Yên-Đồ Saigon — H.T. 2094 — Đ.T. 24.592

GIÁ BẢO

Mỗi số	120đ
Công số	giá gấp đôi
Một năm	1400đ
Một năm (độc giả sinh viên)	1200đ
Một năm độc giả ân nhân	3000đ sắp lên

Cao nguyên và miền Trung (từ Đà-lạt trở lên) thêm 200đ cước phí máy bay một năm. Ngoại quốc : thêm 800đ cước phí đường thủy một năm.

Quý vị nào tìm được 7 độc giả dài hạn 1400đ, hoặc 10 độc giả dài hạn 1200đ, xin kính biểu một năm báo.

Một số báo mất, xin báo tin và trả một nửa tiền báo và tiền bưu phí, Tòa báo sẽ gửi bù.

CÁCH TRẢ TIỀN

- 1) Ngân phiếu và bưu phiếu, đề cho :

Cô Đỗ thị Phương, **PHƯƠNG ĐÔNG**

161, Yên Đồ, Saigon, H.T. 2.094

- 2) Đến ty bưu điện, trả qua Trương Mục Bưu Điện :

Saigon T/M 2790, Tạp chí **PHƯƠNG ĐÔNG**

161, Yên Đồ, Saigon

ghi địa chỉ và lý do

- 3) Công số, có thể gửi trả vào Trương Mục Tổng Ngân khố V.N.

Saigon T/M 57070, Tạp chí **PHƯƠNG ĐÔNG**

161, Yên Đồ, Saigon

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

1 trang quảng cáo ân nhân	:	12.000 đ
1 trang quảng cáo thân hữu	:	7.000 đ
1/2 trang trong mỗi kỳ	:	2.500 đ
1/4 trang trong mỗi kỳ	:	1.300 đ
Trang bìa mặt sau 2 màu, mỗi kỳ	:	14.000 đ
Trang bìa mặt sau màu, mỗi kỳ	:	10.000 đ
6 kỳ liên tiếp sắp lên	:	bớt 20 phần trăm

Quản lý :

ĐỖ-THỊ-PHƯƠNG

Thư ký tòa soạn :

LÊ-THÀNH-CHUNG

Xuất bản :

VŨ-QUỐC-HUNG

Phân phối :

TRẦN-ANH-HÙNG

NHỮNG QUÁI THAI

GỌI LÀ ĐÀN BÀ NGÀY NAY

□ HOÀNH SƠN

Quái thai là cái người chẳng ra người, ngòm không ra ngòm.

Thông thường thì quái thai chỉ đổi hình, chứ không biến tính. Tính của nó là tính người, tuy hình có thể là voi, ngựa hay một cái gì tựa tựa như thế.

Nhưng ngày nay, có những thứ quái thai «quái» hơn gấp bội, vì nó «quái» ngay ở bản tính trong khi hình hài lại rất «người». Đó là những quái thai mà người ta quen gọi là «mặt người dạ thú» đó.

Dù sao chẳng nữa, nói «dạ thú» là chỉ mới nói đến tính tình, chứ chưa thực nói đến «tính», tức bản tính. Bản tính, đó là cái gì sâu xa hơn và nền tảng hơn gấp bội. «Quái» ở bản tính, cái quái ấy mới là quái ác ôn, quái đáng sợ hơn cả.

Trong những thứ quái này, có quái đàn ông và quái đàn bà. Quái đàn ông, đó là kẻ danh đại trượng phu mà tính làm đom như con gái. Loại quái được càng ngày càng đông trong các nước được sơn bóng bằng cái tên mỹ miều là «văn minh». Thậm chí trong các nước gọi là «văn minh» đó, có kẻ đã đi giải phẫu để được phép nâng khăn sửa túi cho một đấng

đàn ông khác. Lại quái đàn ông chúng ta hãy gác đấy và «táp vô» «món nhậu» của bữa nay : Quái đàn, bà !

□

Theo tin tưởng của người xưa, ở mỗi thời đại cùng mặt, thời đại Chì hay Kali, đều nảy sinh những quái vật và quái thai với sứ mạng tiêu diệt thế giới này để bắt đầu cho một thế giới mới, cho bình minh của một lịch sử mới. Kinh Apocalypse có kể đến một số quái như thế, như con Quái long hung dữ và con Thú đội lốt chiên con ¹.

Thời đại chúng ta quả là thời đại cùng mặt rồi, cùng với sự xuất hiện của nhiều quái tượng, quái thai và quái vật. Cái quái ghê gớm nhất, đó là con thú đội lốt chiên con nói trên, nó đã bóp chết NGƯỜI CON ngay từ trong trứng nước, bóp chết hằng triệu tỷ những đứa con «bào thai» từ suốt mấy chục năm nay ². Cái con thú ấy, người ta gọi nó là

1. Con thú có hai sừng giống chiên con và đi lừa dối thiên hạ.

2. Riêng năm 1970 mà thôi, số thai bị giết một cách hợp pháp tại Nhật là 732.033,

«đàn bà». Đây không phải một vài người đàn bà, nhưng là NGƯỜI ĐÀN BÀ QUÁI THAI đương hiện hình dần trong các người đàn bà ngày nay, bắt đầu từ Âu Mỹ và Nhật, đề rồi tràn sang các quốc gia KÉM văn minh hơn.

Trong loạt bài *Một cái nhìn đông phương về vấn đề tính dục* đăng trong Bách khoa từ số 308 đến 319, tôi đã trình bày mẫu kép của người đàn bà là *Trinh nữ* và *Người mẹ* ¹.

Tại sao đã là *Người mẹ*, lại còn là *Trinh nữ* ?

Hình ảnh tiêu biểu cổ điển cho người đàn bà là Đất và Nước. Người Ấn độ còn lý tưởng hóa và siêu hình hóa người đàn bà trong hai ý niệm Bản nhiên (Prakriti) và Năng lực sáng tạo (śakti).

Nước và Đất, đó là cái dạ con không đầy vốn cưu mang tất cả và nuôi dưỡng tất cả. Nước và Đất cũng là hình ảnh người *Trinh nữ* lý tưởng, dù nhận vào trong mình tất cả mà vẫn tiêu hóa hết, đề cuối cùng còn nguyên là Đất, Nước tinh dòng, không suy suyển. Người xưa nghĩ rằng chỗ tốt đỉnh của nữ tính là sinh ra tất cả mà vẫn còn nguyên vẹn, trắng trong. Cũng vì thế, chân nhân thường do *trinh nữ* sinh ra và sinh ra từ ngực nàng. Sự sinh hóa của vũ trụ càng có một nguồn gốc

kỳ diệu hơn. Nằm giữa lòng thế giới dương hóa sinh sinh, có một cặp uyên ương múa nhảy. Nói cho đúng hơn, chỉ một mình *Tinh lang* si va nhảy múa, còn *Tinh nương* vẫn an ngủ trong lòng chàng. Cuộc tình đầy từ vạn thuở vẫn chỉ mới bắt đầu, vẫn còn nguyên trong phần nhụy của tình yêu, nhưng từ vạn thuở do cuộc tình duyên này mà vũ trụ đã sinh ra và không ngưng biến hóa. Gót chân của đôi tình nhân thần thánh lướt qua trong các cuộc hoan cần giữa người với người, vật với vật, mà không dừng lại ở đâu cả. Ô-uế là của dương trần này, chứ cặp thần sáng tạo, vượt trên dương trần này, vẫn nhẹ nhàng, trong trắng, và đài sen không rửa nhụy. Phải, NGƯỜI TÌNH NƯỞNG trong mọi người đàn bà và trong mọi vật cái, là cái dạ con không bao giờ mờ mà vẫn luôn luôn sinh.

Trong mỗi người đàn bà, có sự qu-ấn dữ của *Người trinh nữ* đời đời và của cái lòng mẹ bao la ấy. Đó là mẫu kép của họ, âm-u từ trong bản tính là đàn bà của họ. Tàng giầu *Người tình nữ*, hằng cứu, người con gái tha chết để bảo vệ cái trinh ngàn vàng của mình. Phải, cái trinh

1. Tập bài đó đã được sửa lại và bổ túc, đề sẽ ra mắt bạn đọc có họ vào cuối năm nay dưới một nhan đề khác.

ấy làm nên tất cả giá trị và tính cách mẫu nhiệm của người con gái. Sự hấp dẫn kỳ dị của người con gái là ở đó, và sự ham hố của người đàn ông muốn dành riêng cho mình chìa khóa mở cửa động đào cũng là ở đó.

Một khi trở thành đàn bà rồi, cái thú lớn lao nhứt của phụ nữ sẽ là cái thú làm mẹ. Tuy người phụ nữ mang nặng đẻ đau thực đấy, nhưng lòng yêu con bao giờ cũng thắng tất cả, khiến cho gà mẹ, dù chỉ là giống gà và giống gà mái yếu đuối, vẫn sẵn sàng liều chết với điều hâu đề bảo vệ đàn con.

Than ôi, cái hình ảnh gà mẹ liều chết bảo vệ con, quá quen thuộc giữa loài gà, ngày nay giữa loài người đã trở thành xa lạ. Và hình ảnh người con gái liều chết để giữ trinh như Maria Goretti, dù hãy còn là thông thường trong các nước chậm tiến, đã được thượng lên bàn thờ bên Tây phương như một tấm gương để soi dù có lẽ không còn ai muốn soi.

Không phải các cô bà ngày nay không còn hám làm trinh nữ đâu. Họ thích lấy chồng muộn, phần để tránh bó buộc, phần để được gọi là cô, cái tiếng Cô nghe nó tươi mát làm sao. Thậm chí có những cô ba mươi còn thất trái đào, xa trong cứ tưởng còn mười sáu.

Không ai chối cãi rằng phần

đông các cô bên ta hãy còn Cô thực, nhưng không biết tình trạng này còn được bao lâu nữa. Cái luồng gió « Cách mạng tính dục » từ trời Tây đương thổi sang, mà ở bên ấy thì, ôi thôi ! người ta đã hết « cô » hàng chục năm trước khi về nhà chồng. Quả thực, các « bà đầm » gần ba mươi mới kết hôn, khi mà, mới oắt con mười tám tuổi đầu, tới sáu bảy mươi phần trăm đã không còn trinh nữa. Những biện tuyết mát rợn của sơn đỉnh không còn thấy bóng. Dấu chân trâu bùn lấm đã cày nát tất cả, và những mô đá mọc lên như xương xẩu không còn hứa hẹn nhiều khám phá cho gót chân mạo hiểm của đàn ông.

Đánh mất mẫu người trinh nữ, người đàn bà cũng mất luôn mẫu người mẹ. Mang tiếng là văn minh, đàn bà ngày nay lắm khi không theo nổi súc vật tự chúng mớm ăn cho lũ con. Họ đã lấy sữa bò thay thế để đỡ hao sức. Họ đã dùng vú em để đem khỏi thức và ngày có thời giờ đi khiêu vũ, hò hẹn và đánh bài. Và, dù ngay cả hồ cũng không bao giờ ăn thịt con, từ hai chục năm nay người phụ nữ Nhật đã tàn sát một số người lớn hơn là ba chục năm chiến tranh ở Đồng dương. Họ đã bóp chết chính con họ từ trong bào thai, và cứ hai người thì có một người phá thai như thế. Mèo mẹ đôi khi giết con vì không

muốn con chia sẻ cái gì của mình, một sự ích kỷ mà mèo không thể hiểu ! Một sự tàn nhẫn mà cọp cũng phải ghê !

Thậm chí có thời từ các cô choai choai chỉ đến các bà sồn sồn, ai nấy đều mang trong sắc tay mấy vịch thuốc ngừa thai, coi đó như một cái mốt, cái mốt của những năm tay gior lên, dứ vào đầu những đứa trẻ ngây thơ của ngày mai : Mày đừng có hồng sinh ra, phải đẻ tao hưởng lạc... không vương bận.

Tôi có dịp được coi bức tượng nữ thần Kali ở Calcutta : một mụ đàn bà mặt sắt đen xì, cổ đeo vòng hoa chiến thắng làm bằng đầu lâu, tay phải cầm kiếm và tai trái xách thêm một chiếc đầu lâu nữa.

Ngày nay, mỗi người đàn bà trong các nước văn minh có thể là

một nữ thần Kali kiều đó, và còn đáng khủng khiếp hơn thế với những vòng hoa " thành tích " làm bằng chính đầu lâu của... con họ.

Những Kali như thế, Việt nam hãy còn hiếm lắm. Nhưng một chương trình kế hoạch hóa gia đình Kiểu Mỹ và Nhật¹ có thể đẻ ra mai ngày trong nước một xã hội hưởng thụ và trong lòng người đàn bà những nữ thần Kali sát tử. Người đàn bà hoang dâm và sát tử, đó là những kẻ hình người mà dạ hơn là thú, những quái thai đáng sợ mà chỉ những xã hội gọi là « văn minh » mới đẻ ra nổi mà thôi !

-
1. Chúng tôi không chống Hạn chế sinh sản. Chúng tôi chỉ chống những chương trình Hạn chế sinh sản không đếm xỉa đến nhân phẩm và đạo đức.

XIN LƯU Ý

Những ý kiến đăng tải trong những số báo này chưa chắc đã phản ảnh hoàn toàn lập trường của Tạp chí Phương Đông, nhưng có thể nói là phản ảnh lập trường của phần đông (chúng tôi không có ý nói tất cả) các nhà Đông-phương-học.

Tòa Báo

Tình trạng

DÂN SỐ ĐÀNG NGOÀI

THẾ KỶ THỨ MƯỜI BẢY

• ĐỒ QUANG CHÍNH

Ngày nay người ta có thể biết dễ dàng dân số của Việt Nam hay bất cứ nước nào hiện thời trên thế giới; nhưng vào thế kỷ XVII, việc này lại rất khó, khó ngay tại những nước tiến bộ nhất thế giới, chứ không riêng gì ở Đàng Ngoài hay Đàng Trong tức là Đại Việt. Tuy nhiên, con người thế kỷ XX có thể tìm hiểu được vấn đề dân số của bất cứ một nước Âu châu nào trong thế kỷ XVII, nhờ có nhiều tài liệu chuyên môn. Còn với Đàng Ngoài (phần đất từ sông Gianh tới biên thủy Trung Hoa), đến nay người ta cũng chưa biết được vào thế kỷ XVII xứ này có bao nhiêu dân, vì những tài liệu lịch sử không cho chúng ta biết rõ điều đó.

Nói như vậy không có nghĩa là chúng ta chẳng có một tài liệu nào về dân số nước ta thời xưa. Thực ra tài liệu thì có, nhưng có lẽ chỉ là ước đoán, không thể làm cho nhà nghiên cứu lịch sử dân số hài lòng được.

— Theo sử liệu đời nhà Đường, vào thế kỷ thứ VIII châu thổ Hồng hà có khoảng 100.000 dân cư (1). Đó là con số quá thấp, khó mà chấp nhận được.

— Riêng ông Nguyễn Trãi trong cuốn *Dur địa chí*, ước lượng số dân định ở nước ta như sau : (2)

Năm 939	: 3.100 000 dân đinh
Năm 1010-1224	: 3.300.100 dân đinh
Năm 1225-1398	: 7.004 300 dân đinh
Năm 1428	: 700.940 dân đinh

— Năm 1407 khi tướng Trương Phụ của Trung Hoa đem quân đánh họ Hồ, cai trị nước Việt, có gửi tờ trình về Bắc Kinh và báo cáo là dân đinh nước Việt được 3.125.900.

Trên đây là những con số dân đinh, tức là đàn ông từ 18 đến 60 tuổi, chứ không kể đàn bà, con trẻ và những người quá 60 tuổi. Nếu muốn tính tất cả dân số, ít nhất cũng phải nhân lên gấp 5 lần. Như vậy dân số Việt vào những thế kỷ đó lại quá đông đúc, khó mà tin được. Ví dụ : năm 1225-1398 có tất cả 7.004 300 dân đinh nhân gấp 5 sẽ thành 35.021 500 dân cư ! Ngay vào năm 1971, dân số Bắc Việt (về địa dư lãnh thổ tương tự như lãnh thổ nước Việt xưa) cũng chỉ có gần 20 triệu ; nếu phỏng tính theo kiểu dân đinh như xưa, thì mới được 4 triệu dân đinh.

1. H. MASPÉSO, *Le protectorat général d'Annam sous les Tang*, BEFEO, 1910, tr. 681.

2. NGUYEN THANH NHA *Tableau économique du Viet Nam aux XVII^e et XVIII^e siècles*, Paris, 1970, tr. 40.

Sang thế kỷ XVII chúng ta không có tài liệu nào nói về tổng số dân định Đàng Ngoài. Nhưng một tài liệu ước lượng về quân số, do Marini là người Ý sống ở Đàng Ngoài từ 1647-1658, cho chúng ta biết được, hồi đó Trịnh Tráng có tới 335.000 quân, 12.000 ngựa, trên 2.000 voi và 2.000 chiến thuyền¹. Quân lính tức là những người đang ở trong tuổi lính, tuổi phải đi lính, tuổi phải chịu thuế thân... Ngoài số trong quân ngũ, chắc chắn còn nhiều dân định ở nhà làm ruộng hoặc các nghề khác. Vào giữa thế kỷ XVII cuộc chiến giữa Đàng Trong và Đàng Ngoài đang gay go. Trịnh Tráng cũng như Trịnh Tạc luôn luôn muốn chiếm Đàng Trong. Hơn nữa, lúc đó tình hình rối loạn ở Trung Hoa do nhà Thanh nổi dậy, làm cho nhà Minh ở vào giai đoạn sắp tàn lụi; quân nhà Minh định rút xuống ngã Lạng Sơn, Cao Bằng nên nhà Trịnh phải huy động một số đông binh lính. Nguyên việc phòng thủ biên thùy Việt Hoa vào đầu năm 1651, Trịnh Tráng đã gửi lên đó 160.000 quân². Vậy nếu theo con số 335.000 quân trong thời loạn của Đàng Ngoài như ta vừa thấy trên đây và cứ tính độ 10 hoặc 15 người dân có một người lính, thì tổng số Đàng Ngoài giữa thế kỷ XVII có thể là từ 3.350.000 đến 5.125.000. Đó chỉ là một cuộc ước tính, lại dựa trên một con số quân ước lượng do Marini ghi lại; nên cũng chẳng có nhiều giá trị.

Nhiều người Tây phương ở Đàng Ngoài vào thế kỷ XVII, khi nói dân số xứ này, đều cho là «rất đông đúc³» và «điều làm cho các lân bang

phải kính nể sợ hãi uy quyền của Chúa Trịnh là nhờ có số dân rất đông đảo sống trong 7 xứ và biết phục tùng Chúa»⁴. Ông Marini còn ca tụng đất đai phì nhiêu của Đàng Ngoài, khi nhìn vào số đông dân cư dưới quyền Chúa Trịnh: «Số dân đông đúc vô kể sống trong vương quốc này, chứng tỏ đất đai màu mỡ sản xuất tất cả những gì cần thiết cho con người. Dân xứ này không phải chỉ sống sơ sài, vừa vừa, nhưng là no đủ, dư dật vì họ chỉ rời mâm cơm khi nào không thể ăn được nữa. Thường thường mỗi ngày họ ăn bốn bữa lớn»⁵. Gaspar

1. «Les soldats ordinaires... estoient au nombre de trois cents trente-cinq milles piétons et douze milles chevaux, avec plus de deux milles Elephans, tant de guerre que de service, et deux milles Galères» (G.F. de MARINI, *Histoire nouvelle et curieuse des royaumes de Tunquin et de Lao*, Paris, 1666, tr. 98).
2. MARINI, *sdd.* tr. 97-98.
3. «Le nombre du peuple y est très-grand» (A. de RHODES, *Divers voyages et missions*, Paris, 1855, tr. 77).
4. A. de RHODES, *Histoire du royaume de Tunquin*, Lyon, 1651, tr. 25.
5. «La multitude inombrable de peuple qui demeure en ce Royaume prouve inuinciblement sa fertilité, et l'abondance de toutes les choses nécessaires à la vie que la terre y produit, puisqu'il ne se contento pas de vivre frugalement et dans la mediocrité, et qu'il ne se lève jamais de table que quand il ne peut plus manger; et qu'il fait ordinairement quatre grands repas par jour...» (MARINI, *Sdd.*, tr. 42).

d'Amaral là người Bồ Đào Nha sống ở Đàng Ngoài từ 1629-1638, ngày 31-12-1932 viết một bản tường trình bằng tiếng Bồ Đào Nha, cũng ghi một cách tổng quát là dân cư ở Kẻ Chợ và trong toàn xứ Đàng Ngoài đông đúc vô kể ¹.

Khi viết về Thăng Long, tất cả những người Tây phương trên đây cũng hết lời ca tụng số dân đông đúc sống trong một thủ đô sầm uất và rộng rãi. Ngay Cardim một người Bồ Đào Nha tới Thăng Long ngày 15-3-1631, đã ghi rõ là mỗi chiều của thủ đô đo được 5 dặm Bồ Đào và có nhiều dân cư ². Sau này, giáo sĩ Richard, một người Pháp tuy không có mặt ở Thăng Long bao giờ, nhưng dựa vào tài liệu của Charles-Thomas de Saint Phalle, đã viết như sau : « Kẻ Chợ rộng bằng thành phố Ba Lê ³ và ít đứng ngang hàng với các thành phố lớn nhất Á châu, nhưng một điều đặc biệt là, không một thành phố nào đông dân như Kẻ Chợ, khi ở đây có các chợ phiên vào ngày 1 và 15 mỗi tháng âm lịch » ⁴. Riêng Marin ghi nhận là Kẻ Chợ có 72 khu phố và mỗi khu phố cũng rộng bằng một thành phố trung bình của Ý ⁵. Willam Dampier đến Đàng Ngoài năm 1688 cũng ước lượng Kẻ Chợ có tới 20.000 nóc gia ⁶, dựa vào tài liệu này, ông Crawford cho rằng cuối thế kỷ XVII, Kẻ Chợ ít ra cũng được 200.000 dân. Kẻ chợ rất đông dân, nhất là vào ngày chợ phiên 1 và 15 mỗi tháng dân chúng khắp nơi ùn ùn đổ về đây buôn bán. Trong những ngày ấy, thủ đô đông nghẹt người qua kẻ lại, muốn tiến được một quãng

đường phải mất khá nhiều thời giờ⁷. Riêng Richard lại quyết đoán hơn, nên dám viết : « Phải mất một nửa giờ, mới có thể tiến được 100 bước »⁸. Vì thế khi có chợ phiên, dân số Kẻ Chợ tăng lên tới một triệu người ⁹.

Mở sử liệu trên đây của người Tây Phương chỉ cho chúng ta hiểu được một cách tổng quát là dân chúng Đàng Ngoài rất đông, đặc biệt dân cư tại thủ đô Thăng Long, nhưng không có con số nào đích xác.

Riêng sử liệu Việt Nam càng thiếu sót về dân số Đàng Ngoài thế kỷ XVII, ngay số dân đình thời đó là

1. G. d'AMARAL, *Annua do reino de Annam do anno de 1622*, *Archivum Romanum Societatis Iesu*, JS. 85. f. 125v-12rr.
2. F. CARDIM, *Relation de ce qui s'est passé depuis quelques années, jusques à l'An 1614 au Japon, à la Cochinchine*, Paris, 1646, tr. 58.
3. Thế kỷ XVII-XVIII, Ba lê có mỗi chiều chừng 4 cây số.
4. J. RICHARD, *Histoire naturelle, civile et politique du Tunquin*, Paris, 1778, Vol. 1, tr. 28.
5. MARINI, *sdd.*, tr. 111.
6. W. DAMPIER, *Un Voyage au Tonkin en 1688*, trong *Revue Indochinoise*, 1909, tr. 585-596.
7. A. de RHODES, *Histoire du royaume de Tunquin*, *sdd.*, tr. 26.
8. J. RICHARD, *sdd.*, tr. 28.
9. « Cum ergo id ego cernerem, statuebam esse in illâ civitate, capitum omnino decies centena millia » (A. de RHODES, *Tunchinensis historiae libri duo*, Lyon, 1652, tr. 18)

bao nhiêu cũng không được ghi lại. Thử mở một cuốn sử tương đối có giá trị như *Đại Việt sử ký toàn thư*, tác giả cũng chẳng viết gì về số dân đình và dân cư Đàng Ngoài t. k. XVII. Trong tập *Tịch sử nước Annam* soạn bằng chữ quốc ngữ năm 1659, ông Bento Tuijen kể rất rõ ràng về các xứ, phủ, huyện, xã, động, sách, trại, chu, nhưng không ghi lại tổng số dân cư, cả đến số dân đình cũng không có. Cuối tập này, tác giả còn viết thêm : « Cả và thiên hạ năm mươi một phủ, một trăm bài mười hai huyện, bốn mươi tám chu, bài nghìn chín trăm tám mươi bài xã »¹.

Cũng may chúng ta có thể dựa vào tài liệu sau đây để hiểu biết *gián tiếp* tình trạng dân số thế kỷ XVII của Đàng Ngoài :

Năm thứ 9 Vĩnh Thịnh, tức năm 1713, người ta đã ghi lại Đàng Ngoài có 306.311 suất, căn cứ theo các loại ruộng :

Nội vi tử	: 64.267 suất ruộng
Ấn lộc	
và ngụ lộc	: 20.038 suất ruộng
Chế lộc	: 86 851 suất
Tạo lệ	: 8.892 suất
Kỵ sự	: 26.262 suất

CỘNG 206.311 suất²

Mỗi suất gồm 10 đình, tức là có 2 063.110 đình. Nếu trung bình cứ 5 người dân có một đình, như vậy sẽ được 10.315.559 dân trong toàn xứ Đàng Ngoài vào năm 1713. Con số này cũng không chênh lệch bao nhiêu nếu thử áp dụng vào cuối thế kỷ XVII. Thực ra số dân được ước lượng trên

đây có phần quá lớn ! Dù vậy, qua các loại ruộng ta vừa thấy, có thể hiểu được cách gián tiếp và mờ mờ về tổng số dân đình và dân cư Đàng Ngoài thế kỷ XVII.

Tài liệu về dân số thời đó hiếm như thế, làm sao các nhà dân số học có được một bảng thống kê dân số Đàng Ngoài thế kỷ XVII ? Tổng số dân cư cũng không biết, thì làm sao có thể phân loại được : bao nhiêu người làm quan văn, võ, đi lính, các binh chủng, số người làm ruộng, làm muối, khai mỏ, nung gạch, làm đồ gốm, làm giấy, thợ rèn, thợ đúc, thợ kim hoàn, thợ mộc, số học trò, số thầy đồ v.v... Hơn nữa, cũng chẳng có thể biết được mỗi loại tuổi và phải tính có bao nhiêu người v.v...

Tại sao tình trạng dân số Đàng Ngoài thế kỷ XVII mập mờ như thế ? Có phải nhà cầm quyền không thiết gì đến việc tăng dân số, hoặc không cần đề ý đến số dân cư, nên vua Lê Chúa Trịnh đã chẳng nắm được trong tay tổng số dân của các ngài.

Trước hết chúng ta cần biết rằng, hầu hết dân cư Đàng Ngoài thời ấy sống bằng nông nghiệp, kể cả một số thương gia ở các thành thị lớn như Thăng Long. Phố Hiến cũng đặt nặng vấn đề làm ruộng. Sống trong cơ cấu kinh tế nông nghiệp, người ta luôn luôn cầu mong có thêm dân để lấy

1. ĐỖ QUANG CHÍNH, *Lịch sử chữ quốc ngữ, 1620-1659*, Sài Gòn, 1972, tr. 128, 149.

2. R. DELOUSTAL, *Ressources financières et économiques de l'Etat dans l'ancien Annam*, Hà Nội, 1926, tr. 93-97.

nhân công canh tác. Hơn nữa, bất cứ gia đình nào thời ấy đông con nhiều cháu, đều được coi là hạnh phúc. Vì thế ba chữ *phúc, lộc, thọ* nhan nhản khắp nơi, nhất là được đề cao trong ngày đầu xuân. Chính Chúa Trịnh Tạc cũng khuyến khích dân chúng sinh nhiều và thưởng cho người sống lâu. Hồi tháng 9 Bính ngọ, năm thứ 4 Cảnh Trị (1666), Trịnh Tạc đi kinh lý đến cửa biển Diêm Hộ, huyện Thụy Anh, thăm hỏi các bô lão trong dân, thưởng cho người 80 tuổi trở lên mỗi người 3 quan tiền, 70 tuổi trở lên, 2 quan tiền¹. Đàng khác Chúa Trịnh Tráng cũng như Trịnh Tạc cần có đông dân để lấy lính đi đánh Đàng Trong và phòng thủ biên thù, nên luôn luôn muốn dân số tăng thật mau lẹ. Nói cách chung thì nhà cầm quyền cũng như dân chúng, kể cả người khổ rách áo ôm, cũng ước muốn con đàn cháu đống, chứ không khi nào nghĩ đến việc hạn chế sinh sản vì lý do kinh tế, giáo dục hay bất cứ lý do nào.

Nhưng việc kiểm soát dân số Đàng Ngoài thế kỷ XVII ra sao ? Thật ra thời đó không bao giờ đặt vấn đề kiểm soát và làm thống kê dân số. Nhà cầm quyền chỉ cần biết đến số đinh của các xã, hầu bắt dân đinh nộp thuế, đi lính v.v..., còn số đàn bà, con trẻ dưới 18 tuổi và người lớn từ 60 tuổi trở lên không cần biết. Nhưng tổng số dân đinh trong nước bao nhiêu, lại cũng thuộc bí mật quốc phòng ; rất ít quan cao cấp ở triều Lê phủ Chúa biết. Không khi nào nhà nước công bố số dân đinh trong nước, vì sợ người ngoại

quốc, nhất là người Trung Hoa biết, thì họ ước lượng theo số dân đinh mà đoán được số binh lính và tiền của trong xứ. Đó là mối nguy hại cho quốc gia. Đàng khác, nói cho đúng ra, thời ấy chỉ có Cai Xã biết rõ số dân đinh trong xã mình. Vì thường thường, khi trình sớ đinh lên cấp trên, Cai Xã chỉ khai chừng 2 phần 3, nghĩa là ẩn lậu tới 1 phần 3 số đinh (loại này gọi là lậu đinh), để bớt phải đóng thuế, sưu dịch... ; và nhớ ra khi có nhiều dân đinh trong xã chết, thì họ có số lậu đinh dự trữ, mỗi khi cấp trên đòi hỏi. Nhất là từ năm 1669, khi quan Tham tụng Phạm Công Trứ xin đặt ra phép *bình lệ*², tức là làm sớ hộ tịch nhất định một lần thay vì 6 năm một lần, sinh thêm cũng không tính, chết đi cũng không trừ, thì các Cai Xã càng giấu số đinh trong xã mình. Vì vậy, nhà cầm quyền cũng chẳng biết rõ tổng số dân đinh thật sự. Đây là những lý do quan trọng nhất trong việc bí mật số đinh, và cũng vì thế mà ngày nay chúng ta không có con số dân đinh rõ rệt của Đàng Ngoài vào thế kỷ XVII.

1. NGÔ SĨ LIÊN, *Đại Việt sử ký toàn thư*, do Cao Huy Gia dịch, Tập IV Hà Nội, 1968, tr. 308. Nên nhớ, hồi ấy với 3 quan tiền có thể mua được 100 thăng thóc tức khoảng gần 100 ký thóc hay 60 ký gạo ngày nay.
2. TRẦN TRỌNG KIM, *Việt Nam sử lược*, Quyển II Sài Gòn, 1971, tr. 57.

Còn về vấn đề *tổng số dân cư* Đảng Ngoài thế kỷ XVII, nhà cầm quyền cũng như dân chúng không bao giờ có thể biết rõ, vì chẳng khi nào làm sổ kiểm tra toàn dân, ngay sổ khai sinh, khai tử, hôn thú cũng chẳng có (sổ khai sinh, hôn thú và khai tử mới được lập ở Nam kỳ năm 1883, Bắc kỳ năm 1931, và Trung kỳ năm 1936). Thời ấy đâu không có các sổ trên đây, nhưng một người vừa được sinh ra, vừa mới chết hoặc lập gia đình, người trong thôn ấp đều biết cả, vì họ cư ngụ ở đó lâu và vì cơ cấu nông nghiệp, việc di chuyển và đổi nơi cư trú cũng rất ít. Thật ra vào thế kỷ XVII ngay các nhà cầm quyền ở Âu châu cũng không tổ chức sổ khai sinh khai tử, hôn thú, tuy nhiên các họ đạo Công giáo ở Tây phương lại có sổ *rửa tội*, *hôn phối* và sổ *nhân danh*,

nên người Âu châu có thể căn cứ vào đó mà biết khá đúng về tình hình dân số, mặc dầu phải gặp rất nhiều khó khăn.



Qua mấy trang báo, chúng tôi đã trình bày tổng quát về những lý do và trạng thái mờ tối về *dân số* và *dân đình* ở Đảng Ngoài thế kỷ XVII. Ngoài ra chúng tôi cũng nói qua những lý do thúc đẩy dân chúng cũng như nhà cầm quyền lúc ấy luôn luôn muốn tăng dân số. Đối với họ, tăng miệng ăn thì cũng lại tăng người làm việc, sản xuất; một nước đông dân là một nước giàu có và hùng cường, đâu có sợ thiếu hụt. Do đấy quan niệm kế hoạch hóa gia đình như ngày nay theo tinh thần của nhà kinh tế học Anh quốc Thomas Robert Malthus (1766-1834), lúc đó không thể có được.



HEPATOMAX

Bào chế bằng nước cốt gan bò

□ THƠM NGON, NGỌT

□ BỔ HUYẾT, BỔ GAN

□ DA DẼ HỒNG HÀO

TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

Mua sỉ: Tân Hóa Dược Cuộc Công Ty—601—Lê.V.Duyệt, Saigon

QUA CÁC THỜI ĐẠI

2. Hiện văn tập trích lục

trước tình thân thuộc giữa bà con rất khẩn khít, lòng hiếu đễ cùng sự hòa thuận được mọi người ca tụng, anh em con cháu thường ở chung dưới một mái nhà, vừa đỡ tốn kém vừa có thể giúp đỡ nhau ngay mỗi khi cần thiết, và đề sớm hôm cùng nhau thờ kính chăm lo ông bà cha mẹ cho trọn đạo làm con. Cảnh đại gia đình nhiều đời sum họp sống chung trong một nếp nhà rất thường thấy nhất là «ngũ đại đồng đường»¹. Trong *Quốc-triều chính biên toát yếu*, vua Minh-Mệnh kể chuyện: đời Minh Thái-Tổ có người họ Trịnh ở Phố-giang, con cháu anh em 2000 người sống trong cảnh trên kính dưới nhường ở một mái nhà rộng lớn, vua Minh gọi đến kinh đô và hỏi bí quyết đông người sống cùng một nhà mà không có sự xích mích, Trịnh lão trả lời vì «bất thính phụ nhân ngôn»²,³ vua khen phải.

«Trẻ cậy cha già cậy con», bốn phận con cái phải nuôi nấng cha mẹ, làm con lúc xế bóng về chiều hoặc đau yếu sẽ có nhiều người phụng dưỡng.

Dưỡng tử phòng lão

*Tích cốc phòng cơ*³

Nghĩa là

Nuôi con phòng lúc già

Chứa gạo phòng khi đói

Phong tục và nền văn hóa cổ truyền đề cao chữ hiếu, đạo làm người lấy chữ hiếu làm đầu «hiếu nghĩa vi tiên»⁴, không có gì lớn bằng tội bất hiếu «nhĩ tội mạc đại ư bất hiếu»⁵. Trong ba điều bất hiếu⁶ thì tội không có con nối dõi tông đường, hương khói thờ phụng tổ tiên là đại bất hiếu.

Bất hiếu hữu tam

*Vô hậu vi đại*⁷

Nghĩa là

Bất hiếu có ba điều

Không có con là điều lớn nhất

Hoặc :

Phụ mẫu sinh chi

*Tục mạc đại yên*⁸

Nghĩa là

Cha mẹ sinh ra

Không có gì lớn bằng sự nối dõi

1. Năm đời sống dưới một mái nhà.

2. Không nghe lời người đàn bà.

3. Quảng hiếu văn.

4. Tăng quảng hiếu văn.

5. Hiếu kinh.

6. Theo Kinh Lễ ba điều bất hiếu là : 1 — Làm chuyện sằng bậy khiến cha mẹ bị liên lụy, 2 — Không nuôi cha mẹ già yếu, 3 — Không có con

7. Mạnh-Tử, *Lý lâu chương* cú thượng, lời Mạnh-Tử

8. Hiếu kinh.

Cần con đẻ nối tiếp giống họ mà nếu y học và vệ sinh phòng ngừa thô thiển, sự dinh dưỡng kém không đầy đủ, số tử về bệnh tật rất cao nhất là trẻ con, đó cũng là điều phải sinh đẻ nhiều đẻ lỡ chết đứa này còn đứa khác, tránh cho gia tộc khỏi cảnh tuyệt tự, khi nhắm mắt lạc chơì tiên cảnh có người chống gậy¹ và cúng vái vào những ngày giỗ tết.

Đối với quốc gia, dân số đông chứng tỏ sự hùng cường của xứ sở, uy thế đề trấn áp lân bang vì chiến thuật và lối đánh nhau bằng võ khí cổ xưa dao mác gươm đao cung tên gây gộc càng nhiều người càng chiếm ưu thế. Sự mở mang bờ cõi cần người khai khẩn đất đai mới chiếm, và đồng hóa dân tộc bản xứ nên luật pháp mặc nhiên công nhận tập tục tảo hôn² và đa thê, vì lấy vợ sớm thì chóng có con và «cả sông thì chợ đông, lắm vợ sẽ nhiều con». Đàn bà không sinh nở bị coi là tâm địa hiểm độc khó tính «cây độc không trái, gái độc không con», chồng có quyền rầy bỏ lấy vợ khác vì đã phạm điều thứ nhất của Thất xuất³ mà luật lệ cổ xưa qui định, như luật Hồng Đức ban hành đời Lê-Thánh-Tông (1460-1497).

Tất cả những lý lẽ trên, làm dân Tàu và ta muốn đẻ nhiều, mặc dù Trung-Hoa cùng Việt-Nam là những nước hay xảy ra nạn đói khát do chiến tranh hoặc thiên tai (bão lụt, hạn hán, hoàng trùng) gây ra⁴; ngay những năm thái bình và gió hòa mưa thuận vào buổi giáp hạt «tháng 3 ngày 8»⁵ trừ một thiểu số vua quan quí tộc địa chủ không đáng kể sống sung sướng còn hầu hết nông dân tá điền không có gạo ăn, chỉ ngồi trông con mà khóc hoặc rau cháo qua ngày chờ mùa lúa mới.

Sự ao ước nhiều con lắm cháu hiện ra ngay trong bài khai bút mừng xuân :

Minh niên khai bút bút khai hoa

Vạn sự giai thành phúc lộc đa

Đa tử đa tôn đa phú quí

Đắc tài đắc lộc đắc vinh hoa

Nghĩa là

Năm mới khai bút bút nở hoa

Mọi sự đều thành nhiều phúc lộc

1. Khi chết con trai phải chống gậy theo đám ma.
2. Lấy vợ lúc còn quá nhỏ tuổi.
3. Bảy tội Thất xuất là : 1- Không con, 2- Dâm lười, 3- Không thờ kính cha mẹ chồng, 4- Lắm điều, 5- Trộm cắp, 6- Ghen tuông, 7- Có ác tật.
4. Nhất là Trung-Hoa, kể từ năm Hán Cao Tổ nguyên niên (206TTL) đến Dân quốc 22 (1933) xảy ra 1057 nạn hạn hán và 1030 nạn thủy tai. Trong Thanh sử cảo thiên tai dị chí chép : năm 1849 hạn hán và thủy tai làm chết 13.750.000 người vì đói khát cùng bị nước cuốn. (Phỏng theo Trung Bắc chủ nhật số 171, 22-8-1943).
5. Vụ chiêm tháng 5 gặt, vụ mùa gặt vào tháng 10. Tháng 3 và tháng 8 lúa mới nở đồng đồng, nhà nghèo không có lúa tích trữ, lúa cũ thì hết phải chịu đói.

*Nhiều con nhiều cháu nhiều phú quý
Được tài được lộc được vinh hoa*

Câu đầu mỗi chót lượt mọi người mừng nhau nhân dịp đầu năm mới là nói đến con : « Chúc hai bác đầu năm sinh con trai, cuối năm sinh con gái ». Riêng vợ của vua Văn-Vương nhà Chu của Tâu rất hiền thực, được các bà vợ thứ nàng hầu quý tọng thành kính chúc bà đẻ nhiều con như loài châu chấu ¹.

Xa cách lâu ngày, gặp nhau câu đầu tiên của sự thăm hỏi cũng đề cập đến số lượng con, sức khỏe công việc ruộng vườn mùa màng hàng hóa tiền bạc là thứ, nếu câu đáp thuộc hàng chực lập tức được suýt soa khen ngợi ngay là nhà đại phúc đức, người được ca tụng rất lấy làm hãnh diện, còn hơn là khi người ta đề cập đến những thừa ruộng liền nhau thẳng cánh cò bay của mình.

Thực tế số lượng của con bao nhiêu thì đủ ? Như trên đã nói không có giới hạn càng nhiều càng tốt. Đối với vua chúa có thể đến cả trăm, vua Minh-Mệnh thọ 50 tuổi mà có gần 100 người con riêng con gái chiếm 65 cô, vua Thiệu-Trị 41 tuổi băng đã có 64 hoàng-tử và công-chúa Thường dân tùy số vợ cùng nàng hầu mà nhiều hay ít con, có người tổng số tới gần 30 con, thông thường mong ước tối thiểu hơn kém 10 con, văn chương bình dân nói :

*5 trai 5 gái là mười
5 dậu 5 rề là đôi mươi tròn.*

Con trai tránh số 3, con gái cầu số 5 vì « tam nam bất phú, ngũ nữ bất bần » ², trai ít nhất cũng mong số 4 đó là tứ quý, gái tối đa thích số 5 đó là ngũ long công chúa. Tuy vậy lượng con gái không cần thiết, chỉ quý ở lượng con trai, bởi lý do trọng nam khinh nữ, tục ngữ có câu « Một trăm con gái không bằng một cái d... con trai », người đời thường bảo :

*Nhất nam viết hữu
Thập nữ viết vô.*

Nghĩa là

*Một đứa con trai nói là có,
Mười đứa con gái bảo là không.*

Con gái « xuất giá tòng phu » lấy chồng phải theo chồng « nữ nhi ngoại tộc đuổi thóc ra đình », nên nhiều con gái không con trai cũng coi như là tuyệt tự, lúc trăm tuổi theo ông bà về nơi chín suối sẽ không ai chăm lo mộ phần cùng nhang khói sớm hôm, do đó con dậu còn trọng hơn con gái.

1. Kinh Thi, thơ Chung tỵ.

2. con trai không giàu, 5 con gái không nghèo.

*Con gái là con người ta,
Con dâu mới thật mẹ cha mua về.*

Quý con trai đến nổi, trong dân gian tuyên truyền ai đẻ được 10 con trai liền nhau sẽ vớt được trâu vàng ở hồ Tây¹, và nhiều nhà ăn mừng đặt tiệc ăn mừng cùng lễ bái cảm tạ thần linh đã phù hộ cho mỗi khi sinh con trai².

Thời kỳ Pháp thuộc, về vấn đề nhân số nước ta Pháp áp dụng chính sách như các đế quốc khác đối với thuộc địa, nghĩa là để mặc dân bản xứ sinh sản vô giới hạn dù rằng xứ đó có nạn nhân mãn hay không. Nguyên do mẫu quốc cần nhiều nhân công trong việc khai thác hầm mỏ đồn điền trên đất đai thuộc địa, người bản xứ đông lao công nhiều ắt tiền công hạ, công việc «khai hóa» thu hút tài nguyên dễ dàng cùng đỡ tốn kém. Trong trường hợp dân chúng quá đông nhân công thặng dư so với số cầu, họ sẽ xuất cảng sang những miền thuộc địa ít dân khác, mục đích gây ra cạnh tranh để hạ thấp thù lao của dân địa phương đó như Anh đưa Ấn kiều vào Mã-Lai, Pháp mộ phu ở những tỉnh Trung châu Bắc kỳ đưa vào làm ở các đồn điền cao su Nam-kỳ hoặc nhập cảng thêm lao công Tàu. Tóm lại dân số thuộc địa càng đông chính quốc càng có lợi. Ngoài ra dân đông, nông sản nguyên liệu nằm trong tay mẫu quốc, tất quần chúng phải nghèo đói, giáo dục lại chỉ dành cho một thiểu số, đời khổ ngu dốt càng dễ cai trị, đó cũng là nguyên do nhà cầm quyền Pháp cấm ngừa thai ngay cả với những gia đình đông con mà quả túng thiếu. Chính phủ bảo hộ nhân danh bảo vệ nòi giống tiên rồng và thuần phong mỹ tục cổ truyền của dân bản xứ, luật 31-7-1920 chính thức nghiêm cấm gắt gao mọi sự phồn triển cũng quảng cáo các phương thức làm đường kính nguyệt trở lại, trừng phạt nặng nề những người bày bán dụng cụ và được phẩm ngừa thai hay đề phá thai kể cả giới được-sĩ. Những bậc trí thức căm hận mạng thiệt tha với tiền đồ của tổ quốc thương lý luận: Nước ta dân chúng sống trong cảnh khổ cực bởi dân trí thấp, thực dân hà khắc bóc lột, vấn đề sinh sản nhiều hay ít không quan trọng vì Việt-Nam chưa bị nhân mãn như Ấn hay Nhật, dẫu hoang còn nhiều nhất là Nam-kỳ³. Việc cốt yếu là khôi phục độc lập cho xứ sở, rồi phát triển kinh tế nước sẽ phú cường, dân sẽ ấm no hạnh phúc và lại dân đông khối nhân lực nhiều rất ích lợi cho việc tái thiết quốc gia sau này. Bởi thế quan niệm đẻ nhiều vẫn được dân

1. Trâu vàng tương truyền của nhà Tống, nghe thấy tiếng chuông của sư Không-Lộ tức cao tăng Nguyễn-minh-Không đời Lý Thần-Tông (1138-1137), tưởng mẹ gọi chạy sang nước ta và rớt xuống hồ Tây (Hà-Nội).
2. Tàu có tục mỗi lần đẻ con trai, mua trứng nhuộm đỏ, luộc chín, đem biếu họ hàng láng xóm quen biết để báo tin mừng.
3. Nam-kỳ là đất tân lập, đất rộng dân ít, Nước ta thời đó chỉ có vài tỉnh thuộc miền châu thổ sông Nhì-hà là hơi đông dân một chút, nhưng không thấm thía gì nếu so với các tỉnh của Tàu hay Nhật.

chúng tra chuồng, an bần lạc đạo với lũ con lúc nhúc trời cho hoặc một tuồng rách rưới con như bố¹ mà vợ vẫn cứ nằm bẹp đều đều năm một, là cảnh thường gặp trong những tiểu thuyết phóng sự thời tiền chiến.

Sau khi thu hồi độc lập 1954, chúng ta ở vị trí phía Nam với Nam-phần dân cư thưa thớt, ruộng đất rộng bát ngát phì nhiêu, dẫu hơn một triệu đồng bào Bắc-phần di cư vẫn thừa đất đai canh tác, thêm sự viện trợ của Hoa-kỳ, đời sống dân chúng theo mức sinh hoạt Á đông tương đối dễ chịu², đồng tiền giá trị, công ăn việc làm dễ kiếm, cha mẹ làm việc có thể bảo dưỡng được con cái³ anh chị lớn đi làm nuôi được vài em nhỏ, với tinh thần chịu đựng cố hữu của dân tộc phương đông nếu có thiếu hụt chút ít cũng không sao, anh chị em tiêu pha dè sẻn đùm bọc lấy nhau, con cái nhiều vẫn cho là nguồn hạnh phúc của gia đình, tục tảo hôn bị bỏ từ lâu nhưng chế độ đa thê còn được một số người tán thành, luật 1920 của Pháp cũng được tiếp tục áp dụng.

Đến năm 1958 chiến trận khởi sự bùng nổ, lúc mới đầu với truyền thống cổ xưa gia đình nào cũng muốn sinh nhiều con trai, mục đích không phải cung ứng cho chiến trường mà đề phòng chết đũa này còn đũa khác nổi dòng. Nhưng chiến tranh tàn phá ruộng vườn, đất đai nhiều nơi bỏ hoang, dân quê ùn ùn kéo lên đô tỉnh lỵ để tránh tai bay vạ gió do hòn đạn mũi tên gây ra. Số người thất nghiệp tăng, giá sinh hoạt trở nên đắt đỏ, trẻ nhỏ đi học về thì chơi, không giúp đỡ cha mẹ sinh lợi như khi còn ở nhà quê. Việc làm ăn mỗi lúc một khó, sự giáo dục kéo dài và tốn kém vì dân trí đã tăng. Mọi người ý thức ngay được lũ trẻ là gánh nặng của gia đình, chùn bước trước ý muốn con đàn cháu đống. Nhân số ước mong sinh khoảng 4-6 con tùy theo lợi tức, không ai dám nghĩ đến số chục. Đề hợp thời ngày 2-1-1959 bộ luật gia đình ra đời cho tập tục đa thê cáo chung, chấm dứt cảnh một chồng nhiều vợ, chính quyền cũng đã cho phổ biến và bán được phẩm ngừa thai với sự hạn chế phải có toa bác sĩ và chỉ dành cho gia đình đông con, năm 1962 bộ Y Tế cho phép Y-Si cắt hay cột vòi dẫn trứng cho phụ nữ / con trở lên nếu có sự yêu cầu của đương sự. Năm 1967 một thiểu số nam giới vì sinh kế quá khó khăn, phải bỏ tính ích kỷ của đàn ông hy sinh cái hoặc cột ống dẫn tinh, kế hoạch gia đình cũng khởi sự xâm nhập nước ta. Nhưng chiến trận bỗng nhiên trở nên sôi động (1967), mọi tiềm lực quốc gia đều dồn vào nỗ lực quốc phòng, quân đội đồng minh ào ạt đổ bộ giúp ta chống lại địch. Những dịch vụ của quân đội ngoại quốc thu hút nhiều nhân công, sự mậu dịch của họ cũng kiếm được rất nhiều lời. Có công ăn việc

1. Than nghèo, Trần-tế-xương.

2. So với mức lợi tức đồng niên của các nước tiền tiến Âu Mỹ thời kém xu.

3. Công chức có phụ cấp gia đình.

làm sẵn tiền quần chúng thờ ơ với kế hoạch gia đình. Bọn nhỏ không còn là cục nợ nữa, đôi khi nhờ tài lanh lẹ học tiếng Mỹ mau chóng buôn bán lật vặt kiếm nhiều tiền hơn người lớn.

Nhưng thời vàng son của đô la đó chẳng được bao lâu, năm 1972 Hoa-Kỳ rút quân về. Lập tức nền kinh tế hưng vượng giả tạo của chúng ta bay theo chiều gió. Lượng người thất nghiệp mỗi lúc một nhiều, giá cả hàng hóa tăng nhanh vùn vụt chỉ thua vận tốc của ánh sáng, cảnh chạy ăn từng bữa toát mồ hôi là điều thường thấy. Sự học hành trở thành xa xỉ phẩm, con cái lại là gánh nặng của gia đình. Nhiều đứa trẻ quấy nhiễu gia đình vì đã lỡ bị tiêm nhiễm thói hư tật xấu như hút sách do quân đội đồng minh di sản lại. Kế hoạch hóa gia đình lại được mọi người đề cập đến, các hội đoàn đua nhau tổ chức về hội thảo về nhân số gia đình và nhân khẩu của quốc gia, Quốc-hội thảo dự luật kế hoạch hóa gia đình, chủ thuyết Malthus "dân số tăng theo cấp số nhân, thực phẩm tăng theo cấp số cộng, dân tăng mau, mức sống sẽ xuống dưới mức tối thiểu" được quần chúng bết đến như là lời cảnh cáo, báo động đời sống kẻ khó khăn nếu không tìm được mức sinh sản.

(còn tiếp)

Đã có

Phương Đông ĐÔNG TẬP

Với Mục lục toàn tập theo bộ môn và tác giả

Có bán tại tòa báo và các tiệm sách, sạp báo lớn :

Tập 1 : từ số 1 đến số 6, giá bán 950\$

Tập 2 : từ số 7 đến số 12, giá bán 800\$

Tập 3 : từ số 13 đến số 18, giá bán 800\$

Tập 4 : từ số 19 đến số 24, giá bán 800\$

Tập 5 : từ số 25 đến số 30, giá bán 950\$

Gửi mua tại Tòa Báo thì mỗi tập :

Ở xa trong nước, kèm thêm 150\$ cước phí bảo đảm.

Miền Trung và Cao-nguyên thêm phụ phí Hàng không 100\$ (250\$). Ngoại quốc, thêm cước phí đường thủy và bảo đảm 400\$.

Mua tại Tòa báo sẽ được hưởng giá đặc biệt.

Thử tìm hiểu
bộ mặt thật của :

KẾ - HOẠCH GIA - ĐÌNH

● NGUYỄN TẤN CHỨC

— « Đừng sợ sệt mỗi khi cần thiết tưởng chống lại những chiều hướng tư-tưởng hay dư-luận đang được thế giới duy-vật công-nhận cũng như đừng học đòi theo họ mà hãy tìm sự biến đổi trong sự canh tân của tư tưởng mình ».

«Diễn văn cho các biệt đoàn Notre Dame 4-5-1970»,
Đức Giáo-Hoàng Paul VI.

— Hãy lan tràn khắp mặt đất và hãy khắc phục trái đất.
(Thánh Kinh)

— Thiên Chúa đã tạo dựng trái đất và mọi vật trên đó để mọi người và mọi dân tộc sử dụng. Trái đất này là của mọi người chứ không phải của người giàu.

(Populorum Progressio- mục 22-23).

— Vì dân số tăng nhanh hơn tài nguyên hiện có nên người ta có cảm tưởng không còn lối thoát. Lúc đó người ta dễ chiều theo ý kiến hăm dọa việc tăng gia sinh sản bằng những biện pháp cực đoan.

(Populorum Progressio — mục 37).

Năm 1954, BS. Paul R. EHRLICH, Giáo sư Sinh Vật Học tại Đại Học Stanford xuất bản quyển sách tựa đề là «Quả bom nhân mãn» (The population bomb)¹. Sau đó nhiều cơ quan chống nạn nhân mãn tại Hoa Kỳ cho rằng quả bom trên đã thật sự nổ rồi từ lâu tại nhiều nước trên thế giới nên họ đổi danh từ lại thành sự bùng nổ của quả bom nhân mãn (The population explosion). Quyển sách trên được bộ máy tuyên truyền của Chính phủ Mỹ và hệ thống

quảng cáo của tập đoàn kinh doanh tư bản quốc tế Mỹ cho phân phát mỗi năm trên 2 triệu bản và dịch ra nhiều thứ tiếng.

Theo BS. EHRLICH viết thì ông đã bị xúc động cực kỳ khi thăm Delhi (Ấn Độ) vì dân số quá đông nơi đó và bị cảm giác mạnh về nạn nhân mãn (the feeling of overpopulation). Ông cho rằng dân số thế giới sẽ tăng gấp đôi trong khoảng 35 năm tới (theo thống kê

1968) và phá hoại một viễn ảnh vô cùng đen tối cho nhân loại vào kỷ nguyên năm 2000 đi đến chỗ bị tiêu diệt vì bị ô nhiễm ngu dân và nghèo đói. Cũng theo Ô. EHRLICH thì nạn nhân mãn là nguyên do của mọi xấu xa tội lỗi và là nguồn gốc của bạo lực chiến tranh và mọi xáo trộn trong xã hội, bởi đó cần thiết lập chế độ kế hoạch gia đình cưỡng bách, nếu khuyến dụ, mua chuộc, tạo hình phạt cho những gia đình đông con, không hiệu quả thì dùng đến áp lực chính trị của cường quốc Mỹ buộc các quốc gia trong khu vực các quốc gia trong khu vực các nước nghèo chấp nhận Kế Hoạch Gia Đình.

Cũng theo chiều hướng tư tưởng trên BS EHRLICH viết :

«Nạn nhân mãn vì như một ung thư, ung thư là sự phát triển không kiểm soát nổi của tế bào, nhân mãn là do sự phát triển không kiểm soát của người... Chúng ta chuyển hướng các cố gắng của chúng ta thay vì trị chúng nên giải phẫu bỏ ung thư. Cuộc giải phẫu đó sẽ đòi hỏi những quyết định hung bạo và bất nghĩa»².

BS. Paul EHRLICH hiện là cố vấn cho văn phòng Tổng Thống Nixon về dân số. Nếu hiểu được tư tưởng của EHRLICH, chúng ta sẽ hiểu được âm mưu dài hạn của các chuyên viên đầu não của các Kế Hoạch Gia Đình trên thế giới, từ mua chuộc dụ dỗ họ sẽ dần dần đi đến chỗ dọa nạt áp lực cưỡng bách, từ chương trình nghiên cứu Kế Hoạch Gia Đình họ sẽ áp lực cho ra luật hợp pháp hóa Kế Hoạch Gia Đình trên toàn quốc, rồi sẽ dần

dần đi đến chỗ hợp pháp hóa việc phá thai, cột buồng trứng và các ống dẫn tinh trùng v.v...

Từ 25 năm nay nhiều tổ chức tài phiệt vô số chuyên viên được tung ra trên khắp các nước trong khu vực nghèo để áp dụng những phương pháp hạn chế sanh đẻ nhân tạo, hầu hết các quốc gia nghèo cho hợp pháp hóa Kế Hoạch Gia Đình, một số quốc gia hợp pháp hóa việc phá thai (như tại Nhật, Mỹ) và cơ quan viện trợ quốc tế của Mỹ, USAID, gia tăng ngân khoản từ 2,1 triệu Mỹ Kim (1965) đến 125 triệu Mỹ Kim (1973) chưa kể ngân khoản của vô số tổ chức tư nhân quốc tế và Liên Hiệp Quốc. Các phương tiện Kế Hoạch Gia Đình để hạn chế sanh đẻ tại nhiều quốc gia đã bị giới thanh niên lạm dụng để tận hưởng lạc thú và chìm đắm trong sự đồi trụy loạn luân.

Kế hoạch xâm nhập tinh vi và từng giai đoạn này đã được áp dụng tại nhiều nước kể cả Ấn Độ.

Độc hại hơn nữa là viên thuốc đắng bọc đường của Kế Hoạch Gia Đình có một bộ mặt rất nhân đạo và hợp lý.

Sự suy luận của các chuyên viên nhân số học để định chuẩn về nạn nhân mãn rất giản dị trên lý thuyết :

Sự gia-tăng dân số có nghĩa là gia tăng nhân khẩu, lợi tức chia trên đầu người bị giảm, các nhu cầu về tiện ích xã hội tăng thêm, quốc gia gặp khó khăn để cung ứng đủ thực phẩm cho mọi người, xã hội bị xáo trộn. nạn

nghèo đói, bệnh tật bành trướng, mức tiêu thụ tăng nhưng sản xuất kém, tổng sản lượng quốc gia suy giảm, thiếu ngoại tệ, luôn luôn sống nhờ viện trợ và không bao giờ đủ sức tự túc phát triển mà còn bị chìm đắm trong cảnh chậm tiến.

Giải pháp mà họ đưa ra là phải ưu tiên giảm dân số bằng Kế Hoạch Gia Đình, kể đó phát triển nông nghiệp và sau cùng cải tổ cơ cấu xã hội, kinh tế, chính trị (Clifford M Hardin) ³.

Những con số mà họ đưa ra rất khủng khiếp. Theo tài liệu về dân số của Liên Hiệp Quốc ⁴ năm 1966 thì nhân số thế giới tăng gia trung bình từ 1960 đến năm 2000 với tỷ số 1,8% như vậy nhân loại sẽ có gấp đôi nhân số vào năm 2000. Tính theo khu vực và giai tầng phát triển thì các nước kỹ nghệ tiến bộ gia tăng theo tỷ lệ 1%. (Nga 1,3 — Nhật 1,1 — Úc 1,6 — Mỹ 1,4) trong khi đó khu vực các nước nghèo như Phi Châu tăng 2,6 — Mỹ La Tinh 2,9 — Á Châu 2,4. Nhân số được đoán theo công thức: $P_n = P_o \cdot e^{in}$ (?) ⁵, theo đó nếu tỷ lệ gia tăng là 3% thì dân số tăng gấp đôi trong 23 năm, khiến cho nhiều nước chậm tiến ngày nay đang không đủ sức tự túc càng bị khó khăn gấp bội.

Đó là bài toán gần-dị và hợp lý theo thống-kê qui-định con người như một miếng ăn vô tri vô giác không hơn loài thú vật; việc tiên liệu phẩm diện và lý thuyết bất chấp trào lưu tiến bộ của lịch sử các dân tộc, của khả-năng biến đổi kỹ-thuật và khoa-học trong thời gian và không

gian, không kể đến khả-năng sáng tạo và thăng tiến cùng giá trị thiêng liêng của nhân loại và quyền tự do tối thượng của con người tức là quyền sống.

Một khía cạnh khác mà chuyên viên Kế-Hoạch Gia-Đình ít khi nói ra, là giới tư-bản đã làm mọi cách để trục lợi trong chiến dịch đại qui mô buôn bán thuốc viên ngừa thai trên khắp thế giới; mục tiêu sau cùng của họ là làm sao cho phụ nữ trên khắp năm châu trở thành khách hàng tiêu thụ, và tiêu thụ nhiều năm, nhiều tháng trong mỗi chu kỳ kinh nguyệt. Kỹ-thuật quảng-cáo có bình phong rất nhân đạo, hoàn toàn bất vụ lợi; chứng minh được rất trôi chảy hợp tình, hợp lý qua các thống kê dân số và kết luận của các chuyên viên nhân số học, kinh tế học, xã hội học... nhất là loại chuyên viên ngay tình hay vô tình đã hưởng được lợi lộc hay được thuê mướn của các cơ quan mại bản.

Ngày nay, các chuyên viên xã hội học thường thối phồng và bóp méo sự thật để cho kết-luận của họ phù-hợp với những mục-tiêu và quyền-lợi của họ. Họ chỉ cho biết một khía cạnh của sự thật.

Chính ba nhà xã hội học nổi tiếng của Mỹ minh định cho chúng ta điều đó: BS. Bernard Berelson, GS. Kinsley Davis và Alvin W. Gouldner.

BS. Bernard Berelson xác định rằng: «Ngày nay các khoa học gia về ngành nhân số học là những người chuyển sự thật hướng về những mục

tiêu của mình, khôn khéo biến đổi các sự kiện thành ra một thứ chân lý của mình...

Trong khi tìm sự thỏa mãn cho họ, thay vì mưu tìm chân lý họ tự dối mình và đem lại sự lầm lẫn cho kẻ khác.

GS Kinsley Davis cũng có ý kiến tương tự : *“Các nhà xã hội học ngày nay chắc chắn không bao giờ chịu kết luận trái với ý muốn của họ hoặc chống lại hay trái ngược với quyền lợi của các tổ chức mà họ gia nhập”*.

Ông Alvin W. Gouldner còn viết thêm rằng : *“Xã-hội ngày nay đã lợi dụng các chuyên viên xã hội học thành những công cụ phục vụ cho quyền lợi riêng tư, vì nhiều khối áp lực thuộc nhiều quyền-lực khác nhau có thể gây nhiều trở ngại bất ngờ và thậm độc liên hệ đến công việc họ làm và đến sự nghiệp của họ”*.

Vấn đề nhân-mãn là một vấn đề có thật, nhưng đã bị lợi dụng, bị khai thác, thổi phồng và bóp méo quá nhiều. Vậy chúng ta cần tìm hiểu đâu là sự thật và đâu là gian dối. Bao nhiêu dân số thì gọi là đủ, bao nhiêu thì gọi là thừa ?

Những kẻ chủ trương Kế Hoạch Gia Đình — cũng như chuyên mọi ngành thường dùng những suy luận một chiều và cực đoan—họ cho rằng chỉ có Kế Hoạch Gia Đình là biện pháp duy nhất, ưu tiên và hữu hiệu nhất, để giúp cho các quốc gia chậm tiến giảm bớt miệng ăn và có cơ hội phát triển. Thậm chí một số chuyên viên đó đã cho Kế Hoạch Gia Đình

là căn bản mang lại hạnh phúc gia đình, là một liều thuốc trị bá chứng các bệnh xã hội (panacée).

Để tìm hiểu sự thật và để chứng minh vấn đề Kế Hoạch Gia Đình đã bị lợi dụng, lạm dụng và bóp méo cùng quan niệm khiếm khuyết của họ chúng tôi đã nghiên cứu những sai lầm căn bản sau đây :

SAI LẦM CĂN BẢN THỨ NHẤT

Các chuyên viên Kế Hoạch Gia Đình quan niệm rằng mỗi con người như một con vật, mỗi đầu người là một miệng ăn thừa, mỗi đầu người là một đơn vị tiêu thụ chứ họ không thành thật tìm hiểu thêm rằng con người, trong mọi giai đoạn phát triển sinh lý, ngoài thể xác còn có linh hồn và tiềm năng sáng tạo, một thành phần nhân lực sản xuất. Tạo hóa cho mỗi người có một miệng ăn nhưng có hai tay để tác động lợi ích.

Sự qui định con người như một đơn vị kinh tế sản xuất hay tiêu thụ là kết quả trực tiếp của tư tưởng duy vật trong thế giới kỹ-nghệ ngày nay. Khi mà con người còn khỏe mạnh, còn sản xuất thì tôn trọng, nhưng khi đã già yếu bệnh hoạn thì bị khinh miệt ruồng bỏ. Ngày xưa, thời Cồ Hy-Lạp đã thực hiện việc hủy diệt các người tàn tật già yếu. Trong lịch sử hiện đại, Đức quốc xã đã hủy diệt tập thể trong lò hơi ngạt những người mà họ cho là thuộc chủng tộc xấu và thù nghịch. Ngày nay chủ trương giảm dân số và Kế Hoạch Gia Đình đã cho phép một số người nhân danh nhân đạo và phát triển kinh tế được quyền

hủy diệt kẻ khác một cách hợp pháp từ trong trứng nước. Riêng tại Nhật 13.000 y-sĩ được Chính-Phủ chỉ định để phá 2.600.000 thai mỗi năm (BS. Y. Kochi Mayasaka — xem thêm tài liệu *Hai mươi hai năm kinh nghiệm phá thai tại Nhật*). Tại Anh quốc, từ khi ban hành luật cho phá thai hợp pháp có hằng trăm ngàn người phá thai. Riêng năm 1969 có 76.413 vụ và nhiều bệnh viện mới được mở ra để phá thai mà thôi chớ không nhận trị bệnh (BS. Vincent ở Sullivan) ¹⁰.

Nước Mỹ sản xuất hàng năm một số xe hơi gấp đôi nhân số, gây tiếng động và ô nhiễm vì khói bụi nhưng không nghe tổ chức quốc tế nào kêu gọi hạn chế sản xuất. Các hãng kỹ-nghệ Mỹ sản xuất theo hệ thống giây chuyền mỗi năm một số vũ khí cá nhân 10 lần nhiều hơn dân số, nhưng có ai kêu gọi hạn chế sản xuất vũ khí hăng hái như họ bình vực Kế Hoạch Gia Đình. Vũ khí cũ và các chiến cụ còn được bán hay viện trợ cho các nước khác nữa chớ đâu có hủy bỏ.

Theo tài liệu mới nhất (Time, 28-1-74) thì Mỹ đứng hàng đầu về việc buôn vũ khí cho các nước đệ tam thế giới (tức các nước nghèo) (1973-5 tỷ Mỹ-Kim), Nga đứng hàng nhì (4 tỷ Mỹ-Kim—1973). Riêng Pháp đang dành thị trường này và đang tiến lên hàng thứ ba (với 1,4 tỷ Mỹ-Kim). Mâu thuẫn hơn là cả họ vừa bán khí giới vừa bán thuốc ngừa thai và thuốc trị bệnh. Tờn văn minh kỹ nghệ người ta trọng vật hơn người.

Có người cho rằng : khi chúng tôi chủ trương Kế Hoạch Gia Đình thì chúng tôi nói đến vấn đề dân số và kinh-tế cùng khía cạnh phát triển kinh tế mà thôi không liên hệ gì với đạo lý hay luân lý. Đó là một sự tách rời tai hại. Trong chiều hướng tư tưởng tư bản, làm thêm được đồng nào hay đồng nấy, người ta cho rằng giàu sang có nghĩa là hạnh phúc, bụng no đủ, thân thể hưởng lạc là vui rồi. Nhưng người đâu phải chỉ sống bằng miếng ăn ? Nhân loại có chân giá trị tinh thần và thiêng liêng chớ đâu phải như một bầy súc vật. Ai cho phép một thể hệ tráng niên học đòi thuyết tân Malthus có quyền hủy diệt một thể hệ trẻ hơn mình ? Như vậy thể hệ này có quyền giết thể hệ khác để cho mình được no đủ sung túc hơn hay sao ? Luân lý nhân đạo sẽ được thay thế bằng luật của rừng xanh hay sao ? Lịch sử loài người đã cho ta thấy đôi khi có những người thể hệ tráng niên hy sinh vì chiến tranh hay về một lý do chính trị để cho thể hệ con cháu mai sau được sống khá quan, thịnh vượng và tự do hơn chớ đâu có chuyện trái ngược như trên.

Một chuyên viên lỗi lạc đã nói rất đúng điều này :

« Chúng tôi không chấp nhận việc tách rời kinh tế khỏi vấn đề của con người, việc tách rời vấn đề phát triển khỏi nền văn minh tinh thần. Điều đáng kể đối với chúng tôi là con người, là mỗi người, là mỗi đoàn người cho đến toàn thể nhân loại ». (J. Lebrez) ¹¹.

SAI LẦM CĂN BẢN THỨ HAI.

Việc giảm dân số không phải là yếu tố quyết định trong việc phát triển. Nếu chúng ta chịu khó học tập kinh nghiệm phát triển của Đại Hàn, Đài-Loan, Nhật Bản, Trung Cộng thì chúng ta thấy rõ Kế Hoạch Gia-Đình chỉ là yếu tố thứ yếu. Trái lại sự thành công trong cuộc phát-triển là nhờ kỷ-luật quốc-gia, lãnh đạo sáng suốt và tương đối trong sạch, dân trí cao nhờ giáo dục đại chúng hiệu lực, kỹ thuật canh tác nông-nghiệp tiến bộ, toàn dân cần mẫn và tiết kiệm, xã-hội an ninh, nội bộ ổn định, luật lệ nghiêm minh, nạn tham nhũng bắt công tương đối nhẹ, chính sách dẫn thủy nhập điền và khai hoang hợp lý, sự phân phối hạt giống, phân bón đều hòa việc mãi dịch khôn khéo không có nạn đầu cơ tích trữ, sự chuyển vận và phân phối thực phẩm thích hợp theo nhu cầu v.v...

Chúng tôi xin dẫn chứng sai lầm căn bản của các chuyên viên kế-hoạch dân số qua trường hợp sau đây :

1. Trường hợp Đài Loan :

Vào khoảng cuối năm 1940 hải đảo này rơi trong tình trạng yếu kém và nghèo khổ vì hậu quả tai hại của chiến tranh. Mặc dù dân số gia tăng rất cao cộng thêm vào số dân lục địa di cư sang, thế mà đến năm 1965 Đài Loan chẳng những đã trở thành thịnh vượng, tự túc tự cường không cần đến ngoại viện nữa mà về phương tiện trợ thực phẩm và kỹ-thuật và kinh tế cho 19 nước Phi-Châu và nhiều nước Á Châu. Tổng sản lượng

quốc gia tăng 7% mỗi năm trong 10 năm liên tiếp. Về phương diện sản xuất nông nghiệp tăng 4,5% mỗi năm. Năng lượng thu hoạch trên mỗi mẫu tây (hectare) tăng gấp đôi từ 1950, lợi tức trên đầu người tăng trung bình 3,5% mỗi năm. Mức độ sản xuất kỹ-nghệ tăng 13% mỗi năm từ 1952 đến 1966 ¹².

Theo giáo sư Don Paarlberg, giáo sư kinh tế học và khoa nông nghiệp thuộc Đại học đường Purdue, cựu Thứ Trưởng Canh nông Hoa-Kỳ ¹³, thì sự phục hưng nhanh chóng của Đài-Loan là nhờ công lao và sự cố gắng của những người đang sống trên hải đảo này đã cần cù chịu khó, chịu học hỏi và áp dụng kỹ-thuật khoa học hiệu lực và thích nghi, nhờ một nền giáo dục đại chúng hợp với nhu cầu phát triển. Họ còn chịu hy-sinh không tiêu phí phạm, chấp nhận mức sống giản dị để tiết kiệm ngân sách hầu chung lo cho sự thịnh vượng quốc gia trong kỹ thuật chặt chẽ. Cũng nên nói thêm rằng Chính-Phủ Đài-Loan chỉ chánh thức chấp nhận Kế Hoạch Gia Đình từ tháng 5-1968 bởi đó Kế-Hoạch Gia Đình không có quan hệ trực tiếp đến việc phát triển nói trên. Yếu tố ngoại viện của Mỹ cũng như của các nước khác chỉ đóng góp một phần quan trọng trong giai đoạn đầu. Cho đến tháng 9-1969 dân số Đài-Loan là 14 073 594 kể cả Đô thị Đài Bắc (1.663.075) ¹⁴. Năm 1940 người Nhật tổng kiểm tra dân số là 5.870.000, năm 1946 — 6.090.000. Đến 1952, lúc Cộng-sản chiếm lục địa, 8.120 000 người di-cư sang Đài-Loan (của cải, khả năng kỹ-

thuật và mồi dịch của số di cư này đã giúp cho Đài-Loan một cơ hội phát triển mạnh thay vì là 8 triệu miệng ăn như chuyên viên Kế-Hoạch Gia Đình nói). Sự phân phối dân số chia ra thành 3 phần 5 sống tại tỉnh thị còn chỉ 2 phần 5 tại nông thôn. Diện tích chung là 35.965,85 cây số vuông như thế tính đến cuối 1968, mật độ dân số là 386 dân trên mỗi cây số vuông, tức một con số gần như cao nhất thế giới. Tỷ suất từ năm 1968 là 5,5/1000 và sinh suất là 29,3/1000 như vậy gia tăng dân số theo tỷ số 23 8/1000. Chỉ có 1/4 diện tích có thể trồng tía mà thôi, nhưng năm 1968 ngành nông nghiệp tăng 6,1% sánh với 1967. Tổng số lượng nông phẩm tăng 126% sánh với 1952.

Nếu chúng ta thử làm một bài toán giản dị sánh giữa Đài-Loan và Việt-Nam về tương quan giữa dân số, canh nông và thực-phẩm và nếu từ đây đến năm 2000 chúng ta được một giai đoạn 1952-72 (20 năm) phát triển như Đài Loan thì chúng ta có thể khẳng định rằng dân số Việt Nam cũng như nhu cầu phát triển nông-nghiệp Việt Nam còn quá thiếu. Nam Việt-Nam có diện tích canh tác là 2.837 95 cây số vuông năm 1969, tức 2,93 nhiều hơn Đài-Loan. Nếu nông-phẩm và nông-nghiệp tăng theo tỷ-số của Đài-Loan $126 \times 6,1 = 768,6\%$ (trong 20 năm) thì dân số của chúng ta có thể tăng $768,6\% \times 2,93 = 22,52$ lần nhiều hơn hiện tại nếu hòa bình được tái lập (Tài liệu Thống Kê Bộ Y Tế ước định là dân số Việt Nam đến năm 2000 chỉ tăng đến 36.000.000 tức hai lần

nhiều hơn nếu không làm Kế Hoạch Gia Đình).

(Chú thích : Khi dùng chữ Việt Nam trong bài này chúng tôi chỉ nói Nam Việt Nam mà thôi. Nhưng cái dân tộc đau khổ này đến 2000 vẫn chưa được thống nhất hay sao ? Xin dành cho chuyên viên Kế-Hoạch Gia-Đình Mỹ và Việt Nam trả lời giùm vì sao họ cố tình làm cho viễn ảnh đen tối như vậy ?).

2. Trường hợp Ấn Độ : Tại Ấn-Độ về dân thủy nhập điền thiếu thốn và kỹ thuật canh tác thô sơ khiến cho năng xuất chỉ được 1/3 năng xuất của Nhật trên mỗi mẫu tây, mùa màng lại bị bỏ khi và còn trùng phá hại mà không ai chịu tiêu diệt vì xúc phạm tín ngưỡng. Người ta có thể nói nếu Ấn-Độ chịu giết hết bò khi thì có thể giải quyết vấn đề thực phẩm. (Theo tài liệu tổ chức Y-tế Quốc-tế (OMS) thì còn trùng phá hoại mùa màng làm tiêu hao mỗi năm 20% số lượng thu hoạch hàng năm trên thế giới, riêng loại gặm nhấm làm cho nhân loại mất mỗi năm 33 triệu tấn thực phẩm. Tại nhiều nơi việc bảo vệ một thửa ruộng lúa khô bị còn trùng phá hoại còn khó khăn và tốn hao hơn là canh tác một thửa ruộng mới ¹⁶).

Tại Ấn Độ, Kế Hoạch Gia Đình đã được hợp pháp hóa từ 1952 nhưng mãi đến 1960 mới trở nên hiệu lực. Chánh phủ chi hằng năm 80 triệu Mỹ-Kim. Từ năm 53 đến 71 tiền ngoại viện cho chương trình Kế Hoạch Gia-Đình lên đến 600 triệu Mỹ Kim Các phương tiện tuyên truyền, dụ dỗ, mua chuộc được sử dụng, và họ đã giải phẫu làm tuyệt

sinh cho 3 triệu người. Chương trình gồm có nửa triệu nhân viên hoạt động toàn thời gian hay bán thời gian và 50.000 bệnh xá. Kết quả không được mỹ-mãn lắm và nhân số gia tăng trung bình vẫn cao (2,3% năm 1973, so với 2,5% năm 1960) ¹⁶.

3. Trường hợp Nhật Bản :
(xem tài liệu về *Hai mươi hai năm kinh nghiệm Kế Hoạch Gia Đình tại Nhật*, Yokochi Hayasada, op. cit.).

4. Trường hợp Trung quốc lục địa : Rất ít tài liệu được công bố về vấn đề Kế Hoạch Gia Đình tại Trung Quốc lục địa, tuy nhiên theo Rowan và Mazie ¹⁶ thì họ có thi hành một kế hoạch dân số hữu hiệu nhất trên thế giới. Hai phương pháp được áp dụng mạnh — phương pháp lập gia đình trễ và sử dụng bọ cao su (condom). Theo BS. Han Suyin thì Trung Quốc áp dụng Kế Hoạch Gia Đình tại các đô thị lớn từ năm 1956, chỉ có độ 15% người mẹ hưởng ứng. Vì tử xuất trong giới trẻ em còn cao đến 40% cho nên không áp dụng Kế Hoạch Gia Đình tại nông thôn. Bác sĩ Suyin khẳng định rằng tại các nước nghèo người ta tin rằng chủ trương Kế Hoạch Gia Đình chỉ nhằm mục đích diệt chủng. Việc mua chuộc, đe dọa người nghèo phải áp dụng Kế Hoạch Gia Đình cưỡng bách như tại Ấn Độ, việc cấm chỉ người nghèo có con đông là một việc phản dân chủ và phản nhân quyền. Theo Chester Bowles cựu Đại Sứ Mỹ tại Ấn Độ, thì Kế Hoạch Gia Đình được chấm dứt từ mùa xuân năm 1958 vì các chương trình phát triển thuộc kế

hoạch “*Bước tiến nhẩy vọt*” đòi hỏi quá nhiều nhân công làm cho Kế Hoạch Gia Đình trở nên không thích hợp nữa. Sáu mươi triệu công nhân được sử dụng để gia tăng sản xuất kỹ nghệ nấu thép tại gia và 100 triệu người được sử dụng vào việc dẫn thủy nhập điền. Nếu kế hoạch sản xuất phân bón kỹ nghệ hoàn tất năm 1970 thì Trung Quốc có thể sản xuất 15 triệu tấn phân bón (5 lần nhiều hơn 1963) và có thể nuôi ăn thêm 45 triệu người.

Trung Quốc vào năm 1969 đã có đến 730 triệu dân (có nhiều học giả cho là 800 triệu), theo S. Chandrasekas ¹⁸ thì năm 1957 sinh suất là 3,4% và tử suất là 11%. Tỷ số gia tăng dân số là 2,3 trên một độ trung bình là 68 người mỗi cây số vuông. Trong trường hợp Trung Quốc sự đông dân là một sức mạnh mà mọi người ai cũng phải nhìn nhận. Trên đời, có 3 yếu tố : số đông, tổ chức khéo và quản trị giỏi, thế lực tiền tài và kỹ thuật. Ở một nước Mỹ, nếu chỉ có một dân số thấp độ 17, 18 triệu như Việt Nam, thì dù có quản trị giỏi hay thế lực tiền tài mạnh cũng không thể được coi là một cường quốc.

Nhiều vùng trên thế giới, đất đai phì nhiêu nhưng năng suất nông nghiệp quá kém vì chính quyền tham nhũng thối nát, nông dân quá dốt nát lười biếng, thiếu kế hoạch dẫn thủy nhập điền, kỹ thuật trồng trọt quá lạc hậu, phương tiện tồn trữ và chuyển vận thiếu khuyết và thô sơ, làm hao hụt việc phân phối phân bón, hạt giống, thuốc diệt côn trùng, v.v..

Cách điều hòa thị trường cấp vốn làm mùa, chính sách phát triển nông nghiệp và cải cách điền địa, di dân khai khẩn hoang, mở mang trục giao thông v.v... cũng ảnh hưởng trực tiếp hay gián tiếp vào vấn đề phát triển nông nghiệp.

Trái với kết luận của các chuyên viên nhân số học, theo ông Edmond Gullion thì nguồn thực phẩm trên biển có thể tăng 6% mỗi năm mà không ảnh hưởng gì đến sự phát triển sinh vật²⁰, trong lúc nhân số thế giới chỉ tăng trung bình 2,5%. Ngày 29-5-1970, Ông Tổng Trưởng Canh Nông Hoa Kỳ Orville L. Freeman trong diễn văn trước Hội Đồng Bang Giao Quốc Tế tại Chicago có nói : *“Nhiều loại giống lúa mì và lúa thần nông đã được tìm thấy nhờ viện Rockefeller và Viện Rice ở Phi Luật Tân làm tăng năng suất từ 3 đến 4 lần hơn trước và đang được trồng thêm trên 8 triệu mẫu tây tại Phi Châu, Mỹ Tây Cơ, Ấn Độ, Thổ Nhĩ Kỳ, Phi Luật Tân, Hồi Quốc trong năm 1968 và từ 12 đến 16 triệu mẫu tây năm 1969 (gia tăng hằng năm 5% diện tích trồng lúa) làm biến đổi cục diện kinh tế quốc gia của những nước chậm tiến”*.

Theo kết luận của Bộ Canh Nông Hoa Kỳ, thì từ năm 1948 đến 63, có đến 12 nước trên 26 nước chậm tiến thực hiện được mức gia tăng 4% mỗi năm về nông sản (Do Thái, Đài Loan, Thái Lan, Ba Tây, Venézuela, Thổ Nhĩ Kỳ, Nam Tư, Tanganyika, Costa Rica, Phi Luật Tân, Mỹ Tây Cơ, Soudan). Theo sự trù liệu của các ông Martin Abel và Anthony S. Rojko thuộc Bộ Canh Nông Mỹ,

thì Ấn Độ có thể tự túc về thực phẩm khoảng năm 1980, trái hẳn với sự kết luận của các chuyên viên nhân số học thuộc các tổ chức chủ trương kế hoạch gia đình.

SAI LẦM CĂN BẢN THỨ BA.

Điều sai lầm căn bản thứ ba là họ cho rằng Kế Hoạch Gia Đình trực tiếp làm giảm dân số, mà không kể đến những hiệu quả cực kỳ mạnh mẽ của y khoa phòng ngừa, y tế công cộng và điều trị đã làm giảm bớt số tử vong biến đổi sự thăng bằng trên tỷ lệ sinh tử trong thế kỷ hiện đại. Mâu thuẫn căn bản, là một mặt y học bảo vệ mạng sống con người — những con người yếu đuối, tàn phế già nua, què quặt, tâm trí bất thường, và mặt khác cũng nhân danh y học và và nhân đạo, họ tự cho quyền hủy hoại những mạng sống nguyên vẹn trẻ trung, mạnh khỏe ra đời. Cho đến ngày nay, chân giá trị của văn minh nhân loại cũng như giá trị của nền y học chân chính dựa trên căn bản *“tôn trọng sinh mạng con người”*. Người ta âm mưu phá hoại giá trị đó. Tai hại hơn nữa là người ta che đậy việc phá thai dưới danh hiệu *“truyền giống tốt”*.

Hiện nay tại Âu-Châu, người ta lập các Viện truyền giống tốt (Institut eugénique) để che đậy sự phá thai thu lợi. Tại Nhật, một số y-sĩ chỉ sống về nghề phá thai chuyên môn và hợp pháp, chỉ phá thai cả ngày, suốt năm với giá cao để thu lợi thay vì trị bệnh. Luật cho phép phá thai tại Nhật năm 1948, sửa đổi năm 1952, cũng được gọi là *luật bảo vệ giống tốt* (Eugenic Protection Law). Viện

ảnh đau thương này có thể diễn tiến thêm trên nhiều nước khác.

Bộ luật quốc tế về luân lý y-khoa (International Code of Medical Ethics) viết rằng : «*Người Y-sĩ phải luôn luôn ghi nhớ sự trọng yếu của việc bảo vệ sinh mạng con người từ lúc thụ thai cho đến khi chết*». Vậy nghề y-sĩ phải tránh trở nên nghề đồ tể hay chuyên viên phá thai.

SAI LẦM CĂN BẢN THỨ TƯ.

Các chuyên viên dân số chia tổng sản lượng quốc-gia trên đầu người một cách lý-thuyết và máy móc. Thực tế hoàn toàn khác hẳn. Có những nước có nhiều mỏ dầu và nhiều khoáng chất nhưng lợi tức chia sẻ giữa tư bản quốc tế và thiểu số cầm quyền tay sai, còn người dân thì vẫn nghèo đói cơ cực. Tại Nam Phi-Châu, mỏ kim-cương thuộc độc quyền khai thác của Công-Ty De Beers Mines Inc., còn người địa phương thì chìm đắm trong cảnh nghèo đói. Tại Nam-Dương, mặc dù sự khai thác dầu lửa càng ngày càng phát triển thêm (1.4 triệu thùng mỗi ngày với giá 10.80 Mỹ-Kim mỗi thùng) (bbl), tài nguyên quốc gia bị các tướng lãnh hợp cùng bọn tư bản Hoa kiều, tư bản Nhật và mại bản quốc tế chia tay nhau hưởng lợi. Lợi tức trên đầu người của dân Nam Dương thấp nhất tại Á-Châu (95 Mỹ-Kim 1 năm) vì cơ chế xã hội và chính-trị từ Sukarno đến Suharto không có thay đổi nhiều (Time, 28-1-74).

Sự phung phí về ngoại viện do các nước đệ tam thế-giới còn thêm

hại hơn nữa. Việc phân phối ngoại viện khi đến tay người dân thì chẳng còn được bao nhiêu. Giới cầm quyền cùng các trung gian mại bản thụ hưởng một phần lớn. Thậm chí có người nói, nếu thế giới chỉ có hai người mà tham lam ích kỷ, thì dân số đã quá đông. Văn-minh Hy-Lạp, La-Mã cũng như các văn minh đã sụp đổ trong lịch sử nhân loại không phải vì lý do quá đông dân số mà vì lý do chia rẽ, tham lam, ích kỷ sát hại lẫn nhau, tranh giành quyền bính giữa các phe nhóm nội bộ, lo thụ hưởng lạc thú đồi trụy hơn là lo cho công ích và chống ngoại xâm.

SAI LẦM CĂN BẢN THỨ NĂM.

Các chuyên viên dân số học chỉ tiên đoán sự phát triển dân số thế giới trên bình diện thống kê lý thuyết từ năm 1960 đến năm 2000 rồi nêu việc không gia tăng dân số (ZPG. Zero Population Growth) như là lý tưởng cần đạt tới, bất chấp những tiến bộ khoa học, thiên tai, chiến tranh, các cuộc di dân v.v... có thể xảy ra từ đây đến đó. Họ cũng bất chấp những biến chuyển của lịch sử, tiềm năng sinh tồn và phát triển riêng của mỗi dân tộc, nhu cầu đặc biệt của từng địa phương và manh tâm chà đạp các căn bản tín ngưỡng đạo lý, phong tục và truyền thống của mỗi dân tộc. Lập trường của Giáo Hội Công Giáo về việc bảo vệ tôn kính mạng sống cũng như chỉ hạn chế cho phép dùng các phương pháp ngừa thai thiên nhiên đã bị bộ máy tuyên truyền chủ xướng Kế Hoạch Gia Đình nguyên rủa hăng ngày trước dư luận thế giới.

Tại Đại-Hàn năm 1973 chính phủ đã công bố kết quả gặt hái một loại lúa làm tăng năng suất đến 35%. Thực phẩm do biển cả cung cấp có thể tăng 6% mỗi năm mà không hại gì cho loài cá sinh sản, trong khi dân số thế giới chỉ tăng trung bình từ 1,5 đến 2,5%. chứng tỏ là trong hiện tại cũng như trong tương lai, vấn đề dân số và thực phẩm thích hợp có thể giải quyết được nếu được phân phối điều hòa, nếu giải quyết nạn dân số tập trung quá đông theo các trục giao thông và nơi thành thị, và nếu lòng người lãnh đạo quốc gia bớt tham lam ích kỷ.

SAI LẦM CĂN BẢN THỨ SÁU

Bao nhiêu dân là đủ, bao nhiêu dân là thừa?

Theo các chuyên viên Kế Hoạch Gia Đình thì họ cứ lấy sự phát triển dân số trên phương diện thống kê : nếu số sinh cao hơn số tử và tỷ số gia tăng quá 1% thì họ cho là quá cao. Theo BS Paul R. Ehrlich thì cần phải giữ tỷ số tăng zéro, tức không tăng từ đây cho đến năm 2000. Quan điểm của họ không đồng nhất. Theo báo *New York Time* ngày 4-12-70, thì năm 70, tỷ số trung bình của Mỹ Quốc là 53 dân trên mỗi dặm vuông (Sq. mile) là quá thừa, ngược lại Pháp Quốc với 238 dân mỗi dặm vuông tức 4,5 cao hơn mà vẫn cho rằng thiếu, nên Chính Phủ Pháp vẫn khuyến khích và trợ cấp cho các gia đình đông con. Đây là sự thật?

Sai lầm căn bản của Kế Hoạch Gia Đình là không đủ tiêu chuẩn xác

thực. Trước khi áp dụng kế hoạch dân số, cần thiết lập kế hoạch phát triển quốc gia có hạn định, nắm vững số tử vong và số sinh sản cùng cương quyết phân phối đồng đều lợi tức quốc gia trên đầu người (đừng tham những và cắt xén bớt bỏ túi riêng), sau cùng định rõ sẽ giảm dân số từ tỷ lệ nào cho đến mục tiêu nào và trong thời gian bao lâu.

SAI LẦM CĂN BẢN THỨ BẢY

Các chuyên viên Kế Hoạch Gia Đình tại Việt Nam lấy thống kê đã thực hiện tại các Bảo sanh viện Đô thị Saigon Cholon để xây dựng tài liệu chứng minh cho nhu cầu giảm dân số trên toàn quốc. Sai lầm căn bản này đã xảy ra cho nhiều chương trình quốc gia khác, do người ngồi bàn giấy tại Trung-Uơng không hiểu nông thôn Việt Nam mà lại dùng thống kê để thảo chương trình toàn quốc dưới nhãn quan của một chuyên viên chỉ đọc sách vở ngoại quốc mà chưa bao giờ chung sống với người dân miền quê (theo quyển « *Vài khía cạnh gia tăng nhân số tại Việt-Nam 1969-1990* » của Phòng Thống Kê Bộ Y Tế xuất bản tháng 4-1971). Cũng nên nhắc lại rằng từ trên 10 năm nay chưa có một cuộc tổng kiểm tra dân số nào trên toàn quốc và các thống kê từ 1958 trở về sau là những ước đoán mà thôi. Trong tài liệu này chính Bộ Y Tế công nhận : « Các chuyên viên có quan điểm khác biệt về suất gia tăng dân số tại Việt-Nam. Con số thông dụng từ trước đến nay là 2,6% ». Như vậy từ nhiều năm nay suất gia tăng 2,6% được coi như bất

biển tức không đúng sự thật vì dân số thay đổi từng giây từng phút. Một khiếm khuyết quan trọng khác là ước lượng về sự phân phối dân số gia tăng theo phái và tuổi cho đến nay không được Bộ Y Tế trình bày vì « thiếu dữ-kiện căn bản ».

Theo sự nghiên cứu của Liên-Hiệp-Quốc năm 1963 về dân số từ 1960-2000 thì số người già nua càng ngày càng tăng, nhập lực hạng trẻ từ 15-64 càng kém đi (tại Nhật số già trên 65 sẽ tăng từ 5,7 đến 13,7 - tại Âu châu từ 9,8 đến 13,1) tại Nhật hiện nay đang thiếu nhân công trẻ. Nền kỹ-nghệ Âu-châu sẽ bị suy giảm trầm trọng nếu không có nhân công từ Bắc Phi, Ý, Y-pha-Nho sang làm. Việc đó cũng xảy ra tại các tiểu bang miền Nam nước Mỹ mà nền nông nghiệp nhờ đến công nhân Mễ-Tây-Cơ (vừa trẻ, vừa mạnh, vừa rẻ). Dân số đông, trẻ là yếu tố căn bản của sức mạnh quốc gia. Ai không tin thử hỏi các nhà cầm quyền tại Do Thái, Trung-Quốc, Nga Sô thì rõ. Dân Việt-Nam nghèo, thấp nhưng di chuyển rất dẻo dai, bản rất trũng, thừa can đảm, sức chịu đựng khổ đau và sự hy sinh có thừa. Ai không tin hỏi người Pháp viễn chinh tại Đông dương hay quân đội Mỹ đã từng chiến ở Việt Nam thì rõ. Không ai có thể chối cãi rằng số đông dân là một sức mạnh chánh trị và quân sự.

Trên mọi ngành khoa học thực nghiệm thường không ai dám ước đoán trước những gì sẽ xảy ra trong 5 hoặc 10 năm, duy chỉ có chuyên viên dân số học và Kế Hoạch Gia

Đình và đặc biệt ngành này táo bạo ước lượng những gì xảy ra từ đây cho đến năm 2000 về dân số.

Thử hỏi nếu hòa bình tái lập vào năm 74 hay 75 gì đó thì dân số thành thị còn là 45% tổng số dân hay không ? Dân số Saigon Gia-Định có gia tăng từ 3 triệu (1970) đến 6,1 triệu (1990) như thống kê Bộ Y Tế tiền liệu hay chẳng ? Số đất canh tác cho mỗi người dân nếu hòa bình tái lập sẽ biến đổi, tất nhiên, lợi tức Quốc Gia sẽ tăng vì bớt quân phí v.v..

SAI LẦM CĂN BẢN THỨ TÁM

Các chuyên viên Kế Hoạch Gia Đình ước lượng về dân số gia tăng mà thôi nhưng không lưu ý đến vấn đề phân phối dân số và các tiện ích xã hội. Theo tài liệu Bộ Y Tế thì năm 1969 tại Saigon Gia Định chỉ có một bác sĩ cho 480 dân và ở tỉnh một Bác sĩ cho 19 800 dân (không rõ tỉnh nào). Trung bình một Bác sĩ cho 12.000 dân. Nếu dân số gia tăng 2,6% mỗi năm thì đến năm 1990 theo tỷ lệ quốc tế 1/1000 chúng ta cần 29.926 Bác sĩ. Đây là một bài toán lý thuyết rất hay và giải đáp rất gọn.

Với con số 1431 Bác sĩ, hiện nay đa số đang tập trung vào thành thị và đang trong tình trạng khiếm dụng kinh niên vì thuốc men quá đắt.

Nếu xét thêm đến giới được si khiếm dụng thì vấn đề còn thảm hại hơn nữa vì đa số không đủ vốn mở được phòng hay thất nghiệp.

Tình trạng phân phối y-sĩ không theo nhu cầu dân số của từng địa

phương ở Mỹ cũng như ở Âu-châu ngày nay làm cho nhiều nơi thôn dã chưa có y-sĩ. Hội nghị y-tế cộng đồng Á-Châu Thiên Chúa Giáo trong kỳ nhóm tại Vọng Các tháng 12, 72 cũng lưu ý các nước Á-Châu nên phát triển y-tế về làng, yểm trợ cho người bệnh nhân nghèo tận nhà họ thay vì chờ họ di-chuyển đến các cơ sở y-tế tập trung nơi các thành phố.

SAI LẦM THỨ CHÍN

Các chuyên viên Kế Hoạch Gia Đình trong khi quảng bá và giáo dục phụ nữ hạn chế sanh đẻ không nói rõ các phản ứng thứ phát và các biến chứng tai hại cơ thể gây nên bởi những phương pháp hạn chế sanh đẻ nhân tạo.

Trong đoạn đầu, chúng tôi có nói đến các mảnh khõe của các nhà dân số học được thuê mướn hay vì lợi lộc thời phong, bóp méo sự thật, biến đổi thống kê và sự kiện thành một thứ chân lý của mình, «chế độ chuyên viên trị» thường vì phạm một lỗi lầm lớn là chỉ suy luận một chiều và nhìn đời dưới nhãn quan của ngành chuyên môn của mình. Tại các nước Nga, Trung-Cộng và các quốc gia Cộng sản người ta thường nhờ chuyên viên sửa đổi lại lịch sử mỗi lần thay đổi chế độ, sửa chữa lại thống kê nhà nước để tuyên truyền. Thậm chí nhà tù ở Nga Số ngày nay được chuyên viên nhà nước gọi là viện dưỡng trí mà người tù là con bệnh do các y-sĩ thần kinh nhà nước (kiếm cai ngục) điều trị. Nhiều nơi khác người tù được đưa vào cải huấn,

nhưng không ai dạy dỗ hay giáo dục thêm.

Đối với Kế-Hoạch Gia-Đình người ta cũng đôi khi dùng chiến thuật trên như gọi là chọn giống tốt (thay vì phá thai) bảo vệ hạnh phúc gia đình, làm cha mẹ có trách nhiệm v.v... ví như Kế Hoạch Gia Đình tất nhiên có trách nhiệm và có hạnh-phúc. Tính cách khoa học chân chính là trọng chân lý vì muốn tìm chân lý. Ước mong rằng chuyên viên bản xứ làm kế hoạch gia đình luôn bảo vệ chân lý và Khoa-học, dù có bị áp lực tiền tài, lợi lộc hay danh phận gì đi nữa cũng không mua chuộc được họ.

SAI LẦM THỨ MƯỜI

Các người chủ trương kế hoạch gia đình không quan niệm toàn bộ vấn đề khi chỉ quảng bá phương pháp hạn chế sanh sản mà không chú trọng đến vấn đề giáo dục và nâng đỡ các gia đình nghèo phát triển kinh tế tăng gia lợi tức và quản trị ngân sách gia đình một cách khéo léo không phung phí. Nghèo sanh đông con thì khổ, hữu sanh vô dưỡng. Nhưng ta cũng có thể hỏi tại sao ta không ưu tiên giáo dục và giúp đỡ các cha mẹ nghèo trên nên khá giả, tăng thêm lợi tức trước khi khuyên họ hạn chế sinh sản.

Xã hội nông thôn miền Nam lúc còn thanh bình thuở trước có một nếp sống đầy đủ nhờ có sẵn một tổ chức kinh tế gia đình tự túc. Sông thì có cá, chung quanh nhà thì vườn rau, vườn cây ăn trái, mỗi gia đình có chuồng gà chuồng heo, phân gia

súc được thu lại để bón vườn tược, đất đai phì nhiêu mỗi năm chỉ thiếu người làm chứ đâu có thiếu ăn. Chúng tôi chắc rằng nếu hòa bình tái lập thì đời sống sung túc đó tất nhiên vẫn hồi.

Trong một gia đình thiếu sự quản trị, không có tiết-kiệm, cha thì say sưa rượu chè, mẹ thì đam mê cờ bạc, tiền tài phung phí thì bao nhiêu đứa con cũng là thừa thãi và vô dưỡng.

Trong hoàn cảnh kinh tế khó khăn hiện tại, Chính phủ cũng như giới chuyên viên công và tư nên yểm trợ mạnh trên toàn quốc một chương trình giáo dục phát triển lợi tức gia đình và quản trị kinh tế gia đình, ban hành chế độ an ninh xã hội cho mọi người trước khi ra luật Kế Hoạch Gia-Đình cho toàn quốc.

Điều quan trọng hơn hết là các kỹ thuật gia và chuyên viên phải lao mình trở về nông thôn, từ bỏ cách sống xa hoa thành thị, đề hướng dẫn toàn dân sống và sinh hoạt hợp với giai đoạn kinh tế nghèo khổ và khó khăn của quần chúng, dốc toàn sinh lực và óc sáng tạo để sản xuất và tự túc tự cường trong khuôn khổ gia đình, nhờ đó quốc gia mới có cơ hội trở nên độc lập về kinh tế được.

Nhìn qua các sinh sống của giới Hoa kiều tại Việt Nam, ngay cả các gia đình nghèo, họ có kinh nghiệm phát triển lợi tức trong khuôn khổ gia đình bằng tiểu công nghệ và những nghề ít vốn. Xuất sanh sản rất cao nhưng mỗi người sanh ra được hướng dẫn làm những nghề theo khả

năng và trong gia đình với sự yểm trợ của cộng đồng xã hội Hoa kiều. Trong hoàn cảnh bình thường thì đã có nhiều người lo sợ rằng nếu có hầu cử thật dân chủ đô thị tưởng, thì nhiều người Việt gốc Hoa sẽ thắng cử (như người da đen bên Mỹ). Nếu Việt Nam giảm dân số thì sẽ ra sao?

KẾT LUẬN

Chúng tôi đánh lên đây hồi chuông báo động để người Việt Nam chân chính chưa bị mua chuộc vì danh lợi lợi thức tình và suy nghĩ về bộ mặt trái của Kế hoạch gia đình. Đó là con dao hai lưỡi nguy trang. Đánh rằng quá đông con phải hạn chế theo khả năng kinh tế của mỗi gia đình, nhất là tại thành thị quá đông đúc vì nạn chiến tranh, nhưng áp dụng một cách máy móc, không tiêu chuẩn rõ ràng, không có sự kiểm soát chặt chẽ ngoài phạm vi của mỗi gia đình và một cách dài hạn trên toàn quốc là một việc tai hại cho dân tộc.

Người ngoại quốc sẵn sàng trao con dao trên để cho chuyên viên Việt Nam xử dụng. Khi chém xong rồi, muốn sửa sai hàn gắn, lại không được.

Việt Nam, ví như một cái xác tiều tụy bị chiến tranh kinh niên, bị bom đạn tàn phá lãnh thổ nhiều nơi, nhiều làng mạc bị xóa bỏ trên địa đồ, nhiều thế hệ cha con cháu ngã gục. Nhiều nguồn dư luận ngoại quốc cho rằng dân tộc ta đã và đang bị hiềm họa diệt chủng vì chiến tranh «Mẹ Việt Nam đã gần mù lòa, vì khóc cho quá đông con đã chết, đã

tật nguyên tàn phế và sẽ còn khóc nức cho những người sắp chết cho đến khi tiếng súng hoàn toàn dứt hẳn». Ngày nay, người ta sắp đặt luật lệ để không còn cơ hội cho những đứa con của mẹ mai sau sinh ra.

Trên 200 000 người đã chết vì chiến tranh từ một năm sau khi ký Hiệp Định Paris không đủ làm giảm dân số hay sao? Việt Nam không phải là Tân gia ba, Đài Loan, Hương Cảng hay Phi luật Tân, chúng ta đừng học đòi họ và bắt chước Kế hoạch Gia Đình theo ý chuyên viên ngoại quốc.

Trước khi chấm dứt bài này, chúng tôi xin nêu lên những ý nguyện sau đây :

1. Xin mọi giới trong và ngoài chính quyền phát triển việc giáo dục tráng niên nam nữ và mọi cha mẹ về Kinh Tế Gia Đình trước khi nghĩ đến hạn chế sanh đẻ (theo phương

pháp nông thôn đa canh, thành thị đa nghiệp, cán bộ đa nhiệm, mọi người sản xuất, toàn dân tiết kiệm, quốc gia phục hưng).

2. Xin áp dụng Kế Hoạch Gia Đình hợp lý và tôn trọng tín ngưỡng của mỗi người, cho dân thành thị một cách tạm thời. Bảo trợ cho gia đình đông con tại nông thôn và áp luật chế luật an ninh xã hội trên toàn quốc.

3. Chỉ giao quyết định hạn chế sanh đẻ và chọn phương pháp thích hợp cho cha mẹ dưới sự chỉ dẫn, kiểm soát của y sĩ hay chuyên viên ngành Kế Hoạch Gia Đình một cách liên tục để tránh các phản ứng nguy hại có thể xảy ra.

4. Hoãn ban hành luật Kế Hoạch Gia Đình và áp dụng trên toàn quốc cho đến khi chiến tranh chấm dứt hoàn toàn, xã hội Việt Nam phát triển bình thường và sau khi dân số toàn quốc được tổng kiểm tra lại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *The population bomb* do P.R. Erlich Ballantine Book, New York, 1968.
2. P.R. Erlich — op. cit.
3. Clifford Hardin, *Vaincre la faim. Un espoir nouveau pour l'humanité.* Ed. Nouveaux Horizons, 1970.
4. ONU. *Perspectives d'avenir de la population mondiale évaluées en 1963.* Etudes démographiques No. 41 — New York, 1966.
5. *Accroissement de la population et moyens de la contrôler* — Frank W. Notestein, *Vaincre la faim.* Editions Nouveaux Horizons — The American Assembly 1969.
6. *Some perspectives on Population*, do Herbert Ratner MD. Director of Public Health, Oak Park, Illinois (Proceedings of the XII International Congress of Catholic Physicians).
7. Herbert Ratner, op. cit.
8. Herbert Ratner, op. cit.

9. Proceedings of the XII International Congress of Catholic Physicians (FIAMC) oct 11-14/ 970 — Washington DC., USA. *Japan's 22 year of experience with a liberal abortion Law*; do DR. Yokochi Hayasaka and all.

10. *The effects of legalized abortion in England* do J. Vincent O' Sullivan MD. — op. cit. (1) FIAMC — session II, p. 21.

11. L. J. Lebret, *Dynamique concrète du développement*, Paris, 1961, P. 28.

12. *China Handbook* (1969-1970), China Publishing Co. — Po. Box 337 Taipei — Taiwan, China.

13. Don Paarlberg, *Une alimentation meilleure pour une population plus nombreuse. Vaincre la faim*, Ed. Nouveaux Horizons. Ed. The American Assembly 1969 (Traduction du livre *Overcoming World Hunger* — Prentice Hall, Incorporated by Clifford Hardin)

14. *China Handbook*, op. cit.

15. Don Paarlberg — op. cit.

16. *Is Population Control impossible?* do Dr. Carl T. Rowan — David M. Mazie Reader's Digest — Nov. 73.

17. *Women in Revolutionary China* do Claudia Dreifus. — An interview with Han Suyin — Evergreen Review, No. 95. Fall 72.

18. *China Handbook*, op. cit.

19. Chester Bowles, *The Making of a Just society*, University of Delhi — 1963.

20. Clifford Mardin, op. cit.

TÀI LIỆU LỢI ÍCH CÓ THỂ THAM KHẢO THÊM

a. Gunnar Myrdal, *Asian drama*, Part VI; *Problems of population size* — A. 20th Century fund study.

b. Ruth Gruber, *La science au service des nouvelles nations*, Ed. Nouveaux Horizons

c. Barbara Ward,

— *Rich and poor nations*,

— *Spaceship Earth*,

Columbia University Press, 1968.

UỐNG KHỎI CHÍCH

là tà, Kiệt ly — có đảm, máu

VEREX

NGƯỜI LỚN — CON NÍT

65' KH 505. 017/010P. 29.10.69

HIỆN TƯỢNG LỚN CỦA THỜI ĐẠI

Với Những Nguyên Nhân Và Hậu Quả Sâu Xa

TẠI SAO ĐỨC GIÁO HOÀNG

VÀ NHỮNG TRÍ GIẢ KHÔNG PHÂN BIỆT TÔN GIÁO

ĐỀU DẪN MÌNH VÀO CUỘC PHẢN KHÁNG ?

□ THẠCH TRUNG GIẢ

Trong lịch sử nhân loại chưa bao giờ có thể kỷ nào như thế kỷ này mà chỉ trong vòng 60 năm đã xảy ra hai cuộc Đại Chiến Thế Giới được tiếp theo một cuộc chiến tranh một phần tư thế kỷ tại Việt Nam đến bây giờ cũng chưa thực dứt. Biết bao nhiều triệu sinh linh bị chết trên những chiến trường và ở hậu tuyến bằng mọi phương tiện như mọi thứ bom đạn và đói khát, bệnh tật, tù đày, thủ tiêu.

Chiến tranh thời xưa thường chỉ là cuộc đối địch chiến sĩ hai bên nên chiến trường được hiểu theo nghĩa đen là những bãi đất bãi cát rộng dành riêng cho việc giao đấu. Hiếm lắm mới có cuộc tàn sát dân một thành như La Mã sau mấy năm vây hạ Carthage. Mông Cổ hay làm chuyện này như với các dân thành Delhi, Bagdad. Thắng Long nên bị coi là giống nòi man rợ. Nhưng bây giờ giết dân là chuyện thường xuyên và phổ biến với không tặc, với hỏa tiễn, đại bác. Người ta giải thích rằng đề tiêu diệt kinh tế địch hay tiềm lực nói chung của địch, thời xưa không có phương tiện như phi cơ với loại vũ khí bắn xa. Nhưng như vừa nhắc nhỏ, thời xưa vẫn có thể tàn sát dân nếu muốn dã man. Chẳng

qua là lấy hành vi của mình coi nó như một định luật, một định mệnh mà thực chất chỉ là dã man.

Nhìn tận mắt hay trên màn bạc cảnh hải nhi chạy cuống cuống bơ vơ giữa khói lửa và tiếng nổ, hoặc những người dân Trung Hoa giữa một thành phố buồn bán đông đúc bị Nhật ném bom, hoặc xem những hậu quả nhiều năm sau của bom nguyên tử xuống Quảng Đảo, Trường Kỳ với những người bất thành nhân dạng đầu trương phình lên như cái giành muốn chết mà chưa chết được, tôi đã ghê rợn. Nhưng có một hiện tượng không khiến tôi xúc động tức khắc và mãnh liệt nhưng ghê rợn sâu xa, càng ngẫm nghĩ càng ghê rợn và có khi bàng hoàng như lạc vào một thế giới lạ lùng một thế giới không phải người không phải vật vì quá cả vật hay một thế giới ma quỷ nhưng liệu ma quỷ đã đến chỗ đó không ? Mà hiện tượng này có bề ngoài nhân đạo, tự nhiên khiến tôi giật mình lo sợ vì biết đâu một ngày kia chính tôi sẽ quên đi như nữ sĩ Pearl Buck sống lâu năm bên Trung Hoa từ khi sinh chỉ ăn cơm Tàu hồi mới về cố hương là Hoa kỳ chịu không nổi những rạp chiếu bóng sặc hơi người ăn bơ sữa ? Nhưng một năm sau bà

quen đi không thấy mùi nặng nề gây gây ấy là có nữa? Một trong mấy người lập ra khoa tuyên truyền miễn đại có nói rằng: Muốn giả thành chân, muốn chân thành giả không khó gì miễn là có tuyên truyền. Cứ nói đi nói lại mãi một điều và xoay đi chuyển lại dưới nhiều hình thức và phương tiện với hai định luật *đập khắc* và *đồng tấu*, là người ta có thể thôi miễn được quần chúng theo mình. Có những kẻ chủ bới một chủ nghĩa nhưng tiềm thức bị xoi mòn bởi chính chủ nghĩa đó bởi vì tại vẫn ghi những âm thanh, mắt, những hình ảnh mà ý thức không chấp nhận nhưng nó lặp đi lặp lại mãi nên lọt xuống tiềm thức lúc nào không biết như mấy học giả chống cộng và là nạn nhân của cộng sản mà khảo sát những hiện tượng văn học với quan điểm duy vật mà không hay.

Bây giờ phong trào ngừa thai và phá thai dưới chiêu bài hấp dẫn là Kế Hoạch Hóa Gia Đình lan tràn ở nhiều nước lại được một đại cường đặc biệt tích cực chủ trương yểm trợ và áp đẩy.

Từ 25 năm nay nhiều tổ chức tài phiệt tung ra vô số chuyên viên đến khắp mọi nước nhất là các khu vực nghèo để áp dụng những phương pháp hạn chế sinh đẻ nhân tạo nên nhiều nước hợp pháp hóa Kế Hoạch Gia Đình — một số quốc gia hợp pháp hóa việc phá thai, như tại Nhật, Mỹ. USAID gia tăng ngân khoản từ 2,1

triệu Mỹ kim năm 1965 đến 125 triệu Mỹ kim năm 1973 chưa kể ngân khoản của vô số tổ chức tư nhân quốc tế và của Liên Hiệp Quốc. Một phần lớn của những ngân khoản đó dành vào việc tuyên truyền và tặng thuốc ngừa thai làm mẩu như mấy hăng thuốc lá đã từng tung cho người ta dùng thử những bao nhỏ để ném phải mũi chùi không đi, nghiện ngập cho họ hốt bạc. Và chúng ta bị tấn công, bao vây, tràn ngập bởi tuyên truyền này mà cuộc hội thảo vừa qua tại Sài Gòn đã nằm trong khuôn khổ ấy. Nó mới chỉ là hồi trống giảo đầu, mà chiến dịch còn tiếp tục đại quy mô dưới nhiều hình thức cho đến khi đạo luật Kế Hoạch Hóa Gia Đình tại Việt Nam ra đời.

Tuyên ngôn Bảo Vệ Sinh Mạng và Tinh Thần truyền thống của mấy hội đoàn đăng trên một nhật báo ngày 17-2-1974 đã nói về ý đồ của mấy đại cường và kinh nghiệm đau thương của Nhật Bản sau hai mươi hai năm Kế Hoạch Hóa Gia Đình khiến Thứ Trưởng Ikeda với Thủ Tướng Sato đã xét lại những lỗi lầm nghiêm trọng và công khai nói trên Vô Tuyến Truyền Hình khắp nước và đăng báo cả thế giới đều biết. Chúng tôi xin lược qua ở đây, chỉ bàn đến những nguyên nhân sâu xa, thực sâu xa về tinh thần, với những hậu quả cũng sâu xa về tinh thần. Như một y sĩ chữa bệnh phải biết gốc bệnh thì trên cả những ý đồ chính trị, kinh tế của mấy đại cường, là cái nguyên động lực, cái thực trạng mà họ chỉ làm việc khai thác. Nhưng nhận định

không phải đề nhận định cũng như một y sĩ tìm gốc bệnh không phải đề khoan tay mà đề chữa chạy hữu hiệu và triệt để.

QUÁ TRÌNH BIẾN THIÊN CỦA TINH THẦN TÂY PHƯƠNG

Lão Tử nói rằng : *«Cây gỗ tày ốm mọc tự cái mầm nhỏ, cái đài chín từng khởi-tự hòn đất, cuộc đi xa ngàn dặm bắt đầu tự một bước chân»*

Vậy thì những kế hoạch cụ thể đại quy mô với tầm vóc quốc tế ngày hôm nay đã là kết quả của cả một quá trình tiến hóa hay thoái hóa của tinh thần con người.

Mấy chục thế kỷ trước Thiên Chúa đến năm thế kỷ sau Thiên Chúa là những nền văn minh cổ thời rực rỡ của Ai Cập, Trung Hoa, Ấn Độ, Hy Lạp, La mã. Trong khi đó những dân tộc là cường quốc Tây Phương bây giờ chưa thành, mà được hình thành là nhờ Đế Quốc La Mã cai trị từ vài ba thế kỷ trước Thiên Chúa đã thống nhất những dân man di rời rạc, tạp nhạp, cấu xé lẫn nhau thành những khối chịu chung một chế độ một tổ chức, một pháp luật dưới bàn tay vừa khôn ngoan vừa sắt đá của La Mã. Họ nhờ thế được thái bình và thịnh vượng. Văn minh Tây phương rực rỡ cổ thời thực ra chỉ là văn minh của Hy Lạp, La Mã mà chút ánh sáng thừa tỏa ra những vùng xa xa như Pháp, Anh, Đức, Nga...

Sau những thế kỷ hào hùng và hữu ích, Đế quốc La mã sụp đổ vì hưởng lạc, vì tham bạo bất công, để lại một Âu Châu tan tành như một

tòa kiến trúc sau một cơn oanh tạc. Phải xây dựng lại tất cả, phải cầm viên gạch rải rời vụn gãy mà gắn lại với nhau theo những đường nét mới.

Không thể đem nước Việt thời Thập Nhị Sứ Quân ra mà hình dung được. Vì chỉ một nước Anh mà số sứ quân cũng không tính xuê là bao nhiêu. Bèn Đức đến thế kỷ XIV còn đếm được xấp xỉ bốn trăm. Không còn những quốc gia với những quốc chủ ở phần lớn Âu Châu trong những thế kỷ. Một kẻ phiêu lưu nào đó chiếm cứ một tòa lâu đài hay một nơi thôn dã với một số đàn em bạt mạng, một nhà hào trưởng tự lâu đời nào đó còn giữ được cơ nghiệp với sự phục tùng của tôi tớ với thôn dân, một quan liêu nào đó còn giữ được mảnh đất lẻ loi, một nhà tu hành nào đó nghiệm nhiên lên địa vị lãnh chúa với giáo quyền và thế quyền. Kinh thành La Mã xưa cũng chia rẽ ra làm nhiều mảnh, những tay phiêu lưu mạnh anh nào anh nấy chiếm những cung tiền và các toán luôn luôn xung đột nhau ở ngay giữa phố phường.

Hỗn loạn giặc cướp và tội ác, không còn có luật lệ nào giữ gìn và trừng phạt, thực là một cảnh loạn rừng, cuộc sống không có ngày mai khiến người ta phải quây quanh một người mạnh hơn mình. Người mạnh đó chưa đủ, lại phải quây quanh một người mạnh hơn nữa. Những viên gạch kết thành những tầng gạch, những tầng gạch kết lại với nhau thành một công trình kiến trúc, cứ như thế mà tiến hành, hỗn loạn và

nỗ lực vượt loạn những tổ chức nhỏ thành những tổ chức lớn hơn để đối đầu với một tổ chức lớn hơn khác, những sức mạnh đó chạm nhau để diệt nhau hay quần tụ với nhau sau khi đụng độ và tình ngộ để phong một sức mạnh khác tiêu diệt cả đôi. Khi gồm nuốt nhau để mà lớn khi đoàn kết nhau để mà lớn, cứ như thế đến thế kỷ thứ IX thì chế độ phong kiến hình thành với những luật lệ sau ba thế kỷ sửa soạn. Thời phong kiến chỉ tính từ thế kỷ này nhưng công trình người hiệp sĩ Trung Cổ không phải từ lúc này mà nó âm thầm, vô danh tự nhiên, theo một linh tính trước khi thành chế độ từ thế kỷ thứ VI sau khi Đế Quốc sụp đổ.

GIÁO HỘI CỨU VÂN VÂN MINH

LA - HY

Đến đây ta phải nói đến vai trò của Giáo hội Trung Cổ đã góp phần vào việc xây dựng con người hiệp sĩ cũng như chế độ phong kiến.

Trước khi Đế Quốc đổ, Giáo Hội đã được nhận làm quốc giáo sau ba thế kỷ bị đàn áp nhưng khi Đế quốc đổ rồi thì sứ mạng của Giáo Hội mới thực là trọng đại. Giáo Hội đã cứu vãn văn minh La-Hy giữa thời buổi hỗn mang, những cô thư được sưu tầm, những trường học được thành lập do Giáo hội đề truyền bá đạo lý và khoa học, triết học, văn học. Ngoài những tu viện và học viện do những bậc như Saint Benoit, Cassiodore lập ra là những trung tâm ánh sáng ở cao tầng còn những ngôi nhà thờ nơi xóm làng châu quận với

những nhà tu hành chân đất, chúng dân và làm thầy cho những hiệp sĩ. Giáo Hội đã thâm nhập mọi bình diện tôn giáo, giáo dục và xã hội. Không thể chấm dứt được mọi cuộc giao tranh nhưng tinh thần bác ái với những luật lệ về hòa bình và hưu chiến nhân danh Thượng Đế đã tiết giảm sự hung tàn và sửa soạn sự thống nhất lãnh thổ và chính thể bằng sự thống nhất tinh thần trong một niềm tin vào một giáo lý, vào một lý tưởng, vào một Đấng Tối Cao. Người ta đánh nhau nhưng không thể đã man khi nhìn thấy thành trì bị tấn công cũng có một giáo đường, một thánh giá, một chúa Giêsu bị đóng đinh câu rút như ở địa phương mình.

Đế Quốc La Mã thực chết chăng ? Hay chính nó thực sống, sống ở tinh thần, sống ở tinh hoa, sống linh diện và cao cả trong Giáo Hội La Mã mà gần hai ngàn năm, vài vị Giáo Hoàng phần lớn người Ý Đại Lợi với kinh đô ở Roma mà sự thiên đô về Avignon đất Pháp là một sự bất thường một thời gian ngắn so với dòng lịch sử miên trường của Giáo Hội.

Đế quốc La Mã thoát xác hay đã nhập xác khác để tiếp tục cuộc thống nhất và giáo dục tinh thần Tây Phương gồm những nước đã bị Hy Lạp với La mã gọi là những Dân Tộc Man Di.

SAINT AUGUSTIN

Có biết trình độ tinh thần với hoàn cảnh lịch sử các dân tộc Tây

phương, chúng ta mới hiểu tại sao Saint Augustin vào thế kỷ cuối cùng của cổ thời đã đặt nền tảng cho triết học Trung Cổ mà cũng là thần học Thiên Chúa giáo với những bộ sách lớn kết tinh vào những lời như sau :

«Đức tin nơi mình triết theo nhau. Hành vi nhận thức nào cũng kết hợp chúng với nhau. Hiểu biết là gì ? Là lấy lý trí nhận ra được cái làm cho một vật tất hữu. Nhưng trước khi ý thức được sự tất hữu này, phải chấp nhận sự thực tại của đối tượng, y cứ vào sự hiển nhiên liền ngay mà tư tưởng lý luận sẽ xác nhận. Bởi thế cho nên đức tin, hành vi của ý chí tán đồng tư tưởng là bước, thứ nhất đến nhận thức. Thì những tri giác xác thực về phương diện chủ quan không có gì phải nghi ngờ, nhưng một thế giới thực hữu hiệu có đáp ứng cho những tri giác này không lại là điều mà chỉ đức tin mới làm ta chắc chắn. Mà bây giờ trong thế giới cảm giác được này dường như bao hàm một chân lý siêu cảm giác thì đó cũng lại là một hành vi của đức tin đi trước tư tưởng. Vậy có thể có đức tin mà không có minh triết nhưng không thể có minh triết mà không có đức tin. Lý tưởng chẳng phải là tín ngưỡng không minh triết, cũng như minh triết không tín ngưỡng mà chính là đức tin viên thành bởi minh triết hay còn là minh triết xác nhận đức tin. Sự tương tự của đức tin tôn giáo với đức tin cho minh triết một đối tượng gồm hai tầng. Đức tin tôn giáo bao hàm một hành vi của ý chí và tình yêu; phải yêu và muốn cải thiện để hiểu nó ;

đức tin tôn giáo cũng lại thấy đối tượng ở ngoài nó, đó là những chân lý siêu nhiên cho biết trong mặc khải.»

(Trích dẫn theo *Histoire de la Philosophie* par P. Fanet et G. Séailles — p. 688-689)

Nếu cả rừng kinh luân của Phật giáo Đại Thừa kết tinh trong Bát Nhã Tâm Kinh chưa đầy hai trăm chữ, thì những lời này đã kết tinh những bộ sách lớn của Saint Augustin người đã đặt cơ sở vững vàng cho triết học Trung Cổ; đã thiết định chủ thuyết thần học Thiên Chúa Giáo sau mấy thế kỷ sửa soạn, người đã được coi là bậc cổ xúy cho những triết gia cơ đốc suốt dòng lịch sử miền trường.

Những ai quen và chỉ quen với nếp suy tư Hy Lạp sẽ không thể hiểu nổi hay không thể chịu nổi những lời này. Saint Augustin là người đã nghiên cứu mọi chủ thuyết, đã từng trải một cuộc đời sống gió nhất trước khi khoác áo tu hành, nên đã phối hợp Platon với Phúc âm, lý trí với đức tin. Triết học Hy Lạp chỉ biết có lý trí, điển hình là mấy chục bộ *Đối Thoại* của Platon đã phản ảnh cho cuộc vận dụng lý trí được coi là vạn năng. Hoàng Đế triết nhân La Mã Marc Aurèle đã nói rằng :

«Lý trí với luận lý là những năng lực tự đủ cho chúng và cho những vận dụng xuất tự chúng. Chúng khởi tự một điểm đặc biệt của chúng và bước thẳng tới đích để ra cho chúng.»

Nhưng ta hãy đặt lời nói của Saint Augustin vào không gian và thời gian, vào hoàn cảnh những dân

tộc Tây Phương mà người Hy Lạp, La Mã xưa gọi là Man Di. Mà ngay đến thế kỷ thứ IX tức là sau Saint Augustin bốn thế kỷ, một đế vương hậu duệ của Constantin Đại Đế còn giữ được một xứ Buzance tức Constantinople tại Trung Đông, vẫn gọi Hoàng Đế Charlemagne làm chủ một phần khá lớn Âu Châu là Man Vương.

Với linh cảm cực kỳ sắc bén, Saint Augustin đã viết rằng không thể để họ vận dụng lý trí đơn thuần như những dân tộc ưu tú La-Hy. Chẳng khác gì trao cho trẻ con thanh gươm sắc.

Vậy thì một ngàn năm Trung Cổ, Âu Châu đã vừa được giáo hóa, vừa được kiềm chế với bàn tay khéo léo của những nhà lãnh đạo tinh thần quá hiểu họ với tiềm thức của họ.

LINH HỒN VÀ XÁC THỊT

Chỉ có hai đường phải lựa chọn dứt khoát lấy một là Thượng Đế và Ác Quỷ. Mà cũng có hai thể ở luật người là linh hồn và xác thịt phải lựa chọn lấy một để xuống Địa Ngục hay lên Thiên Đường.

Một ngàn năm Trung Cổ trôi qua, một ngàn năm mà những sử gia cận thị coi là đen tối hãi hùng, còn còn chúng tôi lại coi là hoàng kim thời đại của Tây phương dưới bóng Thiên Chúa Giáo cũng chẳng khác gì Lý-Trần là hoàng kim thời đại của Việt Nam dưới bóng Phật Giáo. Cái gì cũng có thịnh suy người ta chỉ căn cứ vào hồi cuối cùng của những Tôn Giáo Pháp Địch cùng mấy hỏa đàn

mà kết án Trung Cổ nhưng không nhìn ngay trước mắt những trại tập trung của mấy nước độc tài giam giữ mấy mươi triệu người bất khổ dịch và chết mòn mà riêng số trí thức ưu tú với những nhà văn hóa đã không biết bao nhiêu vạn. Lại nói thêm một hình thức mới là cho người đối lập tư tưởng vào nhà thương điên, một thứ nhà tù ma quái nhất.

THỜI PHỤC HƯNG ÂU CHÂU TỰ MÌNH SUY NGHĨ

Một ngàn năm Trung Cổ trôi qua đến thời Phục Hưng mà hầu hết mọi người coi là mở màn cho kỷ nguyên mới vì Âu Châu được tự mình suy nghĩ, được tự do xử dụng thanh gươm sắc của trí năng, vì như tên gọi của nó là vượt Trung Cổ, quay về với Tò Thời, làm sống lại triết học, văn hóa Hy Lạp.

Dưới đây là sự trình bày theo giọng điệu của những sử gia nồng nhiệt.

Chính giữa cảnh dao động phong phú của những tâm trí trong lúc mà những tác phẩm đẹp nhất của nghệ thuật được sáng tạo, những cuộc đấu tranh tôn giáo phiến loạn những tâm hồn và những quốc gia mà phát triển triết học thời Phục Hưng. Nó sửa soạn tất cả mà không hoàn thành cái gì. Những ý kiến phong phú không thiếu nhưng thiếu phép tắc làm cho người ta đạt kết quả. Trong cảnh hỗn mang của những hệ thống người ta tìm ra mọi tư tưởng mà sau này được Bacon với Descartes xác định,

phát biểu rõ ràng thành những nguyên tắc của triết học cận đại : phân lý thần học với triết học, phương pháp thực nghiệm ; áp dụng phương pháp toán học cho việc giải những vấn đề triết học.

Lại một cảm thức về cuộc sống vũ trụ ; một khuynh hướng PHIỄM THẦN ; sự phục hồi giá trị và lòng yêu thiên nhiên không còn coi như nguồn gốc tội lỗi theo theo truyền thống cơ đốc mà được coi như biểu tượng của vẻ đẹp và trí tuệ tối cao theo truyền thống cổ thời.

Người ta coi là tiến bộ, chúng tôi quan niệm ngược lại, người ta cho là trở về với Cổ Thời, chúng tôi coi là một chiến thuật giai đoạn hữu ý hay vô tình chứ nguyên động lực với cứu cánh không phải vậy.

Muốn đối lập với Trung Cổ, nó phải mượn uy tín Cổ Thời, phỏng theo một vài sắc thái nhưng phương pháp thực nghiệm thiên về vật lý với phương pháp toán học cho việc giải những vấn đề triết học là luồng chủ yếu đối với tất cả, là bản thể của nó đưa tới khoa học vạn năng chủ nghĩa (scientisme), thuyết này hiện nguyên hình với duy vật hiện đại tràn ngập mọi quốc gia tự do cũng như độc tài Descartes đưa ra nhị nguyên luận, có vẻ như là duy linh, nhưng thực chất sâu xa là duy vật ngụy trang, điều này được những triết gia sâu sắc như Lachelier phân tích và phơi bày.

MỘT CUỘC BÀN HỒN CHO QUÝ

Một tác phẩm văn chương viết vào thế kỷ XIX nhưng là tiếng dội

sâu xa nhất của thời Phục Hưng thế kỷ XV-XVI và cũng là tiền âm của thế kỷ XX này. Đó là bi kịch *Faust* của Goethe, người hiến thân cho văn hóa nước Đức đã viết nó một nửa thế kỷ mới xong cả hai phần *Tiền Faust* và *Hậu Faust*. Nhân vật Faust có thực ở thế kỷ VX-XVI đã thành truyền kỳ để đến Goethe thành tượng trưng, tượng trưng cho nhân loại. Nhà thông thái Faust đọc thiên kinh vạn quyền nghiên cứu mọi khoa học, triết học mà không tìm ra chân lý, gọi Quỷ lên kết hợp đồng bán linh hồn cho Quỷ miễn là tìm hiểu được chân lý, tìm hiểu được sự sống. Chàng được cải lão hoàn đồng và dần vào hết tội ác này đến tội ác khác để đến tội ác cuối cùng là làm cho một thiếu nữ trong trắng chửa hoang phải chìm chết con, bị bắt giam còn chàng gọi nàng theo không được phải một mình theo quỷ về Địa ngục.

Chàng ly khai với Đức Tin Trung Cổ, Chàng muốn tự do tìm hiểu sự sống toàn diện, mà chàng là hóa thân của Goethe, cũng như Kiều đối với Nguyễn Du mà sự Goethe say mê phiếm thần giáo đã coi vật chất nhất nguyên với tinh thần khác với Duy Linh Thiên Chúa Giáo chủ trương nhị nguyên, đối lập vật chất với tinh thần, linh hồn với thể xác, nghe theo cái này lên Thiên Đường, cuốn theo cái kia xuống Địa Ngục.

Đến đây cũng xin lưu ý quý vị say mê với môn Triết Học Tỷ Giáo. Nó đầy cạm bẫy và đây là một.

Chúng tôi chưa thấy một độc giả Đồng Tây nào làm việc phân biệt phiếm thần luận với

phiếm thần luận cho thực sát, như phiếm thần luận của Goethe, để từ của Spinoza, với phiếm thần luận của của Maitre Eckhart theo truyền thống Denys l'Aréopagite. Muốn làm việc ấy phải lắng nghe thực kỹ vào lời lẽ, vào cái giọng từng người, lại còn phải đặt vào giai đoạn, hoàn cảnh lịch sử. Chẳng khác nào cùng một con số nhưng thay đổi giá trị tùy vị trí, thí dụ 6 con số 1 ở số lượng III.III. Lại những dấu âm dương (— hay +) ở dấu số lượng.

Cũng là phiếm thần luận nhưng ở Maitre Eckhart với Denys l'Aréopagite là công trình chiêm niệm sâu xa thể nhập với Thượng Đế, viên thành duy linh nhị nguyên đưa nó đạt cứu cách nhất nguyên. Bởi thế cho nên Saint Thomas tác giả bộ Thần Học Đại Toàn đã coi trí tuệ của mình là dư quang của Denys l'Aréopagite.

Ở VÉDANTA lại càng đáng phân biệt hơn nữa. Đến Goethe với Spinoza mấy thế kỷ sau Eckhart thì

lại do một động lực khác, đạt tới cứu cánh khác. Nó chỉ muốn ra khỏi duy linh phân biệt vật chất tinh thần, tưởng rằng để đạt bản thể duy nhất tối chung siêu việt cả hai hay gồm hai nhưng thực ra bị thúc đẩy bởi động lực âm u dưới tiềm thức để nhằm cứu cánh hướng hạ. Thì cuộc phát triển dữ dội khốc liệt như Đại Hồng Thủy của Duy Vật thế kỷ XX chính là nó hiện nguyên hình như con gà từ quả trứng chui ra. Dầu mấy chục năm sau Goethe cổ vớt lại với *Hậu Faust* nhưng trong *Tiền Faust*, Chúng ta vì muốn tìm hiểu sự sống toàn diện hay là phiếm thần giáo của Goethe, đã bán mình cho Ác Quỷ, cho Xác Thịt cho vật chất để xuống Địa Ngục. Dịch giả kỳ tài là Gérard de Nerval đã được tác giả nhiệt liệt tán thưởng mà cũng coi *Tiền Faust* là xong rồi, *Hậu Faust*, là vẽ rắn thêm chân như trò viết văn có hậu của các cụ nước mình.

(còn tiếp)

KẸM ĂN MẮT NGỦ

uống

BIO-ACTIN

LÀM MAU ĐÓI, ĂN NGON
LÊN CÂN, DỄ NGỦ

TRỊ: HEN XUYỄN, PHONG NGŨA

(Có bán tại các nhà Thuốc Tây)

số 48/BYTQCDP ngày 13-7-72

GIA - ĐÌNH và DÂN TỘC

(VẤN ĐỀ KẾ HOẠCH HÓA GIA - ĐÌNH)

● THUY SƠN

LIÊN HỆ GIA - ĐÌNH — TINH THẦN DÂN TỘC

Gia đình là nền tảng của dân tộc. Nhiều gia đình cùng một huyết thống phụ hệ như ở Việt-Nam ta, quy tụ thành họ ; nhiều họ tức tộc đoàn có liên hệ huyết thống xa gần cùng một giống nòi tự nhiều đời, quy tụ thành một dân tộc.

Một dân tộc yếu hèn hay hùng cường là tùy ở sức sống mạnh hay yếu của dân tộc ấy. Sức sống này do nhiều yếu tố quyết định, như thể chất cường tráng hay đuối kém, tinh thần dũng mãnh hay bạc nhược, nhiều đức tính hay tật xấu, dân số đông đảo hay ít ỏi, sinh hoạt cần cù hay biếng nhác, vân vân...

Nói hùng cường với yếu đuối là tự nhiên có bao hàm ý nghĩa so tài độ sức nhau trong cạnh tranh vai thích cánh cùng tranh bóng mặt trời trên mặt địa cầu, tức là trong cuộc vật lộn để có thể sống còn, dù sống chẳng được hoàn toàn tự do bình đẳng, nhưng ít ra cũng không đến quá đổi bị lấn át hiếp đáp đè ròi dần dà có thể bị thôn tính bởi người giống khác.

Đã từ lâu rồi nhiều bậc hiền-minh nặng lòng với tình thương nhân loại, hằng đau xót trông thấy cũng như nghĩ đến cảnh tượng chiến tranh, tức cuộc so tài độ sức giữa nhân loại với nhau để tranh hơn thua. Họ không ngớt than phiền chống đối chiến tranh

và hằng ước mong thiên hạ thái bình, thế giới đại đồng, sống tự do bình đẳng, không có mạnh được yếu thua, cá lớn nuốt cá bé. Lý-tưởng cao đẹp ấy chưa biết đến bao giờ nhân loại sẽ đạt được ; vậy mà trong khi ước mong trông đợi, người đời vẫn còn cứ ki thị chủng tộc, vẫn ngang nhiên cậy khỏe hiếp yếu, cậy giàu khinh nghèo... Như vậy, bảo làm sao những dân tộc yếu kém trông người chẳng ngấm đến ta, chẳng lo cho phận mình mai sau, dù vẫn được «đàn anh» ra rả bên tai nào là tự-do bình-đẳng, bác-ái nhân-đạo. Vậy thì giống người nào nếu không phải toàn là «dân ngu khu đen» chỉ biết có ngày nay không biết ngày mai, ắt phải nghĩ đến sự tồn vong của giống nòi : mà muốn sinh tồn không muốn bị diệt vong hẳn là phải nghĩ đến thủ-thân tự-vệ vốn dĩ và tự nhiên vẫn là bản tính bản năng của con người.

Nói cho cùng thì cái việc thủ thân tự vệ kia không phải chỉ thiết đến thân cho mấy dân tộc nhược tiểu, mà xem ra tất cả «tai to mặt lớn» phú cường bậc nhất thế giới cũng đang kèn cựa ganh đua, hồng khởi mất địa vị, mất mây mất mặt, đồng thời lại mưu toan được việc có đủ sức «bênh vực» nước này nước nọ hồng kiêu lợi, chẳng thế mà ngay từ thế kỷ XVII mấy cường quốc Âu-châu sợ bị thua

kém, bị bại vong, cứ «phải» thì đưa tăng cường lực lượng bằng đủ mọi kế hoạch cần thiết, trong đó việc tổ chức quân đội được kê vào hàng đầu. Họ khuyến khích người nước sinh để nhiều để gia tăng dân số ngõ hầu thêm cánh tay làm việc sản xuất, thêm người bổ sung quân đội ; hẳn không ai xa lạ gì ở mấy nước ấy những gia đình đông con được nâng đỡ cho hưởng nhiều quyền lợi đặc biệt. Vẫn chưa đủ, vẫn thiếu người nhập ngũ, họ đã phải «vơ bèo vạt tép» lôi kéo cả «dân nô lệ» cho nhập quốc tịch của họ, dù trong thâm tâm họ nào có muốn ; khốn thay mấy kẻ vong nô kia «được» làm tay sai, lại không biết mình là vật hy sinh, và cam tâm làm người mất gốc mất rễ.

Ngày nay mấy nước kia vẫn cứ xử ra tuồng «anh chị». Họ đang ở cái thế sung mãn, lắm tiền nhiều khí giới, vẫn tính toán trông chừng liệu bề có xảy ra đụng độ với nhau thì họ cũng so tài độ sức ở ngoài lãnh thổ của họ trên thế giới không thiếu gì đất cho họ dụng võ, đã có đàn em bé bỏng gánh chịu, và họ cũng không cần phải tự dấn thân vào việc bắn giết lẫn nhau.

Cho nên ngày nay họ đã rảnh tay phần nào để nghĩ đến nạn nhân lẫn. Phải chăng chỉ vì tình thương nhân loại ? Có người nghĩ rằng : Mấy anh cả anh hai có ý lo xa sợ rằng sau này lũ em bé sinh sôi nảy nở đông đúc, thì rồi sẽ phải tư cấp cho chúng thêm mệt, dù có nhần tâm ngồi quay mặt đi ăn một mình cũng không xong vì còn có kẻ này người khác nhìn vào la lối, chẳng để cho yên. Có người lại

nghĩ rằng : Nếu mấy nước yếu hèn kia ngày càng đông người thì sẽ càng nhiều miệng ăn, tài nguyên ở đất chúng sẽ được lấy dùng tại chỗ, còn gì là mối lợi cho đàn anh đến khai thác. Và cũng có người dám nghĩ rằng : Dân số các tiểu nhược quốc ngày một gia tăng, dân trí ngày một mở mang, thì an tất họ không thành được một lực lượng đáng kể hay sao ; đối với một dân tộc có sức mạnh hẳn là khó bề sai bảo, nói chi đối với cả tập đoàn.

Mấy nước lớn kia giờ đây đã được rảnh tay lại ở cái thế không cần phải tăng dân số mới mạnh, đang hồ hạo hạn chế sinh đẻ, thì những nước chậm tiến lại cần phải có sức mạnh bằng nhân-lực Hải-lực đề có thể sinh tồn, tưởng không thể nào lại bùi tai nhắm mắt nghe theo, trừ trường hợp không thể nào làm khác làm hơn được. Một quốc-gia dân tộc ít người lại nghèo với tinh thần ủy mị bạc nhược cứ a dua theo sau người để sống no bụng ấm thân, thì dù có đất đai rộng có tài nguyên nhiều, làm sao có thể mạnh được, làm sao mà không hèn yếu, nếu không bị lấn át, bị lệ thuộc vào kẻ mạnh với số phận khác chi tôi đòi.

Nói vậy không có nghĩa là các tiểu nhược quốc cứ phải luôn luôn chuẩn bị chiến tranh coi như ai cũng có thể gây hấn với mình ; nhưng không mạnh là yếu, không tiến là lùi, không sống hùng dũng là tự hủy diệt dần dần, luật đào thải là như vậy. Éo le thay lẽ phải vẫn là của kẻ mạnh, tí như có chuyện xích mích xô xát với láng giềng, chưa kể trái phải cứ bên nào yếu thế vẫn thường bị bên đông người

kéo cả ở cả nhà ra lẫn áp. Suy ra cho rộng thì rõ ngay cái ý nghĩa trở trêu, tưởng chẳng nên và cũng không tiện nói rõ hơn, khiến có thể nghĩ lảng giềng đều là những người hay sinh sự hay gây gỗ ; nhưng dù muốn dù không khi lâm vào thế chẳng đáng dừng cũng như khi tình thế xui nên cần phải mưu tính quyền lợi, thì việc gây gỗ vẫn có thể xảy ra phạm vào lãnh thổ quốc gia, hại đến sinh mệnh giống nòi. Mới gần đây, bài học 1940 với chiến tranh Đông dương mở màn từ Lạng-sơn, và việc đang nóng hổi trước mắt ngày nay là cuộc xâm lăng Hoàng-sa. Đối với một dân tộc đông đảo hùng mạnh thì quốc-nạn nhường ấy đã dễ gì có thể xảy ra, trông gương Trung Đông hiện giờ lại càng phải suy ngẫm : Bề nào thì cũng chưa yên bề nào, mấy kẻ nhược tiểu chỉ còn biết trăm điều vẫn cứ trông vào một ai.

Đến đây lại càng thấy thấm thía cái ý nghĩa của mấy tiếng «dân tộc tự quyết». Phải biết tự quyết định đoạt lấy số phận của mình : Mạnh hay yếu nghĩa là Còn hay Mất ; mất thì có đâu Dân tộc nữa mà tự quyết. Nhưng vấn đề được đặt ra dưới nhiều khía cạnh khác nhau : Không phải mấy nước nhược tiểu cứ phải ngày đêm lo gia tăng dân số để có sức mạnh ; trong khi được sống tạm yên nghĩa là không bị chiến tranh tàn phá hay đe dọa, đất không dồi dào tài nguyên, người không đến nỗi thừa thớt, thì tưởng cũng cần phải lo ngại về vấn đề nhân mãn, nghĩa là cũng phải nghĩ đến hạn chế sinh đẻ.

Riêng ở Việt-Nam ta đất còn rộng

so với số người còn ít, lại bị chiến tranh khốc liệt từ nhiều năm và chưa biết đến bao giờ mới dứt, sao lại có thể đặt ra ngay từ bây giờ kế hoạch hạn chế sinh đẻ với mĩ-tự «kế-hoạch hóa gia đình», làm như phải giải quyết tức khắc một vấn đề dầu sôi lửa bỏng trong khi đang rất mặt cháy mày với biết bao quốc-kế dân-sinh phải được coi là trọng đại và cấp bách hơn.

Lẽ tất nhiên, rồi ra năm bảy năm nữa hoặc hơn, sau khi hết chiến tranh chúng ta sẽ phải lo hạn chế sinh đẻ ; nhưng hiện giờ mỗi ngày đất nước hao hụt hàng trăm sinh mạng, để không kịp thì giống nòi sẽ mòn mỏi. Mặt khác, đồng ruộng rừng núi cao nguyên biên cả sông ngòi đang cần phải có nhiều bàn tay khai thác, vẫn đủ nuôi sống mạnh dân số dù đông gấp bội. Thành-ngữ «hữu thổ tất hữu tài» (có đất thì có của) vẫn còn nguyên vẹn ý nghĩa khích lệ người ta phải siêng năng «bới đất lật cỏ», khắc có ăn để sống. Người Việt ta vốn dĩ cần lao không biếng nhác, không quen nếp sống chỉ ham hưởng thụ : làm ruộng đi buôn và công nghệ dù giàu có hay đã đủ dùng cũng siêng năng, ít có ăn không ngồi rồi, câu cửa miệng *Tay làm hàm nhai ; Tay quai miệng chế* là lời nhắc nhở răn bảo. Một ngày hai bữa cơm đèn, *Lấy gì mà phần răng đen hỡi chàng* là nói nhằn nại với nếp sống *Hai sương một nắng*, yên phận làm ăn không phải là lời buồn hận than phiền.

Nhiều gia đình đông đảo, ai nấy mải miết tưu tít làm ăn thì quốc gia

dân tộc rất có sinh lực dồi dào, mới khỏi lâm vào cảnh người hiếm của kiệt, suy bại dần. Và đã cần lao thì tự nhiên tiết giảm được dâm dục, đỡ chuyện *Nhân cư vi bất thiện* (coi việc sinh đẻ nhiều là không nên là tai hại, thì năng giao du thân mật rồi sinh đẻ hẳn cũng là *vi bất thiện*). Ngoài ra, nhiều thói tục của ta ngày xưa trong nếp sống hằng ngày lại vô hình trung giúp cho việc giáo dục về sinh lý : Ở chung nhà với cha mẹ anh em không có hưởng the cách biệt khuất mắt thì chẳng dễ gì mà có thể hành lạc lối *đếm bảy ngày ba vào ra không kể*, mấy bà mấy cô «dong đồng chân dang» ít đất dụng võ ban ngày, khó bề hoạt động mạnh theo ý muốn, không như ngày nay có nhiều tiện nghi để *vi bất thiện*. Xem ra ngày xưa ít có nạn trụy thai một phần lớn là nhờ ở sự điều độ về dâm dục. Ngày trước nhiều người câu nệ chọn ngày vào hưởng vợ (ngày thường không ngủ chung giường) tránh những ngày xấu, những ngày nguyệt kỳ... Chẳng hay phương pháp Ogino ngày nay hiệu nghiệm thế nào, chỉ biết chắc hẳn cái thói câu nệ kia có tiết giảm được nhiều, đồng thời lại đỡ hại sức khoẻ cả đôi bên. Thêm vào đấy tập quán đạo đức cũng có ảnh hưởng sâu đậm, như trong ba năm đại tang mà vợ mang thai, là phạm tội bất hiếu ; tuy pháp luật thời Lê trung hưng đã xóa bỏ điều ấy mà phần đông vẫn giữ gìn không mắc vào điều tai tiếng lỗi đạo làm con. Tôn giáo tín ngưỡng cũng đã gián tiếp góp phần khá nhiều vào việc vô tình hạn chế nhục dục : Đi chay hội chùa, đi hành

hương đền to phủ lớn, nhiều ngày trước đại lễ tế tự, người ta tắm gội trai giới giữ gìn khiết tịnh, để tỏ thành kính và mong cầu cảm ứng.

Tất cả những truyền thống trên đây đã kết đọng thành nền nếp, nếu không có kế hoạch nào có thể đặt ra để lựa chọn lấy những gì đáng duy trì phát triển, đem ra giáo dục quần chúng ngõ hầu cứu vãn phần nào cái tốt đẹp đang mất đi của giống nòi, thì tưởng cũng không nên vội vã bắt buộc người học đòi tập nhẫm những thói tàn kì chưa thuận lợi chưa hề ích cho cuộc sinh hoạt của cả dân tộc ta, như việc hạn chế sinh đẻ, mà trái lại còn là mối hại lớn lao cho giống nòi đang bị hủy hoại (vì chiến tranh) đang cần phải được sinh sôi nảy nở.

Hạn chế sinh đẻ ở nước ngoài, tùy trường hợp, có thể là kế sách rất khoa học hợp lý — đôi khi chưa chắc đã hợp tình — tổ chức cho con người sống đỡ thiếu thốn nếu chẳng hoàn toàn đầy đủ, tốt đẹp lắm ; nhưng riêng ở nước ta thì chưa được phép mong muốn cái tốt đẹp ấy, trên kia đã nói lý do nhưng còn quên một điều tuy nhỏ nhặt mà quan trọng : Vì «Kế hoạch hóa gia đình» nhiều sinh mạng có thể bị hủy diệt trước khi phát sinh, biết đâu trong số chẳng có những anh hùng hào kiệt, triết-nhân bác-học hiền minh .. như bà Trưng, bà Triệu, Lý Thường Kiệt, Trần quốc Tuấn, Lê Lợi, Nguyễn Huệ, Chu văn An, Nguyễn bỉnh Khiêm, Lê quý Đôn... vô danh thì như một trung-đội Trương vì tri dũng hơn người mà thắng ở trận chiến, không có anh (vì hạn chế sinh đẻ) thì sao ?

Vấn đề «Kế hoạch hóa gia-đình» được đặt ra trên đây trong phạm vi hoàn toàn Việt-Nam, và cũng chỉ trong giai đoạn lịch sử hiện giờ không chừng chỉ năm mươi năm, rất có thể không thích hợp chút nào với nhiều quốc gia dân tộc khác. Sớm muộn gì vấn đề cũng sẽ phải được giải-quyết thích đáng theo thực trạng quốc nội và tình hình thế giới.

Đề nhấn mạnh lại một lần nữa : Mối liên hệ gia-đình là nền tảng của dân tộc Việt-Nam ta, «Kế hoạch hóa gia-đình» bây giờ là làm bằng hoại gia-đình một phần nào, tức là khởi sự bằng hoại xã-hội Việt-Nam, quốc-gia dân tộc đã suy yếu lại càng suy yếu thêm. Phải chờ lấy lại được phần nào sức mạnh — chỉ phần nào thôi — bây giờ sẽ lo nạn nhân-mãn thực sự chưa

đe dọa đất nước. Việc nên làm, cần phải làm ngay là khuyến khích sinh đẻ đồng thời phát triển kinh tế để dân sống, sống mạnh, chen vai thích cánh với người, không sống lúi xùi hèn hạ.

Bài này được giới hạn trong việc trình bày một quan điểm duy nhất về vấn đề dân số, không đề cập đến nhiều quan điểm khác cũng cần phải được chú trọng. Qua những thuyết trình, những nghị luận trên báo chí, và dư luận khá sôi nổi trong giới trí thức, người ta không khỏi thắc mắc băn khoăn đến lo âu về quyết định của quyền Lập pháp cũng như Hành pháp. Người ta nhận thấy và xi xào khá nhiều về những loạn ngôn ngữ thuyết của mấy người hần là vì lẽ này lẽ khác đã tìm cách huyền hoặc đồng bào chân thật, tin nghe dễ dàng.



CƠ - SỞ XUẤT - BẢN
TRƯƠNG - VĨNH - KÝ
(TRONG HỆ - THỐNG SAIGON ÁN QUÁN)

35, NGUYỄN-ĐÌNH-CHIỀU — SAIGON 3

Đ.T. : 22.208 — 22.498 — 45.605

MỘT NỖ LỰC HỢP TÁC GIỮA NHỮNG NHÀ VĂN, HỌA SĨ VÀ KỸ THUẬT GIA. TRONG MỘT CƠ SỞ ÁN LOÁT NGANG HÀNG VỚI NHỮNG ĐẠI ÁN QUÁN QUỐC TẾ. ĐỀ NANG CAO NGÀNH XUẤT BẢN VIỆT - NAM VÀ PHỤC VỤ ĐỘC GIẢ THUỘC MỌI THÀNH PHẦN, MỌI LỨA TUỔI.

Thêm một TRẦM TƯ.....

NẠN NHÂN MÃN

VÀ MỘT NƯỚC CHẬM TIẾN

□ HỒ HỮU TƯỜNG

Hơn mười năm trước đây, khi nằm giữa bốn vách của một ngục tù, và để duy trì cái tập quán suy tư, tôi đã tự vạch một cái chương trình mỗi tháng viết một bài «trầm tư». Số bài này, về sau được gộp lại thành tập sách, nhan đề là « Trầm tư của một tên tội tử hình » (Lá Bối xuất bản, năm 1965).

Nhơn dịp năm nay là « Năm nhân số », xin phép được « trầm tư » về cái họa nhân mãn một lần nữa.



Thế kỷ trước, một người Anh, có tên là Malthus, đã xướng xuất ra một học thuyết chứng minh một cách khoa học cái họa nhân mãn. Ông đưa ra hai định đề. Định đề thứ nhất nói rằng : Số người gia tăng theo luật của đẳng tỉ cấp số. Định đề thứ hai nói rằng : Khối lượng của thực phẩm gia tăng theo luật của đẳng sai cấp số.

Hôm chúa nhật, ngày 17-02-1974 vừa qua, tôi có dịp chứng nghiệm cái định đề thứ nhất. Người qua đời là một bà lão, tuổi thọ được 95. Và đi sau quan tài của bà, mặc tang phục là con, là cháu, là chắt, và là chít nữa, đếm hơn năm chục. Như vậy, chúng ta có một ý niệm về cái tỉ lệ nào đáng dùng, để biệt chất cái cấp số về sự gia tăng nhân số, nếu khoảng thời gian

dùng để mà tính là 100 năm. Đến đề đưa tang, quần tụ độ mươi người sồn sồn, tuổi trung bình là năm mươi. Một số đã có cháu nội và cháu ngoại. Nhưng ta gạt bỏ số cháu, để giản dị hóa vấn đề, (và cũng bớt bi đát hóa nó nữa). Họ hỏi thăm nhau, người nào cũng có hơn mười người con, không kể những «hòn máu bỏ rơi trên con đường là lượt». Như vậy, cái tỉ lệ nên dùng, để biệt chất cái cấp số, ít nữa, phải lấy 10.

Chúng ta tạm lấy số 10 đối với thời gian 50 năm mà tính. Một gia đình hai người, 50 năm sau, sẽ hiển cho xã hội Việt Nam 10 gia đình khác. Nếu chiến tranh không có, nếu bệnh tật bị đánh lui một cách hoàn toàn, nếu nền kinh tế cung cấp đủ cơm ăn áo mặc, và nếu chẳng có một kế hoạch gia đình nào để hạn chế sự sinh sản, thì mỗi năm mươi năm, hai vợ chồng sanh tối thiểu 10 con. Nói cách khác, cái gọi là hệ số gia tăng dân số là 5.

Thật là một con số khủng khiếp. Dân số của Việt Nam, ví như là khởi đầu thế kỷ được kiểm kê là X, thì giữa thế kỷ, sẽ là 5X, cuối thế kỷ là 25X. giữa thế kỷ sau đó là 125X, và sau đúng hai thế kỷ, sẽ là 625X. Nói cách khác để hiểu hơn, nếu năm 1950 đếm 30 triệu dân, thì năm 2.150 số

người Việt sẽ là ...1.875 triệu, gấp ba dân số của người Trung Hoa thời Tưởng Giới Thạch, gấp hai dân số đề tang cho Mao Trạch Đông vậy. Nói giả bộ mà chơi, nếu tôi gặp được một vị tiên truyền cho tôi phép màu khả dĩ cho tôi ngưng dân số của Tàu, chỉ trong hai trăm năm mà thôi, và tôi đề cho mấy bà mẹ Việt Nam theo cái đà đẻ sai như cũ, thì năm 2.150, người Tàu sẽ hồi hộp mãi, sợ rồi người Việt mình sẽ «bắc tiến», lấy lại ít nữa đến Động Đình Hồ, đề cho con cháu có đất mà dung thân.

Đoạn văn nhốt trong ngoặc đôi, có lẽ sẽ là khẩu hiệu đề động viên tinh thần quần chúng. Vì dầu có chiếm lấy được cả vùng đất xưa, cho tới Động Đình Hồ, người Việt cũng chẳng nuôi sống mình được. Đó là điều mà định đề thứ hai chứng minh. Số thực phẩm mà vùng đất, cũ mới, sẽ cung cấp, chỉ đủ nuôi lối một tỉ người với những tiến bộ của khoa học và kỹ thuật đương thấy.

Nhận định này mở lối cho những học thuyết, gọi là tân-malthus (néomalthusianisme) mà vóc dáng chung là hạn chế sự sanh đẻ, đề cho sự tiến hóa về dân số được song song với sự tiến hóa về thực phẩm. Mà cái gọi là « kế hoạch hóa gia đình » là bộ mặt mới nhứt.

Những học thuyết tân-malthus này có thể xem là con đẻ của xã hội kỹ nghệ. Kỹ nghệ có thể sản xuất hàng hóa, nhưng không thể sản xuất thực phẩm, giới lắm là kỹ nghệ có thể biến chế thực phẩm mà thôi. Những món ăn mà gần đây kỹ nghệ « sản xuất »

ra thú thật, chưa ăn khách. Đến ngày nay, những món ăn của loài người, thấy đều do thảo mộc hay thú vật sản xuất ra. Nói cách khác, thực phẩm được cung cấp bởi cái xã hội nông nghiệp.

Sự sai lầm vĩ đại của Tây phương là bởi lấy tiền bạc và quyền làm động cơ mà dẫn thân vào cái xã hội kỹ nghệ, sản xuất hàng hóa kỹ nghệ, bán thật nhiều để lấy lời thật nhiều. Cái văn minh kim tiền và bạo quyền ấy đẩy nhơn loại vào chỗ nghèo. Đông phương có lợi gì mà nối gót Tây phương đề rồi « kế hoạch hóa gia đình » chẳng ?

Thuở xa xưa, trong cái văn minh nông nghiệp cũ, sanh đông con, sẽ có nhiều tay làm. đề khai thác ruộng rẫy, đề khai hoang, canh tác, mà giải quyết nạn đói. Bởi giải quyết nạn đói là khai thác thiên nhiên, đề thảo mộc vinh茂, thú vật tốt tươi. Từ à thay vì bóc lột người để lấy nhiều lời, ấy là bóc lột trời đất để hưởng cái lộc của trời đất. Đừng có tưởng chúng ta đã vào lối nghèo. Chúng ta hãy còn lối thoát, cái lối cổ truyền của xã hội nông nghiệp, và nhờ khoa học canh cải hơn, sẽ là cái xã hội nuôi người. Á châu hãy còn lắm cuộc đói phi nhiều chưa canh tác. Châu Mỹ La Tinh cũng thế. Phi châu đất hoang vô số kẻ. Trong hiện tình, không phải là cả thế giới bị cái họa nhân mãn. Mà chỉ những vùng đất nhỏ nhỏ bị cái họa ấy mà thôi.

Nói cách khác, chưa có vấn đề

« kế hoạch hóa gia đình ». Mà chỉ có vấn đề « kế hoạch hóa văn minh ».



Nhưng mà, « bắt phong trần phải phong trần, cho thanh cao mới được phần thanh cao ». Dân tộc Việt Nam đã bị văn minh kỹ nghệ của Tây phương lôi cuốn vào lối Nghèo, âu là ta phải làm sau cho « thanh cao » mới được.

Năm 1945, khi mà nạn đói lan tràn trên đất Bắc, chẳng ai đề xướng mà có, tử thần đã áp dụng một thứ tàn-maltus chủ nghĩa bằng cách giết bớt hai triệu người, để cho số dân tương đương với số thực phẩm. Nhưng chết là chỉ ở Bắc. Trong lúc đó tại miền Nam, lúa gạo dùng không hết, phải đem ra mà đốt thay than trong những nhà máy. Và nông dân bán lúa không được đề may mặc, phải gập tình cảnh hai mẹ con chỉ có chung một cái quần. Và vấn đề đã đặt ra : dời dân quá thặng ở Bắc vào những nơi trù phú, mà thiếu tay làm ở miền Nam, ở cao nguyên.

Những năm gần đây, dân chúng bị tập trung vào những đô thị lớn, làm con mồi của văn minh kỹ nghệ. Nhưng mà sự rút lui của Hoa Kỳ đã làm cho cái văn minh kỹ nghệ này « đề non », mà éo ọt. Nuôi sống nó nổi chăng ? Hay là nên hướng vào cái văn minh nông nghiệp canh tân ?

Nhìn vào cạnh khía « nhân số », có đồng con trong nhà là một vấn đề nan giải. Nhứt là, đau đớn cho những người ở thành thị. Còn đối kẻ ở thôn quê, việc ấy cũng giống như việc « tái ông thất mã ».

Ở thôn quê, có những con trai con gái, từ mười hai mười ba tuổi trong nhà, để chúng nó hái rau, bắt ốc quơ củi, mò cá đâu phải là việc đáng chê ? Trong khi đó, những trẻ trang lứa đó ở thành thị chỉ biết cả những tối ngày, theo chúng bạn mà làm cho cha mẹ lo âu từng chặp.

Xứ ta có những vùng « nhơn mẫn » như Quảng Nam, Bình Định. Nhưng cũng có những vùng thiếu tay làm như Quảng Đức, Phước Long. Vấn đề không phải là kế hoạch hóa gia đình. Vấn đề là phải kế hoạch hóa dân số toàn quốc. Mà bắt đầu là dời dân cư của những thành phố giả tạo sẽ đầy dẫy thất nghiệp.



Vì dầu chẳng có ai lãnh trọng trách « kế hoạch hóa dân số toàn quốc », mà đề cho mỗi người đứng trước cảnh « sống chết mặc bay », mà mỗi cá nhân phải tự cứu gia đình mình và bản thân mình, thì hãy còn có vấn đề : nên thế nào ?

Sanh con và nuôi con không phải là một « đầu tư » riêng của gia đình. Hãy còn là một việc « đầu tư cho xã hội ». Một Nguyễn An Ninh có ảnh hưởng bằng vạn người đồng tuổi. Nuôi một con không phải chỉ để mà « dưỡng nhi đãi lão ». Nuôi con cho xứ sở được nhờ, lại là vấn đề trọng đại hơn.

Kinh nghiệm mấy ngàn năm, cặp vợ chồng, chồng lứa tuổi ba mươi lăm, vợ lứa tuổi ba mươi, thì con sanh ra có cơ lỗi lạc hơn anh chị em

cùng huyết thống. Nhà nho xưa còn có một lối sanh con cho có một « tiên thiên » tốt đẹp. Nguyễn Đình Chiểu, trong thơ *Lục Vân Tiên*, mà lắm người không hiểu thấu, đã nói rằng :

Có người ở quận Đông Thành,
Lục ông chữ đặt *phỉ tình gien anh*
Vợ chồng ăn ở hiền lành
Tu nhơn tích đức, sớm sanh con hiền.

Như vậy, điều kiện cần để sanh con hiền, theo nhà nho Đồ Chiểu, gồm có ba. Một là vợ chồng *phỉ tình gien anh*, hai là *ăn ở hiền lành*, ba là *tu nhơn tích đức*. Còn điều kiện đủ, thì thú thật, tôi chưa học được chi với nhà nho này. Nhưng mà thuở tôi còn mới mười lăm, thân nghiêm tôi đã bắt đầu dạy (mặc dầu ông chỉ là một nông dân thất học), rằng muốn có con khôn ngoan, phải coi ngày lành tháng tốt mới được gần vợ. Phỏng những thanh niên bị lôi cuốn trong nếp sống hippy có « chọn ngày lành tháng tốt » để làm tình chăng ?

Suy luận theo chiều hướng đó, ta đã hé thấy bao nhiêu vấn đề rồi. Ta hãy nhìn theo chiều hướng nghịch lại. Với những phương tiện khổng lồ, với những « kế hoạch » tinh vi, chỉ với vài thế hệ, là người ta có thể thay đổi cái «hồn» của một dân tộc. Với ý niệm đó, tư tưởng Mao Trạch Đông đương hy vọng thay đổi cái « tâm hồn của dân tộc Trung Hoa », cái tâm hồn mà đầu thế kỷ này, một danh sĩ Trung Hoa, nhờ phân tích rành rọt mà được trao giải thưởng vầu chương Nobel : tôi muốn nhắc đến Cồ Hồng Minh.

Việc mà Mao Trạch Đông đương

mơ mộng cho cả dân tộc Trung Hoa thì vào thế kỷ thứ XVI, một người đàn bà Việt Nam, mẹ của Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm và của Trạng Bùng Phùng Khắc Khoan đã thực hiện trong khuôn khổ gia đình mình. Bà đã chọn chồng, đề nhờ giống tốt mà hạ sanh nhân tài. Như vậy, đối với bà việc « kế hoạch hóa gia đình », không phải khởi từ khi đã có gia đình rồi, khởi từ khi chưa lập, mà chỉ có cái ý niệm muốn lập gia đình.

Tục ngữ ta đã dạy « kế hoạch hóa gia đình » từ khi bắt đầu cưới vợ. « Mua heo chọn nái, cưới gái chọn dòng ». Bà mẹ của Trạng Trình đã nêu gương chọn chồng, tục ngữ nó dạy ta chọn vợ. Thì vấn đề, đối với cái văn minh cổ truyền của chúng ta, nào có phải giản dị trong mấy công thức, uống liều thuốc ngừa thai, đặt một vòng xoắn, cắt bỏ buồng trứng hay châm cứu để tuyệt nòi ?



Mấy năm trước đây có dân biểu Lê Bá Chuẩn đã hài hước nói :

— Nên biểu quyết một đạo luật cấm anh X... hành nghề dân biểu, mà buộc anh X... ấy làm « nọc », hầu đào tạo cho dân tộc một thế hệ thanh niên ngon lành.

Câu trào phúng này, vô hình trung đã sắp loại Lê Bá Chuẩn vào lập trường của Hitler, khi nhà độc tài này muốn xây dựng cho dân tộc Đức dẫn đầu thiên hạ. Ai muốn cứu cánh, tất phải chấp nhận phương tiện. Nhà thủ lãnh của Đức quốc xã, đã chọn gái thông

minh và khỏe mạnh, nuôi nấng kỹ lưỡng, để rồi cho «nọc tốt gieo thai.» Hiện nay, thiên hạ nguyên rủa Hitler. Nhưng phải nhìn nhận rằng nhà độc tài Đức này dám suy luận đến chỗ cùng của lập trường của mình.

Thảo luận về vấn đề nhân số, ta chớ nên dừng giữa chừng trên cái lối suy luận. Hitler đã đặt vấn đề trên nền tảng của học thuyết dân tộc Đức làm chúa thế giới. Bất tất ta chọn lập

trường của Hitler mà đòi dân tộc Việt Nam làm chúa thiên hạ... hay bất cứ dân tộc nào khác.

Trên nền tảng là hạnh phúc chung của loài người, hòa bình, an ninh và thịnh vượng, thì mới đáng đem ra mổ xẻ. Trên nền tảng khác, chúng ta không có lý để mất thời giờ. Tốt hơn cả, là để cho mọi người có tự do của mình.



Vitac 500

TINH CHẤT VITAMINE C



cần cho

CÁC NHÀ THỂ THAO VÀ CÁC SINH VIÊN HỌC SINH

KH 50/134 M / BVT/QCĐP

HẠN CHẾ SINH NỞ

VÀ TƯƠNG LAI NƯỚC VIỆT

★ BÌNH NGUYỄN LỘC

Trừ địa hạt khoa học ra mà nơi đó ai cũng bắt buộc phải cố mà khách quan, còn thì ở các sinh hoạt khác, kể cả sinh hoạt tư tưởng, mà nhứt là ở trong sinh hoạt tư tưởng, con người nhìn sự việc khác nhau hết.

Cuộc đời là chiếc áo của chú hề Arlequin mà con người chỉ là con chim ở trong một cái lồng bị bịt lại bằng một tấm vải, chỉ khoét một lỗ nhỏ cho chim nhìn áo thì chim này cho rằng là áo màu vàng, chim kia cho rằng là áo màu xanh, không có gì là lạ hết.

Biển cổ Hoàng Sa vừa qua, nhắc cho tôi nhớ ngay tức khắc câu nói đầu tiên của Hồ Quý Ly, khi họ Hồ định đô, xong ở cái nơi mà nay ta gọi là trường nhà Hồ : «Làm thế nào cho có đông dân để mà chống Tàu?»

Họ Hồ biết rằng Tàu sẽ đánh ông ta vì họ đã tìm được có lẽ mà xâm lăng Việt Nam. Cái có đó là họ Hồ lên ngôi theo lối soán vị. Đó là chuyện nội bộ của Việt Nam, nhưng họ cứ cho là phi chánh nghĩa và sẽ xía mũi vào. Thế nên họ Hồ mới thắc mắc, lo nghĩ.

Nhớ Hồ Quý Ly, chúng tôi lại nhớ ngay đến phong trào hạn chế sanh nở. Hành động này đúng hay sai gì cũng không thể giúp cho họ Hồ hết lo âu mà còn trái lại, làm cho

ông ta sợ hãi hơn lên. Tàu quá đông dân, ta quá ít dân. Thế mà ta lại hạn chế sanh nở cái nữa thì chết một cửa (nói theo bình dân miền Nam).

Lối nhìn sự việc của tôi là lối nhìn của Hồ Quý Ly. Người khác có thể nhìn thấy khác hơn. Nhưng ai đúng, ai sai ? Ai cũng đúng cả, và ai cũng sai cả. Khác nhau là ở lối lựa chọn, ở cái chỗ nhắm của mỗi người. Tôi, tôi chỉ nhắm vào cái họa mất nước, còn ai nhắm vào những việc, những mục đích cao quý hơn, tôi không dám bài bác. Tôi chỉ bình vực lập trường của tôi mà thôi.

Nhiều người nói : «chỉ cần phạm mà không cần lượng». Họ nói đúng. Nhưng tôi, tôi nhắc lại câu tục ngữ Trung Hoa sau đây, ai có thể cho là sai được chăng ? «Mãnh hổ nan địch quần hồ».

Mãnh hồ là phạm đầy. Nhưng phạm vẫn thua.

Tôi nhìn sự việc một cách chủ quan, nhưng không phải là mù quáng. Tôi có nghiên cứu vấn đề. Việc làm chỉ có ý nghĩa khi nào nó có lý do. Hạn chế sinh đẻ có lý do khi nào có nạn nhân mãn. Trong nước ta, hiện có nạn nhân mãn hay chăng ? Chắc chắn là không. Vậy ta không nên nhìn tương lai của ta bằng con mắt Nhặt Bỏn.

Trong nước ta hiện nay chỉ có nạn nhân mẫn ở hai địa phương mà thôi : tỉnh Quảng Nam và châu thổ Hồng Hà. Nhưng nạn nhân mẫn loại bỏ túl ấy chỉ cần làm một cuộc di cư nội bộ nho nhỏ là giải quyết được ngay. Nhiều tỉnh của ta, như Quảng Đức chẳng hạn, có thể nuôi thêm một triệu dân. Đất ở đó là xịch thổ, tức đất rất phì nhiêu. Nhưng không cần phải đi xa như vậy : tỉnh Bình Tuy cũng thiếu dân và có thể nuôi thêm ba trăm ngàn người. Đó là chưa kể những vùng quá sâu mà ta vào chưa được như chiến khu Đ chẳng hạn. Nhưng chiến tranh rồi thì sẽ chấm dứt chứ.

Một chương trình kế hoạch hóa gia đình đòi hỏi một cuộc tốn hao hằng tỉ bạc. Nếu không có lý do, ta có cần tốn số tiền lớn lao đó mà các ngành đang cần hay không ?

Ta khác Ấn Độ, Nhật Bản rất xa. Họ thiếu thực phẩm trầm trọng, kể cả trong thời bình nữa. Ta, ta chỉ thiếu gạo trong thời chiến thì tại sao ta lại hạn chế sanh đẻ ? Thiếu dân là chiến bại, đó là cái chắc. Có ai cãi được diêm mẫn hồ nan địch quân hồ chẳng ? Chính quốc gia mắc nạn nhân mẫn mới cần hạn chế sanh đẻ bởi nạn nhân mẫn luôn luôn đưa đến chiến tranh xâm lược. Kẻ không mắc nạn đó phải đủ sức tự vệ trong khi kẻ mắc nạn chuẩn bị xâm lăng. Một quốc gia giáp giới với một lân quốc bốn mươi lần đông dân hơn mà lại đi hạn chế sanh đẻ cái nữa, tức là một đứa bé đứng trước một võ sư, nó an lòng được nhờ con dao cầm

tay, nhưng mà nó lại rút con dao đi. Nó có điên chẳng ?

Nước Việt Nam đã trải qua bao lần chết đói, nhưng đều do kém tổ chức mà ra : châu thổ Hồng Hà bị lụt mất mùa, nhưng gạo Đồng Nai thì không được chở đều ra đất Bắc, vào thời mà ta còn kém kinh doanh về thương mại. Đó là không kể những trận chết đói vào những năm 1943, 1944, 1945 do Pháp gây ra và Nhật noi dấu, chứ cũng chẳng hề do mất mùa bao giờ.

Ngày nay thì, nếu trừ được bọn đầu cơ, tham nhũng thì nạn chết đói sẽ không bao giờ xảy ra cả.

Tôi có biết một gia đình thợ ở Vĩnh Hội, đông tám con mà người gia trưởng làm thợ mộc. Gia đình đó chỉ nghèo không đói. Con cái thì chỉ đi học được có vài năm thì phải đi làm thợ và làm phu cả. Nhưng nếu muốn cho gia đình đó đủ tiền cho con cái leo lên tới đại học bằng cách hạn chế sanh đẻ thì có ích lợi gì cho quốc gia hay không ? Quốc gia đang bắt đầu mắc nạn trí thức thất nghiệp mà lại thiếu thợ rồi đó.

Một gia đình với hai đứa con là lý tưởng của Âu Mỹ. Họ có tham vọng đưa con cái họ lên cao. Nhưng họ sẽ chết vì thiếu nhân công khi mà được sư, cử nhân đông hơn thợ nề. Ta thoáng thấy nẻo bí của họ, sao ta lại đâm đầu vào ngõ bí đó chứ ?

Tuy nhiên không cực đoan, tôi không chống việc kế hoạch hóa gia đình một cách tuyệt đối. Những bà vợ mắc bệnh nặng như đau tim chẳng

hạn thì nên tha cho họ cái sự mạnh sinh nở. Nhà nghèo cũng cần được săn sóc tới, hơn là cứ để như xưa nay. Bác thợ mộc mà chúng tôi đã ốm chỉ đến, tuy không chết đói, nhưng quả thật bác ta cũng cực khổ. Nếu bác ta có năm con thì vợ chồng và con cái của bác sẽ thịnh thoả được ăn phở một lần.

Như vậy thì vấn đề là mức độ hạn chế đối với những bà vợ không mắc bệnh. Một gia đình nghèo nên có bao nhiêu con là vừa ?

Nếu không nghĩ đến tương lai của quốc gia thì vấn đề không thành vấn đề : càng ít con con cái càng được sung sướng và càng có hy vọng lên cao trong việc học vấn. Nhưng tiền đồ của dân tộc phải ở trên quyền lợi cá nhân. Cá nhân sẽ không bị hy sinh, không bị xem là con số không, nhưng cá nhân vẫn nên cố gắng ít nhiều cho nước nhà.

Năm đứa con là vừa cho sự quân bình cần thiết, chứ ba thì sẽ quá ít. Vì ít đẻ nên dân tộc Cam bu Chia mới phải điêu đứng như ngày nay. Đó là cái gương quá mới, chắc ai cũng phải thấy.

Giới có của, không thành vấn đề. Họ sẽ tự do có con theo cái số mà họ thích. Nhưng tưởng cũng chẳng cần nghĩ đến họ. Hồi tiền chiến, vài nhà khoa học Pháp cho rằng số dĩ châu thổ

Hồng Hà mắc nạn nhân mãn là vì ở đó người dân thiếu chất protéine : nhà nghèo thì đào đầu ra tiền để ăn thịt cho thường hầu đủ chất protéine ? Ý kiến này hình như là đúng. Dân Trung Hoa, dân Ấn đều thiếu protéine và đều đẻ nhiều. Ở Âu châu, trong hai trận thế chiến và trong thời hậu chiến của hai trận ấy, đàn bà đẻ cũng dừ, vì họ thiếu thịt trong chiến tranh và sau chiến tranh. Dĩ nhiên là sự hiếm hoi do nhiều nguyên nhân khác nữa, chẳng hạn như dân Cam Bu Chia, vẫn thiếu protéine, nhưng vẫn hiếm hoi y như dân ăn thịt nhiều.

Thế thì có thể bắt ép nhà giàu đẻ con, họ cũng khó lòng mà đẻ được vì họ thừa protéine.

Trên đây chỉ là những mối băn khoăn tiêu liệu, chừng nào có quốc sách kế hoạch hóa gia đình thì chừng ấy cuộc thảo luận mới cần sôi nổi. Hiện nay thì chưa có quốc sách như trên mà chỉ có vài thí điểm giúp đỡ việc hạn chế sinh nở chứ không phải là toàn quốc đều làm như Ấn Độ.

Nhưng giới quyền uy có trách nhiệm về một quốc sách như thế cũng nên nghiền ngẫm trước về vấn đề này, một vấn đề sinh tử của dân tộc, và nên nhớ mối lo nghĩ của Hồ Quý Ly, một mối lo nghĩ đã xưa đúng một ngàn năm, nhưng vẫn còn mang tính cách thời sự sau những gì ta thấy ở Hoàng Sa.

TUYÊN NGÔN

CỦA PHONG THẢO HƯNG GIÁO VĂN ĐÔNG

VỀ VẤN ĐỀ

HẠN - CHẾ SINH - SẢN

Nhân số hoàn cầu ngày nay đã tăng đến một mức đáng quan tâm, trong khi nạn nghèo đói vẫn chưa giải quyết nổi. Tại nhiều nơi, con cái trong gia đình sinh ra quá đông, nên phải sống nheo nhóc và thiếu giáo dục. Việt Nam là một nước trong cộng đồng nhân loại, nên phải gánh chung nỗi lo âu ấy. Vậy những ai thức thời và thành tâm yêu thương đồng loại đều không thể phản đối việc hạn chế sinh sản. Cái mà chúng tôi phản đối là những phương sách hạn chế sinh sản không tôn trọng nhân phẩm, trách nhiệm và tự do của cá nhân cũng như của gia đình.

CON NGƯỜI CÓ NHÂN PHẨM VÀ TỰ DO

Là con người, chúng tôi có một chiều sâu thiêng liêng, chứ không phải chỉ là bề mặt như sự vật, nên chúng tôi không làm thành một 'đồng', một đám đông không tên tuổi, một tập hợp của những con số có thể vứt bỏ đi, có thể được thay thế, có thể bị hy sinh. Cũng vì thế, chúng tôi có tự do và trách nhiệm định đoạt về số phận riêng của mình, chúng tôi có những quyền thiêng liêng cá nhân và gia đình bất khả xâm phạm.

Nhưng là con người, chúng tôi cũng làm thành những cộng đồng: cộng đồng gia đình và gia tộc, cộng đồng làng xóm và quốc gia, cộng đồng thế giới và nòi giống. Vì thế, mỗi người có trách nhiệm đối với cộng đồng, đối với những người đang sống cũng như đối với tiền nhân và kẻ sẽ sinh ra. Và cũng vì những mối tương quan yêu thương kể trên, nên chúng tôi có bổn phận hy sinh cho người khác. Tuy nhiên, sự hy sinh kia, đề có tính cách người, phải là tự nguyện, và xã hội có thể giúp mỗi người ý thức về bổn phận quên mình đó, chứ thường không thể cưỡng bách hoặc trực tiếp hay gián tiếp.

CHA MẸ CÓ TRÁCH NHIỆM VỀ SỐ CON SINH RA

Trong những quyền lợi và bổn phận của chúng tôi, có quyền và bổn phận yêu thương. Bằng tình yêu thương thiêng liêng đặc biệt của con người, chúng tôi đã vượt lên trên thời gian bằng cái đoạn ước bố trước cả

cuộc đời, và đó là hôn nhân nhờ có đôi bạn hiến thân hoàn toàn cho nhau để tạo lập gia đình. Tình yêu lứa đôi là tình yêu cởi mở đến những người con, biểu hiệu và kết quả tự nhiên của tình yêu thương đó. Cũng như quyền và trách nhiệm kết hôn trên, quyền và trách nhiệm có con là những quyền thiêng liêng mà xã hội chỉ có bổn phận bảo vệ, chứ không có quyền ngăn cấm bằng bất cứ cách nào.

Vì yêu là hiến thân, nên mỗi người phải nghĩ đến sức khỏe của vợ hay chồng mình, do đó tự hạn chế trong việc hưởng thú vui nhục dục; đồng thời họ còn phải nghĩ đến con cái mình, không thể vì ích kỷ mà từ chối gánh nặng làm mẹ làm cha, cũng không thể thờ ơ đối với số phận các con, để cứ sinh đẻ bừa bãi khiến chúng không được nuôi nấng và dạy dỗ đúng mức. Nói rõ hơn, nếu có con, thì đó là do vợ chồng yêu nhau và muốn có con, chứ không phải chỉ cốt hưởng lạc rồi chẳng may mà có. Đương khác, nếu phải hạn chế số con, thì đó cũng là vì thương con, muốn tránh cho chúng khỏi sống nhéo nhóc, chứ không phải là ngại gánh nặng và chỉ biết hưởng lạc thả cửa. Trong sự hạn chế số con này, không những vợ chồng phải tính đến khả năng nuôi con của mình, mà còn phải nghĩ đến khả năng nuôi được bao nhiêu miệng của cộng đồng loài người nữa.

NGỪA THAI BẰNG

TIẾT DỤC LÀ TỐT NHẤT CHO MÌNH VÀ CON CÁI.

Cũng như để thành nghề, con người phải vất vả học tập và có khi kiêng cử nữa, thì để thành người con người còn phải khắc kỷ tu thân, dù là quân tử hay thứ dân. Phương pháp hạn chế sinh sản có tính cách «người» hơn cả phải là sự hy sinh tiết dục nơi vợ chồng, sự hy sinh ấy làm cho tâm hồn trở nên cao quý và tăng niềm tương kính giữa đôi bên, niềm tương kính cần thiết cho tình yêu tiến vào chiều sâu cũng như đảm bảo sự chung thủy. Sự hạn chế bằng tiết dục này, ông cha ta xưa vẫn làm và không đến nỗi khó khăn. Mục đích tiết dục của họ là để con cái sinh ra được khỏe mạnh.

Vậy chúng tôi ước mong kẻ làm cha mẹ ý thức về trách nhiệm của mình. Chúng tôi phản đối sự hưởng lạc không kiểm soát, gây hại cho đạo lý, cho sức khỏe cha mẹ và con cái. Chúng tôi nghĩ rằng những phương thế ngừa thai phản đạo tự nhiên là không tốt trên nguyên tắc.

Nhất là chúng tôi phản đối sự phá thai, một trọng tội đối với sự sống con người, đối với quyền sinh ra và được sống của cái thai.

Chúng tôi phản đối những luật dễ dãi, những tuyên truyền và mở đầu cho việc ngừa thai thả cửa và trụy lạc.

KHI ÁP DỤNG TÙY THEO LƯƠNG TÂM

Di nhiên trong đời sống, có những hoàn cảnh éo le và rắc rối, mà việc ứng phó đòi hỏi sự tùy nghi linh động. Cho nên, con người cần được giáo dục đầy đủ để biết phán đoán uyển chuyển theo tiếng lương tâm.

Và lại, trong tiến trình thành người, con người vốn yếu đuối không khỏi có những sơ sẩy. Những sơ sẩy phải được chấp nhận như một thực trạng của đời sống, và chấp nhận với tinh thần bao dung. Riêng đối với đương sự, chỉ cần họ luôn luôn biết đứng dậy và tiến lên. Cuộc sống làm thành bởi những sa ngã và cố gắng đứng lên như thế sẽ làm nên vẻ đẹp rất «người» của con người. Chúng tôi không sợ sa ngã. Chúng tôi chỉ chống lại việc phá bỏ nguyên tắc làm kim chỉ nam cho con người trên hành trình làm người của nó.

Sự phá bỏ nguyên tắc và khuyến khích các phương thế ngừa thai nhân tạo sẽ mở lối cho lòng dục đẩy lên, đưa thanh thiếu niên vào con đường trụy lạc, đưa dân tộc đến chỗ bạc nhược và diệt vong, làm cho lòng người trở nên dễ tiện, sự kính trọng đối với cha mẹ không còn và tuổi già cô đơn lạnh lẽo như bên Âu Mỹ ngày nay, hình phạt cho những tâm hồn ích kỷ và xã hội hưởng thụ.

GIẢI PHÁP TÍCH CỰC

Một cách tích cực, chúng tôi quan niệm rằng KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH trước tiên là san sẻ của cải trong nước cũng như trên thế giới, là tận lực giúp đỡ các nước nghèo phát triển kinh tế, là bớt sản xuất vũ khí giết người và đồ dùng xa xỉ để chuyên chú vào việc sản xuất thực phẩm cũng như việc giáo dục làm người.

Riêng tại Việt nam, chiến tranh đã gây chết chóc quá nhiều, trong khi tại nguyên do chỉ thiếu người, phương tiện và hòa bình để khai thác. Vậy trong giai đoạn này, nỗ lực của chúng ta phải là mưu gấp hòa bình trong tự do, tìm vốn để sản xuất, trong sạch hóa và hữu-hiệu-hóa bộ máy hành chánh cùng với sự tăng lương cho quân công, gây sự tương tín và đoàn kết giữa mọi người dân để phát triển, hơn là bỏ phí quá nhiều thì giờ và phương tiện vào cái thứ hạn chế sinh sản phản truyền thống dân tộc, có thể đưa đến diệt chủng và sa đọa.

Saigon, năm 1974

cùng với sự ủng hộ của nhiều chức sắc đoàn thể tôn giáo và khoa học.

CON CÁI VỚI GIA ĐÌNH CỔ - TRUYỀN VIỆT - NAM

● Toan Anh

Niềm vui chính đáng và hân hoan nhất của một cặp vợ chồng là có con. Đôi vợ chồng lấy nhau, sau những ngày đầu hạnh phúc của một cuộc duyên mới, bao giờ cũng đợi chờ đứa con đầu lòng, dù người ta có ích kỷ tới đâu, dù người ta muốn sống rảnh thân tới mức nào, thì cũng có một ngày, người ta thấy cần phải có đứa con, và cả hai vợ chồng đều cảm thấy, hạnh phúc chỉ có thể duy trì được với đứa con xuất hiện trong gia đình, nhất là người đàn bà càng cảm thấy rõ rệt hơn.

Theo người xưa con cái là cái mầm đề nối dõi tông đường, bảo tồn huyết thống, và cũng chính vì sự bảo tồn huyết thống mà người xưa quan niệm *Bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại*, nghĩa là bất hiếu có ba điều, không con nối dõi nặng nhất ¹. Khi tiền nhân coi việc vô hậu là đại bất hiếu, đây không phải là một quan niệm ích kỷ hẹp hòi không phải tiền nhân nghĩ đến lúc chết không có ai khói hương cho mình, nhưng đây chính vì tiền nhân lo xa cho tiền đồ dân tộc. Chúng ta hãy thử nghĩ, nếu tổ tiên chúng ta xưa chỉ là những người ích kỷ, muốn sống rảnh thân không muốn bận bịu vì con cái, thử hỏi dân tộc Việt-Nam liệu có còn được tới ngày nay hay đã tuyệt chủng từ lâu?

CON TRAI HAY CON GÁI.

Những kẻ không tìm hiểu sâu

xa, chỉ hiểu nông cạn theo nghĩa đen, đều cho rằng *không con là tội chết* và *có con là tội sống*, tội sống vì phải vất vả nuôi nấng, còn tội chết vì không có người thừa tự, và đối với quan niệm này, phải có con trai mới được, con gái không đáng kể. Do đó, có câu *nhất nam viết hữu thập nữ viết vô*, có một con trai là có, có mười con gái vẫn là không!

Trước sự hiểu lầm to lớn đó, lắm vì chỉ chú trọng tới vấn đề khói hương, người xưa đã phải sửa sai, và vua Lê-Thánh-Tôn, trong một chiếu chỉ đã nói: *Vô nam dụng nữ, vô tử dụng tôn*, nghĩa là không có con trai thì dùng con gái, không có con thì dùng cháu. Với sự *vô nam dụng nữ*, trai gái cũng như nhau, vì trai hay gái vẫn có thể lập bàn thờ thờ phụng cha mẹ tổ tiên đề tỏ lòng tôn kính, trai hay gái cũng đều thấp được nén nhang khấn trước bàn thờ cha mẹ tổ tiên.

Với ý thức này, người ta có thể yên tâm, nếu vì quá thiên cận chỉ nhằm tới sự cúng lễ trong việc hữu hậu hoặc vô hậu, và như vậy, con gái

(1) Ba điều bất hiếu là:

— Cha mẹ sống không phụng dưỡng các người.

— Cha mẹ chết làm tử tới vong linh các người.

— Không con nối dõi tông đường.

cũng vẫn cứ là con, không phải nhất thiết có con trai và chỉ người con đầu mới thực là con như câu ca dao :

Con gái là con người ta,

Con đầu mới thật mẹ cha mua về !

Sự phân biệt con trai hay con gái chính ra không phải có trong tất cả mọi gia đình. Ta thường nói : có hoa mừng hoa có nụ mừng nụ, nghĩa là có con trai hay con gái cũng đều là điều đáng mừng cả. Đáng mừng riêng cho cặp vợ chồng trẻ, đáng mừng cho đại gia đình của họ, và sau hết là đáng mừng cho dòng họ và cho dân tộc. Mừng cho dòng họ, vì đã có mầm non để sau này lưu truyền huyết thống, dù đây là con gái, sự lưu truyền huyết thống, vẫn có, tuy cha mẹ người con gái chỉ được kể về họ ngoại, còn đáng mừng cho dân tộc, vì đứa trẻ luôn luôn là yếu tố trường tồn.

CÓ TIN MỪNG

Sau một thời gian lấy nhau, nhiều cặp vợ chồng thường sốt ruột mong mỏi một đứa con. Đứa con, như đã trình bày chính là hạnh phúc của nhiều gia đình và luôn luôn là niềm vui của người mẹ.

Đã là đàn bà có chồng, không ai không mong mỏi đứa con. Đối với người đàn bà không con, tục ngữ và ca dao có nhiều câu đầy nguyền rủa chua cay .

Cây khô không lộc,

Người độc không con.



Có chồng mà chẳng có con.

Khác gì hoa nở trên non một mình

Người đàn ông không con là hiếm hoi, và khi đã hiếm hoi thường bị người đời gán cho là vì độc ác bắt nhân đến nỗi trẻ nó không vào.

Trong một gia đình thiếu tiếng đứa trẻ bi bô là thiếu đi nhiều lắm, thiếu một phần lớn cái gì tạo nên sự vui vẻ của nếp sinh hoạt trong nhà, do đó sau nhiều ngày chờ đợi, cặp vợ chồng có được một đứa con là điều đại hạnh.

Điều đại-hạnh này đã được thò lộ ngay qua thành ngữ *có tin mừng* khi người đàn bà bắt đầu có chửa. Ba tiếng *có tin mừng* đủ nói rõ hết ý nghĩa sự sung sướng hạnh phúc của con người khi thấy mình sắp sửa làm mẹ, dù đây là lần đầu, hay lần thứ mấy.

Tin mừng đây là tin mừng của ai ? Phải chăng là tin mừng của người vợ, của người mẹ tương lai, nếu đây là đứa con đầu lòng ? Đó chỉ đúng có một phần, đúng hơn phải nói đây là tin mừng của người chồng, của gia đình nhà chồng.

Người chồng mừng vì mình sẽ có con, và sắp trở nên người cha, còn gia đình nhà chồng mừng vì đứa trẻ ra đời sẽ là của nhà chồng, nhất là khi đứa trẻ đó lại là đứa con trai. Với đứa con trai qua quan-niệm thiên cận về khí hươg, huyết thống không tuyệt tự, việc khí hươg của dòng họ sẽ được bảo đảm.

Và, chúng tôi nghĩ có thể nói thêm được rằng đây cũng là tin mừng của dân tộc. Dân tộc sẽ trường tồn và sinh sôi nảy nở, đất mới có đủ

những cánh tay rắn chắc để khai phá, nhất là để chống xâm lăng khi ngoại tộc cứ lăm le nhòm ngó...

ĂN VỤNG CHỐNG NO.

Bắt đầu có thai là có tin mừng, nhưng thành ngữ này chỉ có ý nghĩa đối với các bà vợ, còn đối với các cô không chồng mà chưa thì đây là cả một tai họa, các cô đã ăn vụng chống no, và các cô sẽ bị đàm tiếu vì cái tội *hứng gió nồm nam*, xưa nay vẫn là một điều xấu trong xã hội Việt Nam.

Nhiều cô sau khi ăn vụng chống no, thường tìm cách phá thai, nhưng việc phá thai là vô nhân đạo, và cho tới ngày nay xã hội Việt Nam không chấp nhận ! Phá hoại một bào thai tức là giết một mạng người.

Chính vì sợ ăn vụng chống no, con gái Việt Nam trước đây dù trắc nết cũng phải giữ gìn, kẻo nếu một lần hai lỡ mà *phình phình ở giữa lớn ra*, cái hậu quả sẽ tai hại không những cho riêng cô mà cả cho thanh danh gia đình bố mẹ ! Chính sự giữ gìn này đã giúp các cô đứng nguyên trong vị trí thiếu nữ ngoan ngoan để các cô trở thành những hiền phụ hiền mẫu.

Chúng ta thử tưởng tượng nếu ngày xưa có thuốc ngừa thai, các cô trắc nết đâu có sợ tội *hứng gió nồm nam* nữa, và với sự bừa bãi, biết đâu các cô sẽ chẳng chuốc lấy nhiều tai họa và bệnh tật do tính lãng lơ phong tình gây nên.

ĐÔNG CON

Gặp nhau người Việt Nam chỉ

hỏi thăm nhau về con, không ai hỏi thăm nhau về của. Người ta thường hỏi nhau « ông bà được mấy cháu ? », không ai hỏi nhau « Ông bà có mấy triệu ? ».

Tiền bạc là của phù vân, nhiều khi nó còn nói lên sự vô nhân bạc nghĩa của kẻ có tiền, trái lại con cái là chính của mẹ cha, và người ta chỉ nhìn vào con cái để hiểu phúc đức của một gia đình. Gia đình con đàn cháu đông, gia đình con cái làm nên, đó là gia đình phúc đức, gia đình tuyệt hậu, gia đình con cái tội lỗi là gia đình kém phúc đức.

Trước đây, người Việt-Nam không sợ đông con, và các cụ luôn luôn nhắc lại *một con một của không ai từ*. Bác cụ đã luôn luôn sung sướng mỗi lần đón mừng thêm một đứa con, và càng đông con càng vui cửa vui nhà. Đông con còn là hạnh phúc cho nên những người đa thê có nhiều con đã nói :

Cả sông đông chợ,

Lắm vợ nhiều con.

Nhiều con không hề bao giờ là một tội, kể cả trên phương diện siêu hình và tâm linh, và nhiều con cũng không hề là một gánh nặng cho cha mẹ, trái lại mỗi đứa con sẽ là một cánh tay giúp đỡ cho cha mẹ hàng ngày.

Xã-hội trước đây được tổ chức theo một quy củ kẻ giàu không giàu quá, và kẻ có quyền lực cũng không có cơ hội bóc lột dân lành một cách quá đáng khến cho của cải trong quốc gia chỉ nằm trong tay một thiểu số,

Người dân Việt-Nam phân chia làm tứ dân : sĩ, nông, công, thương, giới nào lo việc giới nấy, có người thiếu thốn, nhưng không bao giờ thiếu thốn đến độ không muốn sinh thêm một đứa con. Trong những gia-đình nông phu, con cái giúp đỡ cha mẹ trong việc đồng áng, trong gia-đình thợ-thuyền, con cái tập nghề của cha mẹ, giúp đỡ cha mẹ trong mọi công việc, trong gia-đình nhà buôn cũng vậy. Còn kẻ sĩ xưa được coi là phong lưu nhàn hạ và sung túc hơn.

Tóm lại, vì sự tổ chức của xã-hội không có kẻ quá giàu, người quá nghèo nên không ai vì túng thiếu mà không muốn có con. Và cũng chẳng ai nghĩ tới cái việc ngừa thai rất vô nhân đạo của ngày nay !

Xã hội cứ được tổ chức cho hợp lý đi, của cải thực phẩm sẽ không thiếu để người ta nuôi con ! Chúng ta đừng nghĩ đến giết người hay diệt người bằng thuốc ngừa thai phá thai sau khi chúng ta đã toi bời bị giết bằng bom đạn !

CẦU TỰ.

Gia đình nào cũng muốn có con, do đó nhiều gia-đình vì chậm có con đã phải đi cầu tự.

Cầu tự nghĩa là đi lễ bái để cầu xin một đứa con. Nhắc tới điều này, nhiều người cho là mê tín, nhưng họ quên mất ảnh hưởng tâm lý đã tạo sự tin tưởng cho những người mẹ hiếm hoi đi cầu tự, và chính ảnh-hưởng tâm lý này nhiều khi đã có những

kết quả tốt đẹp đối với người thành khẩn.

Các bà hiếm hoi, thường chạy chữa hoặc cúng lễ để mong có con. Chạy chữa và cúng lễ vô hiệu quả, các bà đi cầu tự. Để xin một đứa con của giới vô hình. Các bà cầu tự tại các đền chùa đình miếu, tín ở vạn năng của thần thánh.

Các bà thường kén những đền, phủ, chùa linh thiêng như Đền Và ở Sơn Tây thờ Đức Tản Viên sơn thần, đền Kiếp Bạc ở Hải Dương thờ Hưng Đạo Vương, phủ Giày ở Nam Định thờ Liễu Hạnh Công Chúa, và nhất là chùa Hương ở làng Yên-Vỹ, huyện Mỹ Đức tỉnh Hà Đông, nơi có thờ Phật Bà Quan Âm.

Trong những đám thiện nam, tín nữ đi chầu hội các đền, chùa, phủ nói trên, mỗi dịp xuân về, thường có nhiều bà đi cầu tự.

Các bà hết sức thành tâm để mong Thần, Phật chứng giám. Các bà ăn chay, lại tắm rửa sạch sẽ bằng nước ngũ vị hương để rửa sạch mùi trần uế trước khi đi lễ.

Các bà mang vàng hương và đồ lễ, ăn bận sạch sẽ chỉnh tề, và khi tới đền, phủ hoặc chùa các bà chỉ cần xin một điều : Xin giới vô hình ban cho một đứa con.

Các bà nhờ các thầy cúng viết sớ để bày tỏ nguyện vọng của mình, sớ này được đọc trước bàn thờ rồi hóa đi sau buổi lễ.

Chùa Hương tại chùa Hang¹ thiết lập trong một chiếc động, có nhiều thạch nhũ nổi lên, trông giống như hình các em bé. Khách chày hội cầu tự, sau khi làm lễ tại bàn thờ, tới xoa đầu các em bé đó, rú về voi mình. Nhiều tảng thạch nhũ trông nhẵn thín như đầu trọc của các em bé vì trải nhiều bàn tay của các bà xoa cầu tự từ nhiều thế kỷ nay.

Những bà đi cầu tự lúc trở về, phải tự coi như đã có một em bé đi kèm theo. Trong suốt hành trình từ nơi cầu tự về nhà, những người này, có những hành động như một người mẹ dắt một đứa con theo, mua quà bánh, mua đồ chơi, lúc đi đồ trả hai xuất tiền đồ, lúc ăn cơm có thêm thức ăn dành cho em bé. Thật là cảm động!

Khi về tới cửa, các bà gọi người nhà ra đón chú hay đón cậu. Từ buổi đó đến bữa ăn phải dọn thêm bát đĩa cho chú hoặc cho cậu. Người ta sắm sẵn cả nôi, may cả quần áo lọt lòng để chờ ngày thấy tin lành, nghĩa là ngày người đàn bà thấy những triệu chứng sắp thành mẹ.

Trong những câu chuyện truyền khẩu về cầu tự, người ta thường kể lại rằng những con cầu tự rất khó nuôi, và thường hay chết yểu khi mới lên năm lên ba. Tục cho rằng đó không phải là con của Thần thánh ban cho, mà là con của của lũ mẹ Danh² đầu thai vào, vì lúc người mẹ cầu tự ở đền, ở phủ, lũ mẹ Danh nhận với Thần Thánh xin cho con mình đi đầu thai, nhưng chỉ sau ít

lâu chúng lại bắt về, do đó đứa trẻ bị chết yểu.

Con cầu tự thường được cha mẹ nuông chiều, những đứa trẻ được nuông chiều quá độ thường bị gọi mỉa mai là con cầu tự.

KHÔNG CON.

Đã lấy chồng, người đàn bà nào cũng mong có con nhất là trong xã hội Việt-Nam chúng ta. Người đàn ông lập gia-đình, lâu ngày không có con, trước đây, từ ngày ban hành Luật gia-Đình trở về trước, có quyền lấy thêm vợ lẽ nàng hầu để có thể có được một đứa con sau này giữ việc nối dõi tông đường, bảo tồn huyết thống.

Theo tục lệ và luật pháp xưa, người đàn bà lấy chồng không có con là có tội, và người chồng có thể vi vào tội này để bỏ vợ được.

Trong bảy điều theo luật xưa, người chồng có quyền bỏ vợ gọi là *Thất xuất*³, tội không con đứng đầu

1. Chùa Hương là danh từ chỉ chung nhiều ngôi chùa ở làng Yên Vỹ: chùa ngoài, chùa trong, chùa cửa vòng.v.v...
2. Con hầu đầy tớ của các vị Thánh
3. Trái với *Thất xuất* là *Tam bất khả xuất*, ba điều ngăn cản người chồng không được bỏ vợ:
 - Khi người vợ đã chịu một đại tang, nghĩa là đã cùng chồng báo hiếu cha mẹ.
 - Khi lấy nhau hai vợ chồng nghèo, nay trở nên giàu.
 - Khi người vợ nếu bị bỏ không có nơi nương tựa.

sau đó mới tới các tội khác, xin liệt kê dưới đây.

- 1 — Không con
- 2 — Dâm dật
- 3 — Không thờ cha mẹ chồng
- 4 — Nhiều lời
- 5 — Trộm cắp
- 6 — Ghen tuông
- 7 — Có ác tật.

Không con là một tội nặng. Nhiều người đàn bà không có con để làm vừa lòng chồng, thường tự cưới vợ lẽ nàhng hầu cho chồng. Cũng đã từng có nhiều trường hợp muốn tránh điều mang tiếng không con, có thể bị chồng bỏ, người vợ đã phạm tội thông gian để có thể có được một đứa con.

Miệng thế xưa rất độc ác với kẻ không con. Kẻ không con là cô độc, cô quả, là tiền oan nghiệp chướng, lúc chết vong hồn sẽ bị đi cướp cháo lá đa.

Tóm lại việc sinh con tại Việt Nam rất quan trọng, hạnh phúc gia đình là ở đó. Những cặp vợ chồng hiếm hoi tìm đủ mọi cách để có được đứa con : chữa thuốc, cúng lễ, cầu tự, trừ tà, tìm ngải.v.v...

TẠI SAO KHÔNG CON ?

Ngày nay theo quan niệm khoa học, hiếm hoi là do cơ quan sinh dục bất thường, có khi của chồng, có khi của vợ, hoặc cũng có khi do bệnh tật của một trong hai người ; người xưa quan niệm khác ! theo sự tin tưởng và thói tục của ta, sự hiếm hoi có những duyên cớ về siêu hình :

Sở phạn : Mỗi khi gặp việc gì may mắn hay gặp điều không tốt đẹp,

ta đều cho là tại số. Hiếm hoi cũng là do số mệnh. Âu cũng là một cách tự an ủi của những cặp vợ chồng hiếm con, sau khi đã làm đủ mọi cách mà vẫn không có con ! Quay vào số mệnh, và tin trăm đường tránh chẳng khỏi số đề đỡ ảm ức trước mọi nỗ lực và cố gắng vẫn chẳng có con.

Tiền oan nghiệp chướng : Chịu ảnh hưởng của Phật giáo, dân ta tin theo thuyết nhân quả, và cho rằng đời sống của ta ngày nay chỉ là cái quả mà những hành động kiếp trước chính là nhân.

Hiếm hoi là một sự quả báo. Có thể vì kiếp trước người ta đã độc địa cho nên kiếp này, phải chịu cảnh cô độc cô quả trước miệng tiếng thế gian. Để chuộc tội, người ta phải tu nhân tích đức mong lòng thành thấu tới Trời Phật, họa may Trời Phật có thương giải cho tiền oan nghiệp chướng để có thể có được mụn con.

Tiền phu tiền thê và tà ma ám ảnh : Tục ta cũng tin rằng tà ma có thể ám ảnh con người gây nên cảnh hiếm hoi, nhất là cảnh hữu sinh vô dưỡng chúng tôi sẽ trình bày ở dưới.

Đối với nhiều cặp vợ chồng hiếm hoi và hữu sinh vô dưỡng ta thường hay nhắc tới những câu chuyện tiền phu tiền thê, nghĩa là người vợ kiếp trước đã có chồng hoặc người chồng kiếp trước đã có vợ, nhưng đôi bên ngang trái không sống được cùng nhau trọn kiếp, cho nên kiếp này người chồng hoặc người vợ kiếp trước chưa đi đầu thai còn theo ám ảnh,

Hoặc cũng có khi, người đàn bà đã có người dạm hỏi trước nhưng duyên nợ không thành, người đó chết đi, nay vong hồn luyến tiếc theo ám ảnh người vợ.

Và người chồng cũng vậy, có thể trước đã dạm hỏi một người nào, chẳng may người đó mệnh một, nay vong hồn nghĩ đến tình nghĩa, theo đuổi ám ảnh.

Trong những trường hợp này, theo tục lệ, người ta phải cúng để giải sự theo đuổi của vong hồn người khuất, thường có những buổi tụng kinh siêu độ cho những vong hồn này.

Và cũng có khi do tà ma. Một con ma nam theo ám ảnh người vợ, hoặc một con ma nữ theo ám ảnh người chồng cũng có thể là nguyên do của sự hiếm hoi. Lại cũng có trường hợp, cặp vợ chồng hiếm hoi có thể bị kẻ thù bắt nhờ bọn thầy Pháp làm phép trừ ốm hoặc sai tà ma ám ảnh. Theo tục, trong trường hợp này phải có cúng lễ và mời thầy phù thủy cao tay trừ tà giải ốm.

Đối với vợ chồng xung khắc :
Trước khi vợ chồng lấy nhau người ta thường so đôi tuổi, nếu gặp tuổi xung khắc đôi bên cứ lấy nhau sẽ có thể gặp nhiều điều không may trong đời mà việc hiếm hoi là một.

Để tránh sự hiếm hoi trong trường hợp này, theo tín tưởng của ta, có người phải nuôi con nuôi, có con nuôi rồi mới sinh con đẻ. Cũng có khi, theo số phận, người vợ cả phải cưới vợ lẽ cho chồng rồi mới có thể sinh con được, hoặc giả nếu

không người vợ lẽ sẽ sinh con thay thế cho mình. Nhiều bà vợ cả mong mỗi có con đã không nghĩ gì đến sự ghen tuông và chính tự mình đã cướp thiếp cho chồng.

Trên đây là bốn duyên có về siêu hình theo tục ta tín chính là nguồn gốc của sự hiếm hoi.

HỮU SINH VÔ DƯỞNG

Sống trong một xã hội, kể trước người sau, cặp vợ chồng nào cũng đều có con đủ mặt, vậy mà vợ chồng mình cứ đực ra, là một điều đau khổ, nhất là khi xã-hội lại chú trọng tới sự kế thừa hương hỏa, lưu truyền huyết thống.

Không con đã là đau khổ, nhưng đau khổ hơn lại là những người có đẻ mà chẳng có nuôi, ta gọi là *hữu sinh vô dưỡng*.

Có nhiều người lấy chồng rồi có thai, nhưng hoặc cứ mỗi lần có thai là mỗi lần xảy, hoặc tuy có đẻ, nhưng đẻ thì có mà con nuôi được thì không, đứa con nào sinh ra cũng đều chết yểu.

Người ta cho là vì tiền vận nghiệp chướng, tiền phu tiền thê, cần phải cúng lễ yểm bùa thì những đứa con sinh về sau mới nuôi được.

Có những đứa trẻ người ta cho là *lợn kiếp*, nghĩa là có sinh ra nhưng nó chết đi để rồi nó lại đầu thai trở lại, đẻ rồi lại chết đi, cứ như thế mãi. Sau vài lần hữu sinh vô dưỡng, người ta phải đánh dấu vào được trẻ bằng một vệt nhỏ nôi, một thẹo nhựa chuối hoặc bằng bất cứ một cách gì khác,

có khi xẻo của nó một miếng thịt nhỏ, tạo nên một cái sẹo trước khi đem chôn. Người ta tin rằng đứa trẻ bị đánh dấu như vậy, nó sẽ không lộn kiếp nữa, nghĩa là nó không dám đầu thai trở lại vào gia-đình đã đánh dấu nó, và lần sinh sau là một đứa trẻ khác, người ta sẽ nuôi được.

Người ta cũng quy cho nạn hữu sinh vô dưỡng là do giặc Phạm Nhan quấy nhiễu. Phạm Nhan chính tên là Nguyễn Nhan, một viên tướng của quân Mông cổ, ba lần theo quân Mông cổ sang ta, phạm nhiều tội ác, bị Hưng Đạo Vương bắt và giết đi. Bị giết, hồn Phạm Nhan còn theo đuôi dân Nam để hãm hại đàn bà sinh đẻ và trẻ sơ sinh.

Muốn trừ giặc Phạm Nhan, phải mời thầy yểm bùa. Có gia-đình, khi vợ sinh đẻ, người ta giết một con chó đen, lấy máu tẩm vào giấy bản, giấy bản này cài lên đầu giường sản

phụ và dùng để đốt khi người ta nghỉ ngơi có giặc Phạm Nhan lẩn vờn ở quanh buồng sản phụ.



Đã thành gia-thất, cặp vợ chồng nào cũng muốn có con, và trong gia đình Việt-Nam, theo lẽ thói, con cái rất cần thiết cho hạnh phúc cũng như cho sự lưu truyền huyết thống. Người ta phải lo cho có con, và từ khi bắt đầu có tin mừng là phải lo bảo vệ cho bào thai, cũng như bảo vệ cho hài nhi sau khi sinh đẻ. Người xưa không dám nghĩ tới sự ngừa thai, nhất là sự phá thai quá vô nhân đạo !

Những vấn đề xã-hội không phải có thể giải quyết được với sự ngừa thai và phá thai, mà chỉ giải quyết được khi xã hội được tổ chức hợp lý.

Nhà thuốc PHƯƠNG - ĐÔNG
KHẢO CỨU THỰC-NGHIỆM ĐÔNG-TÂY Y-DƯỢC
THUỐC BỒ NHẬT
VÔ ĐỊCH **CHINOMOTO**

Đã bán ra thị trường mấy chục triệu chai rồi.

Ai đã dùng qua đều công nhận là thần hiệu và vô địch.

Do Dược sĩ ĐÀO-SĨ-CHU Thủ khoa Đại Học Toulouse và Paris tự tay bào chế với sự cộng tác của các phụ tá Nhật và Việt Nam Đông Dược : M. Yamada, M. Umeda ; Sơn Điền và Hà Nông.

Bán tại các nhà thuốc và 10 Lê-văn-Duyệt Saigon

Điện thoại 20.832 và 20.977

THƯ NGỎ VÀ KIẾN-NGHI

THỈNH-CẦU CÁC VỊ LÃNH-ĐẠO CÁC GIÁO-HỘI TẠI VIỆT-NAM MINH - ĐỊNH QUAN - NIỆM VỀ KẾ - HOẠCH GIA - ĐÌNH HẦU HƯỚNG-DẪN LƯƠNG TÂM CÁC ĐẠO HỮU

Kính đề Qui Vị Lãnh Đạo các Giáo Hội,

Chúng tôi là đạo hữu thuộc các Giáo-Hội và tín ngưỡng khác nhau trên toàn lãnh thổ Việt-Nam Cộng-Hòa. Nhận định rằng trong năm 1974 được Liên Hiệp Quốc đề xướng là năm dân số, vấn đề KẾ HOẠCH GIA ĐÌNH đang được phát động trên đất nước này có một tầm quan trọng đặc biệt, vì :

1. Vấn-đề ấy liên hệ trước tiên đến lương tâm và tín ngưỡng của người dân Việt-Nam, vốn là một dân tộc vượt hẳn các dân tộc khác ở lòng mộ đạo và tôn kính các giá trị linh thiêng trong con người.

2. Thứ đến, liên hệ đến văn-hóa và tiền đồ dân tộc chúng ta, vì lẽ có những ảnh hưởng trầm trọng và những hậu quả sâu xa trong lãnh vực như là :

- nền giáo-dục thanh thiếu niên;
- nền nếp gia phong và truyền thống gia-đình Việt-Nam;
- nền kinh-tế nông-nghiệp nước nhà;
- chính sách dân giàu nước mạnh và nỗ lực thoát khỏi cảnh ô nhục nhược tiểu để làm một nước độc-lập trong cộng-đồng các quốc-gia độc-lập.
- sau cùng, nhất là trong lãnh vực *văn hóa* của dân-tộc chúng ta là một dân-tộc vốn trọng NHÂN LUÂN và NHÂN BẢN, như là gia-sản của tổ tiên, và kho tàng trường cửu và quý báu nhất của giống nòi.

Chúng tôi là ai ? — là những con người thấp bé thuộc mọi thành phần và mọi giai cấp hèn hạ nhất của xã hội. Là đám dân nghèo lam lũ, là những thợ thuyền, những nông phu chất phác, đã từng chịu đựng và đóng góp nhiều nhất cho quê hương xứ sở trong cuộc chiến tranh dai dẳng hiện tại.

Tiếng kêu của chúng tôi quá nhỏ bé, quyền lợi làm người của chúng tôi thường xuyên bị coi rẻ và chà đạp. Vì thế chúng tôi khẩn thiết thỉnh cầu quý vị Lãnh Đạo các Tôn Giáo nhân danh các Giáo-Hội mà chúng tôi đã thành tâm phụng-sự khẳng định quan niệm và minh thị thái độ công khai và chính thức hầu làm ngọn đuốc soi đường cho chúng tôi giữa cuộc đời đầy âm mưu đen tối. Quý vị là đèn soi, quý vị là tay lái dẫn đường. Chúng tôi sẽ thành tâm hướng về quý vị như là các bậc lãnh đạo tinh thần và lương tâm của chúng

Chúng tôi khẩn khoản thỉnh xin ý kiến của quý vị về những điểm thắc mắc sau đây hầu mong quý vị khai sáng :

1. Hiện tại trên đất nước này, vì chiến tranh đang tiếp diễn, vì thiếu hẳn thống-kê chính xác và đáng tin cậy — có nên thiết lập ngay và phát động một kế-hoạch gia-đình đưng đấng chưa ? Dựa vào những dữ kiện bấp bênh như hiện nay, nếu ban hành ngay một đạo luật về dân số có phải là phiêu lưu đưa dân tộc vào một con đường nguy hiểm với mọi hậu quả khôn lường không ?

2. Đề có một nguyên-tắc chỉ đạo hướng dẫn lương tâm và thúc đẩy ý chí của người đạo hữu, thỉnh xin ý kiến và huấn lệnh của quý vị :

— về quyền tự-do của từng đôi vợ chồng trong việc hạn chế số con, khoảng cách sinh đẻ để phù-hợp với tình trạng sức khỏe và kinh-tế gia-đình, trong tương-quan với tiền đồ của đất nước ; cùng thái độ phải có của người đạo hữu trước những âm mưu mua chuộc hay cưỡng bách áp đặt một đạo luật vi phạm sinh mạng và nhân quyền. Liên quan đến dự luật phá thai cách riêng, nếu được đem ra biểu quyết và ban hành, Giáo-Hội đề ra những khẳng định nào ?

— về thái độ tôn trọng và cung kính của từng Tôn Giáo trước sinh mạng con người, phản ảnh nền đạo lý mà chúng tôi có nghĩa vụ thiêng liêng phải bảo-vệ.

3. Trước âm mưu của giới tài-phiệt kỹ-nghệ ngoại quốc muốn tung vào thị trường Việt-Nam để bày bán tự do thuốc và dụng-cụ ngừa thai hầu trục lợi, chúng tôi là đạo hữu, nên có thái độ nào ?

4. Việc tự do buôn bán thuốc ngừa thai mang nhiều hậu quả vô cùng tai hại trong việc giáo-dục thanh thiếu niên, và trong nền gia-phong đạo lý của nước nhà, chúng tôi có quyền khẳng định lập trường và quyết định chống đối không ?

Kính thưa Quý Vị,

Thúc đẩy bởi một lòng tin chân thành, và thực tâm muốn bảo vệ tin ngưỡng lẫn nền gia-phong và truyền-thống văn-hóa nước nhà, chúng tôi ký tên dưới đây thành khẩn kính đề kiến-ngợi lên cùng Quý vị, và chúng tôi tin tưởng sẽ được toại nguyện trong lời thỉnh cầu quan yếu này.

Saigon, ngày 03 tháng 04 năm 1974

1. Ô. THẠCH TRUNG GIÃ
2. Ô. NGUYỄN DUY HINH
3. Ô. MAI LÂN ĐẶNG TRẦN AN
4. Ô. LÊ BÌNH DUYÊN
5. Ô. NGÔ TRỌNG HIẾU

6. Ô. LÊ CHÂU LỘC
7. Ô. TOÀN ÁNH
8. Bà MỘNG TUYẾT
9. Bà TUỆ MAI
10. Ô. VŨ MỘNG LONG DUYÊN ANH

11. CỎ NGUYỄN KIM NHÂN
12. Ó. NGUYỄN MINH TÂM
13. Ó. HOÀNG VĂN ĐỨC
14. Ó. TRỊNH QUANG TƯỜNG
15. Ó. NGUYỄN MẠNH HÙNG
16. Ó. PHAN DIỆU TRAI
17. Ó. LƯƠNG ĐỨC NGUYỄN
18. Ó. PHẠM THẾ PHIỆT
19. Ó. TRẦN ĐỨC UYÊN

20. Ó. NGUYỄN TẤN CHỨC
21. Ó. NGỌC MAI
22. Ó. VŨ TÀI MẠNH
23. Ó. BÀNG BÁ LÂN
24. Ó. PHẠM ĐÌNH TÂN
25. Ó HUỲNH KIM NÊN
26. Ó. NGUYỄN XUÂN KỶ
27. Ó. LÊ SĨ GIAI
28. Ó. NGUYỄN VĂN CHỈNH

ĐÃ PHÁT HÀNH TOÀN QUỐC

NGUYỄN - QUANG - ĐIỀU

Phong Trào Đông Du Miền Nam
(Giải Thưởng Văn Chương Toàn Quốc)

của NGUYỄN-VĂN-HÀU

Đón đọc **PHƯƠNG ĐÔNG** số 35

Gia Đình và Dân Số 2

Với các bài nghiên cứu về phản ứng thứ cấp trong mấy phương pháp ngừa thai, về phương pháp ngừa thai Billings nhờ chất nhờn, về các hiện tượng xã hội và gia đình ngày nay, về lịch sử kế hoạch hóa gia đình, v.v...

Với các cây bút biên khảo : Gs. Phạm-thị-Tự, Bs Nguyễn-tấn-Chức, Lm. Hoàng-văn-Lục (S Quercetti), Gs. Thạch-trung-Giá, v.v...



XƯA NAY

MẤY AI VỀ !

Tiếng ca

còn lênh đênh

*Ta đi ngoài mưa rơi
Vương tơ trời lạnh lạnh
Lênh đênh mãi một đời
Ciang hồ còn nặng gánh*

*Mưa bay qua gác vắng
Buồn vờ tiếng cười oà
Đôi mắt mòn mỏi ngóng
Rưng rưng lệ nhớ nhà*

*Trên đời cao hút gió
Bao năm chẳng thấy thành
Mộng đời trôi đã lỡ
Còn tiếc gì đến thân !*

*Chân vương bên bờ suối
Thương người mắt xa xăm
Em tròn bao nhiêu tuổi
Lệ đầy bao nhiêu khăn ?*

*Mưa bay đời hiu quạnh
Người ơi chờ đợi chi
Giang hồ còn nặng gánh
Xưa nay mấy ai về !*

*Mưa thu rắc bụi trên giong nước
Chiều về theo những nhịp chèo đi
Lá đưa nhẹ gió trôi biển biệt
Bên trời mỗi một cánh chim đi*

*Lững lờ trôi ở nước đi
Thời gian chết đuối lệ ghi sùn đồ
Gác chèo ông lái nằm mơ
Ngồi câu dẫu lợi bên bờ sông trắng*

*Sương rơi từng tiếng lạnh
Thấp thoáng bóng giai nhân
Nước, mây, trời lồng lộng
Đôi mắt nào long lanh*

*Trăm năm trong cõi thế
Người đâu đến hai lần
Một đời dài huyền mộng
Tiếng ca còn lênh đênh*

Văn-Học-Nghệ-Thuật Toàn Quốc 1972 - 1973

ngày 16-1-1974 tại Trường Quốc-Gia Âm-Nhạc

(tiếp theo số 33)

Thịt lợn thì do giáo-sư tiến sĩ luật Nguyễn-huy-Chiều đề mua ; chả băm, chả miếng ngâm nước mắm Phú-quốc, đăng thiết, với hồ-tiêu Mo-na-co, rồi nướng trong gấp bằng tre, trên một cái hộp bích quy đầy than tàu đỏ hồng thì có giáo-sư Bùi-Phượng-Trì, lý-hóa học, phụ trách ; rửa bát đĩa, dọn bàn thì có Sư-cụ Nguyễn-dinh-Thụ, nhà vô-địch đi câu cá và thi moto Nguyễn văn Liễu, cả hai cùng đều là kỹ sư điện học électrotechnique, đảm nhận, vui vẻ — Còn cụ Lê đình Nho cựu giám đốc Tổng Nha Thuế Vụ V.N. biệt hiệu là Zatout, thì chuyên chia bài Belotte, lúc nào cũng vỗ đùi đen đét đề khai annonces deux cents của bốn Bồi, cent-cinquante của bốn Chín, cent của bốn Đăm, bốn Vua, bốn mười, bốn Ách, rồi lâu lâu kêu Belotte và Rebelotte, hai bàn tay xoa xoa, có vẻ khoái trá vô cùng. Đó là chưa kể các cuộc đánh bi-da (billard) và nhảy đầm ở Café, và Hôtel de Paris. Ôi, tuổi thanh niên chăm học, vui vẻ, vô tư lự, ở nơi xa quê hương đất Tờ nay còn đâu ? Riêng tôi, tôi không bao giờ quên được những cuộc đi hái nho ở vùng Montauban gần Toulouse với luật sư Bùi tường Chiêu ; cuộc du lịch tại Cirque Gavarnie vùng Hautes Pyrénées, cảnh núi đẹp như một bức tranh thủy-mạc tàu ; cuộc thăm nhà thờ danh tiếng Notre Dame de Lourdes, vân vân, kể sao cho siết, hàng ngàn vạn nơi danh lâm thắng cảnh của nước Pháp, nhất là Paris, nói tôi đã học hội họa nhiều năm với các bậc thầy họa sư trứ danh quốc tế và đã triển lãm họa phẩm cùng danh họa sĩ Lê bá Đăng tại Odéon.

Thưa Anh, tôi chưa ra khỏi đề tài đâu. Vạy xin anh hãy hoãn khiển trách-Không nói một câu tới Paris là bỏ lơ cái Trung Tâm Văn-Hóa Thế-giới cũng như không nói tới Trung-Hoa thì có khác chi phủ-nhận sự ảnh-hưởng của bốn ngàn năm văn-hóa của một cường-quốc láng-giềng-mà một khi đã chót nói tới Paris thì không thể không đá động qua vùng Tây-Nam nước Pháp và đô-thành thủ phủ của nó là Toulouse, nơi của các đại-học danh tiếng đã đào tạo ra Ông Ngô-Khắc-Tĩnh Tổng Trưởng Bộ Văn Hóa

Giáo-Dục và Thanh niên, Chủ tịch Ủy-Ban-Tổ-Chức Giải-Thưởng Văn-Học Nghệ-Thuật Toàn Quốc 1973 do Tổng Thống Việt Nam Cộng-Hòa Nguyễn Văn-Thiệu sáng lập. Quê-cha đất-tổ của những danh nhân Pháp, như maréchal Foch, maréchal Gallieni, vân vân, Toulouse và lân cận, vùng Tây-Nam Pháp, còn là nơi kỹ-nghệ sản xuất ra máy-bay Caravelle hữu danh quốc-tế.

Cho nên, ngoài cái nghề-nghiệp chính thức được-sĩ, ông Tổng Trưởng Văn-Hóa Giáo-Dục Thanh niên đa tài rất duyên dáng và khả ái còn là Hội-Trưởng, Chủ-tịch của rất nhiều hội, sở, Công-ty, ái-hữu, Văn-Hóa, hay kinh doanh khác rất có tiếng phồn thịnh, trong đó nên kể Hội Cựu Sinh-viên tỉnh Toulouse.

Tổ-chức một công-cuộc khá quan trọng của một quốc-gia đang bị cái đại-bại Minh-Dị nó ám ảnh từ nhiều năm rồi, như tổ-chức chọn nhân-tài và sáng-tạo nhân tài, nếu không nói là thiên tài, kỳ tài, anh tài, anh kiệt, mà người Âu-Mỹ gọi là «Génies», thì thật là một việc làm rất rắc rối và phiền-toái.

Rắc rối vì nhiều chi tiết và phiền toái vì nhiều tế nhị. Cái mâu thuẫn giữa sáng kiến và quan niệm của thượng tầng chỉ huy với sự thực hiện của hạ tầng phụ trách, bao giờ vẫn thường có, nhất là trong thời cuộc «Thăng» này. Anh đã hỏi tôi : Quê Kinh Dịch nào thích hợp nhất vào cái lễ phát phần thưởng văn nghệ, bằng tiền mặt, bằng chứng minh, huy chương, tượng vàng và kỷ vật, này, theo thiên ý riêng tôi thì lấy Quả Tụng, có lẽ là tạm được.

«Thiên dữ thủy vi hành, quân tử dĩ tác sự mưu thủy» nghĩa là trời cùng nước đi trái ngược nhau, người quân tử gẫm xem tượng đó mà làm việc gì phải hết sức cẩn thận, đo lường, tính toán từ lúc khởi đầu.

Thiên-Thủy-Tụng. Lời tượng trên thật là rõ ràng. Kiền vi thiên (trời) ở trên, ở ngoại quái, gồm toàn khí trời nhẹ và khinh khí (hydro) chỉ biết bay lên cao, trái ngược với Khảm vi Thủy (nước) ở dưới nội quái, nặng nề chỉ biết chồi rơi xuống đất và trung tâm trái đất. Tụng là kiện cáo. Mà Tụng chỉ là một quẻ phản-dịch của quẻ Nhu.

Thủy-Thiên = Nhu. Theo lời tượng thì Nhu có nghĩa là nhu cầu và cũng có nghĩa là chờ đợi. Trong thời cuộc Thăng này, tức lên cao, nói nôm na là «Sắc (essence) lên» thì vật giá cái gì cũng theo mức leo thang vùn vụt đó mà lên, như cái đà giậu đồ bìm leo, mất hết cả trật tự, kỷ luật và thể thống. Như một thân cây, càng cao càng bị gió lay, dễ gặp nguy cơ đổ gãy, nên sau quê Thăng đến quê Khôn tức là Trạch-Thủy = Khôn vậy. Khôn là kiệt-quệ, cũng khôn, khô cả làng, ai cũng như ai nhất là với cái chính sách mới «lăm ba mươi ngày, ăn có mười ngày» thì rồi có lẽ phải đi ăn mày hết. Đến mức ấy thì cái thời vàng son xưa kia «lăm mười ngày, ăn ba mươi ngày» không còn nữa. Đói quá thì sẽ hết cả văn chương. Thật là khoa học kinh tế, chính trị. Cái công tác văn hóa nó nhẹ nhàng thế, mà giấu ngấm bên trong nó có một mãnh lực khai sơn phá thạch mở đường cho công tác kinh tế. Rồi từ công tác kinh tế đi sang công tác chính trị, chỉ còn một bước ngắn mà thôi. Từ Thăng đến Khôn, từ Nhu đến Tụng thật là dĩ nhiên. Vậy có nên dứt khoát bỏ cái phần thưởng tiền mặt kia đi không? Vậy các văn nghệ sĩ có đủ can đảm đề làm một cử chỉ có nghĩa lý như Jean Paul Sartre không? Ông đã tuyên bố từ chối món tiền thưởng kếch sù bốn, năm mươi triệu bạc V.N của giải thưởng quốc tế Prix Nobel về văn chương. Văn sĩ Nga Boris Pasternack, tác giả cuốn «Bác sĩ Zivago» cũng không đi lĩnh tiền thưởng Prix Nobel đó. Bên Nhật thì nhà văn hào Yasumari Kawabata được giải Nobel văn chương 1968 đã tự vận bằng hơi ngạt đề tỏ sự không sáng suốt của ban giám khảo đã không chọn nhà văn Yukio Mishima có tài lỗi lạc hơn ông. Còn ông nhà văn thiên tài này, tác giả của cuốn «Kim các tự» và cuốn «Tiếng Sông» cũng mở bụng Hara Kiri đề coi khinh cái bả danh lợi tầm thường.

Vì tranh chấp món tiền thưởng trời cho bị chia năm sẻ bảy, có khi mất hết sạch, trăm phần trăm, người văn nghệ sĩ trẻ tuổi, với cái tâm hồn sẵn bị đầu độc bằng cái bả «quan lại» của thời đồ hộ xưa còn rút lại, đành chịu cái điều kiện «không được miếng thì cũng được tiếng» vậy. Nhưng ngày hết tết đến, gạo hết tiền không, ai hiểu thấu cho — Ta đây — đến trưa ba mươi bảo vợ cố chạy đi cầm chút vàng nữ trang cũ kỷ niệm của ngày cưới mãi hơn mười năm nay, đề lấy vài ba ngàn mà cũng không xong, nên bực mình, thấy trước bàn thờ tổ tiên chỉ có một chén trà, cô đơn, không bánh chưng thịt mỡ, dưa hành, không bàn cúng tất niên, không gà luộc

xôi chè, hay một hột mứt thập cẩm, trái cây, như mọi gia đình Việt Nam. Cũng có người vác nghệ sĩ khác trẻ tuổi, con nhà giàu và con một, lấy làm hân hạnh biểu tết cụ chánh hay phó chủ khảo nào đó (có thật không hay chỉ do sự đồn đại bừa bãi) vài trăm ngàn vì cụ cần chữa nhà ngay, và hai nửa cụ vẫn có lòng thương mình như một người rề hồ tương lai. Và cũng có người vì tình thầy trò cũ, sẵn sàng đưa năm mươi phần trăm biểu thầy, nếu thầy chấp thuận.

Nghĩ đi nghĩ lại thì hoàn cảnh đất nước đã bị du vào cuộc Thăng-Khôn từ lâu rồi. Các chuyện kể trên có lẽ làm nhảm tai anh thôi. Thi vào Đại Học cũng mất từ ba trăm ngàn đến một triệu, thi ra cũng vậy. Các quan lại (văn) thời xưa được thay thế bằng quan lại (võ) bây giờ. Nên tình trạng trước hay sau vẫn thế — Cái gì cũng chè nước hết. Cửa vào lỗ hà lại chu ra lỗ hồng, đầu vẫn đấy. Chẳng còn ai muốn oán thán kêu ca gì nữa. Con người thành ra tê liệt và không cảm xúc nữa. Đi dọc phố mà hỏi thăm đường hay số nhà, ít ai muốn giả lời ; họ ngại bị dính líu hay nhớ tầu.

Nhiều nhật báo muốn câu độc giả, đã tung ra những chuyện vặt đó chẳng hay ho gì, cho người được tiền cũng như kẻ mất tiền. Hai bên đều mang tiếng xấu như nhau. Đại cương cái mặt trái của buổi lễ là như vậy-Huy chương nào cũng đẹp ở mặt phải thôi, cũng như trong sáu mươi tư quẻ kinh Dịch thì năm mươi sáu quẻ được chia ra hai loại : hai mươi tám quẻ Dịch và hai mươi tám quẻ phản-dịch, loại nọ là mặt trái của loại kia. Còn tám quẻ không-dịch, nghĩa là không có phản dịch nhưng bốn quẻ này là đối-dịch của bốn quẻ kia. Thí dụ hào âm của quẻ đối này sẽ biến thành hào dương của quẻ đối kia-như kiền có quẻ đối là khôn vậy. Chuyện đời cũng như vậy, không phản thì đối, không đối thì phản, ít khi có sự ngừng hẳn. Hiều như vậy thì sẽ thấy đời là đẹp, vì có muôn hình vạn trạng trong biết bao nhiêu cuộc biến-dịch liên tiếp không ngừng, như những cái vòng không mối Hoàn Vô-Đoan vậy. Hiều như vậy, thì sẽ rộng lượng bao dung, không cố chấp, sẽ yêu đời hay thương đời.

Thân ái chào anh

ĐÀO SĨ CHU

GIỚI THIỆU SÁCH BÁO

Tòa soạn đã nhận được những sách báo sau đây, xin trân trọng giới thiệu cùng quý độc giả :

Loa-thành đồ thuyết của Kim Định, do Thanh Bình xuất bản. Đây là cuốn sách thứ 20 trong bộ Triết-lý an-vi của giáo sư Kim Định là một triết gia rất quen thuộc đối với giới sinh viên. Giá bán 360 đ.

Nguyễn-quang-Điêu do Nguyễn văn Hầu, - giải thưởng văn chương toàn quốc.

Áo-nghĩa-thư Upanishads của Aurobindo, do giáo sư Thạch-trung-Giá dịch - An Tiêm xuất bản, giá bán 400 đ.

Hộp Thư

Tòa soạn đã nhận được :

- 12 định nghĩa văn-hóa của Chu Tấn và Hoàng văn Giang.
- Giáo sư tinh lễ của Trầm phước Đại (VB)
- Y Đạo, Hiệu năng của bài Lục vị và Bát vị của cụ Hồ văn Trí (ĐN)
- Xã hội Trung hoa qua tiểu thuyết kiếm hiệp của Linh Linh (Đàlat)
- Khách trọ, Bờ của một giòng sông, Lão tiều, Đề tranh vân thủy, Nha trang, Ninh hòa của Triều Nguyên.
- Xưa nay mấy ai về, Tiếng ca còn lênh đênh của Nhất viết Thiên.
- So sánh cái khó của ngôn ngữ gốc Nho tự và ngôn ngữ Ấn-Âu của Phan kim Huệ.
- Sách lược song Phan của Trần gia Thoại.
- Gia đình người Nhật của Phan kim Huệ.
- Cao trường của Nguyệt Lăng.
- Kiểm soát dân số trên phương diện sinh lý và y tế và Ý nghĩa sự vắng mặt của ĐHGC của Nguyễn hữu Hiệp

Xin chân thành cảm ơn các văn hữu và thân hữu.

CÁO LỖI

Nơi trang 166, số 33 PĐ có lời rao về các bài vở sẽ đăng số 34. Vì tính cách khẩn-cấp của vấn-đề gia đình và dân số nên những bài vở đáng lẽ đăng trong PĐ 34 sẽ gác lại cho số 36. Như vậy số 34 và 35 sẽ dành cho chủ đề Gia đình và dân số.

Xin chân thành cáo lỗi cùng các tác giả và bạn đọc bốn phương.

PĐ.

SOLUTHIOL

MANIFESTATIONS ASSOCIÉES:
HÉPATITES, ULCÈRES, SCÉLOM,
PSORIASIS, DERMATOSIS.

Chỉ trị

- CÁC CHỨNG PHONG
- CÁC BỆNH NGOÀI DA
- BỆNH KINH NIÊN

VỀ DƯƠng HỒ HẤP

THE RAPEUTIQUE DES CARENES SOUFREES

SOLUTHIOL

VPS

SỐ 189 / BYT . QCDP 06.08.75

BIOFERROL

FER. LYSINE. B12

MECHOLIN

VPS

- ĐAU GAN - YẾU GAN
- TẠO ĐƠN - KHÓ TIÊU

BIOFERROL

THiếu MÀU - MẮT MÀU

CHẠM LỚN - YẾU NHƯỢC

MECHOLIN

SỐ 190. BYT . QCDP ngày 6/9/75

Công - Ty Bảo - Hiểm

RỒNG - VÀNG ĐẠI - NAM

Trụ Sở : 17, Công-Trường Lam-Son — SAIGON

Điện - Thoại : 93.444 — 93.445

ĐẢM - NHIỆM BẢO - HIỂM VỀ :

- Hỏa hoạn
- Xe Ô-tô, xe Honda, xe Vespa
- Tai nạn cá nhân lao động
- Du khách
- và học sinh
- Trộm cắp
- Trách nhiệm dân sự các nhà
- Hàng hóa chuyên chở bằng
- thầu, xí nghiệp, khách sạn
- đường thủy, bộ và hàng không
- Ghe tàu chuyên chở, ghe tàu đánh cá các loại cận duyên
- và viễn duyên.

PHƯƠNG CHÂM của

CÔNG-TY BẢO-HIỂM

RỒNG - VÀNG ĐẠI - NAM

- Dân xếp mau lẹ
- Bồi thường nhanh chóng và thỏa đáng
- Quyền lợi của Bảo Viên là quyền lợi của Công ty .

MANGOSTANA

sirop

(Trích tinh vỏ măng cụt)

Hiệu nghiệm
với các chứng

MANGOSTANA
SIROP



* TIÊU CHẢY
* ỒI MÙA
* NGỘ ĐỘC
vị thức ăn

Tác dụng nhanh chóng,
êm dịu và không độc

thích hợp với người lớn
trẻ em và các bé tò mò

TỦ SÁCH HƯNG GIÁO VĂN ĐÔNG

161, Yên-Đỗ — Saigon

ĐÃ PHÁT HÀNH :

- LE MOI QUI ME DÉPASSE SELON LE VÈDÂN-TA... của Hoàng - Sơn Hoàng - sỹ - Quý, Tiến Sỹ Triết Ẩn, H.G.V.Đ. xuất bản.
- TRIẾT SỬ ẨN ĐỘ tập I của Hoàng - sỹ - Quý, H.G.V.Đ. xuất bản.
- XÂY DỰNG PHƯƠNG ĐÔNG của Bác sĩ Hoàng - văn - Đức, H.G.V.Đ. xuất bản.
- VẤN ĐỀ ĐỐI THOẠI TÔN GIÁO, của Hoàng - sỹ - Quý, Ra khơi xuất bản.
- GIẢN LƯỢC VĂN PHẠM SANSKRIT của Giáo Sư Hoàng - sỹ - Quý.

Sắp in : TRIẾT SỬ ẨN ĐỘ Tập 2

- Biên lai chính thức 1034/BTT/NBC/HCBC ngày 26-6-1971.
- Giấy miễn ký quỹ 1520/BTT/PTTT/NBC ngày 10-10-1972
- In tại Nhà In LA SAN 45 đường Nguyễn-Thông — Saigon

Lớp **HỘI HỌA** đông phương

do Phong Trao Hùng Giáo Văn Đông chủ trương

● Muốn học thiếu nhi - Lớp học người lớn

Lý thuyết và lịch sử hội họa

Các họa sĩ danh tiếng phụ trách

Chia làm nhiều cấp học - Mỗi cấp ba tháng

● Mỗi ba tháng có khóa mới

Ghi tên : sách chưa hết - tại 161 Yên Đỗ - Saigon 3
điện thoại : 24.592 - Văn phòng H.G.V.D.

Tên chi : nhân sinh - dân tộc